

VĂN HỌC TIỀN CHIẾN



Nhượng Tống

LAN HỮU

"Một giấc mộng nồng nàn
dệt xe trên gót kẻ thiếu niên."



vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Table of Contents

Lan Hữu - Nhượng Tống

Chương 1

Chương 2

Chương 3

Chương 4

Chương 5

Chương 6

Chương 7

Chương 8

Chương 9

Chương 10

Chương 11

Chương 12

Chương 13

Chương 14

Chương 15

Chương 16

Chương 17

Chương 18

Chương 19

Lan Hữu

Nhượng Tống

Khu vườn của Nhượng Tống

Năm 1940, đúng mười lăm năm sau khi Song An Hoàng Ngọc Phách cho xuất bản *Tổ Tâm*, Nhượng Tống Hoàng Phạm Trân in *Lan Hữu* ở nhà xuất bản Lê Cường, Hà Nội, với "Lời tựa" của Lưu Trọng Lư. Giờ đây nhìn lại, ta chỉ có thể kinh ngạc khi thấy hai cuốn tiểu thuyết gần nhau đến thế về nhiều mặt lại có số phận khác nhau đến vậy.

Cách tồn tại của Nhượng Tống ở trong hậu thế rất giống một nhà văn lớn khác cùng thời: Khái Hưng. Sau này cả hai vẫn sẽ được biết đến, nhưng chủ yếu là theo lối phiến diện. Văn nghiệp của Nhượng Tống thường chỉ được nhìn nhận qua các bản dịch (những bản dịch tuyệt vời như *Nam Hoa kinh*, *Thơ Đỗ Phủ*, *Mái Tây* tức *Tây sương ký*... nhưng cả ở mảng này người ta cũng ít biết Nhượng Tống còn dịch Ngọc Lê Hồn một cách trác tuyệt, chưa kể nhiều dịch phẩm khác nữa), trong khi ông còn là một nhà thơ, một tiểu thuyết gia tài năng, về phần Khái Hưng người ta chỉ biết đến *Hồn bướm mơ tiên* hay *Nửa chừng xuân* và một số tác phẩm khác, trong khi *Băn khoăn*, cuốn tiểu thuyết cuối cùng của ông, in năm 1943¹, mới thực sự là một kiệt tác. Rất có thể, toàn bộ mảng văn xuôi đồ sộ của văn chương tiền chiến Việt Nam chỉ có ba tiểu thuyết thực sự lớn, là *Tổ Tâm*, *Lan Hữu* và *Băn khoăn*. Trong bộ ba ấy, chỉ mình *Tổ Tâm* có được số phận tương đối xứng đáng với giá trị của mình.

Nhưng lịch sử văn chương là câu chuyện của các giá trị, nếu không thì ta sẽ không có lịch sử văn chương. Cả *Tổ Tâm*, *Lan Hữu* và *Băn khoăn* đều là những câu chuyện tình. *Tổ Tâm* đã quá nổi tiếng với cốt truyện bi thảm của nó, *Lan Hữu* là cái nhìn đầy thương xót nhưng không kém phần tỉnh táo của một người trưởng thành nhớ lại mối tình xưa, còn *Băn khoăn*, với những câu chuyện tình ái lắt léo của nó, là cuốn tiểu thuyết Việt Nam xứng đáng nhất, và rất có thể cũng là duy nhất, của một giai đoạn suy đồi.

Một cuốn tiểu thuyết được coi là lớn, là "giá trị" một cách toàn diện nhất, khi bên trong nó chứa đựng những điều kỳ diệu, giống như hạt mầm giấu kín ở đâu đó, sẽ hồi sinh và nảy nở mãnh liệt khi gặp được môi trường phù

hợp và xứng đáng. Tố Tâm đã có một số phận như vậy, và giờ đã đến lúc chúng ta cần trả về đúng vị trí một tác phẩm khác, không kém phần kỳ diệu - *Lan Hữu* của Nhượng Tống. Đến nay, ngoài lần ra mắt năm 1940, nó mới chỉ tái xuất một lần duy nhất, tại nhà xuất bản Á Châu (Hà Nội) đầu thập niên 50, vài năm sau khi Nhượng Tống qua đời.

Lan Hữu có thể được đọc trên ba phương diện: vì nó thuật lại rất trung thực một quãng đời tác giả, đây chính là một tài liệu quan trọng góp cho việc tìm hiểu tiểu sử Nhượng Tống Hoàng Phạm Trân, một tiểu sử mới chỉ được biết đến sơ sài, với rất nhiều chi tiết nhầm lẫn. Vì gia cảnh, Nhượng Tống phải bỏ học rất sớm vào năm mười tám tuổi, sau khi thân phụ qua đời (người cha bất đắc chí, tuy từng là "thủ khoa thành Nam", nhưng giữa một thời kỳ lịch sử u tối, đã chán chường mà chết: cái chết này được thuật lại rất cặn kẽ trong *Lan Hữu*). Vụ việc liên quan đến mấy mẫu đất gây thiệt hại lớn cho gia đình Nhượng Tống cũng được kể lại trong *Lan Hữu*. Đặc biệt, tác giả viết rất chuẩn xác về dòng dõi của mình: "nối dõi cái mạch thư hương của nhà tôi, truyền từ đời Lê cho đến bây giờ". Nhượng Tống thuộc một gia đình rất thành đạt về học vấn suốt nhiều thế hệ, tiền nhân của ông từng là thầy dạy hai nhân vật lớn của "thành Nam" là Nguyễn Khuyến và Trần Bích San.

Nhượng Tống bộc lộ tài năng văn chương rất sớm, mười sáu tuổi đã có bài đăng trên *Khai Hóa* (tờ báo của nhà tư sản Bạch Thái Bưởi), đúng như trong *Lan Hữu* có kể. Sự nghiệp báo chí của Nhượng Tống còn dài: vài năm sau *Khai Hóa* là đến giai đoạn cộng tác với tờ *Thực nghiệp dân báo* với yếu nhân Mai Du Lâm; ngay sau đó, ông cùng vài người bạn lập ra Nam Đồng thư xã, in một số sách, tài liệu. Nhượng Tống là thành viên sáng lập của Việt Nam Quốc dân đảng, dưới sự lãnh đạo của người anh hùng dân tộc Nguyễn Thái Học; vì được Nguyễn Thái Học giao nhiệm vụ ở Huế năm 1929 rồi bị mật thám Pháp bắt nên Nhượng Tống tình cờ mà thoát khỏi chuỗi án tử hình đẫm máu của thực dân đầu thập niên 30, trong đó chấn động hơn cả là "vụ Yên Bái", khi những người đồng chí thân thiết của ông như Nguyễn Thái Học và Phó Đức Chính bỏ mình dưới lưỡi dao máy chém. Thoát chết nhưng Nhượng Tống phải chịu cảnh tù đày ở Côn Đảo (trong

Lan Hữu cũng có lúc ông ám chỉ chuyện này: "đày tôi ra Côn Đảo ba năm, tôi không sợ bằng đày tôi cửa chùa Thiên Trù suốt ba tháng hội") và tiếp theo là những năm dài bị quản thúc ở quê, định kỳ phải ra Phủ Lý trình diện mật thám. Nhượng Tống còn viết báo thêm vài năm từ sau 1945, ở các tờ như *Chính nghĩa*, *Thời sự*... ông mất năm 1949 ở Hà Nội.

(Trong các tài liệu tra cứu phổ biến nhất hiện nay, ta thường đọc ở tiểu sử Nhượng Tống hai chi tiết: sinh năm 1897 và được thả từ Côn Đảo về năm 1936; hai chi tiết này đều sai, vì Nhượng Tống tuổi Bính Ngọ, sinh năm 1906 và sau các sự kiện của Việt Nam Quốc dân đảng, Nhượng Tống được thả khỏi Côn Đảo trước 1936 nhiều, bởi trước đó mấy năm ông đã lấy vợ ở quê nhà Ý Yên; các chi tiết này hiện nay đều còn lại văn bản để kiểm chứng) ²

Trong *Lan Hữu*, Nhượng Tống buộc lòng phải giấu đi nhiều chi tiết để tránh kiểm duyệt của chính quyền (thế nhưng vẫn bị kiểm duyệt bỏ thêm nhiều chỗ). Chí khí cách mạng của ông có lẽ thể hiện đậm nét hơn cả trong *Lan Hữu* ở đoạn luận thơ với cha và bác (người bác thích Lý Bạch, người cha nhiều phần uất lại thích Lục Du); khi được hỏi, cậu bé Ngọc nhận là mình thích nhất thơ Đỗ Phủ, bởi: thơ ấy gồm "biết bao nhiêu bài tả những cảnh huống khổ nhục của đám dân nghèo. Mỗi khi con đọc, lại thấy như có đám người khổ rách, áo ôm ấy kêu khóc ở bên tai, mà trong lòng thì uất ức muốn đứng phắt dậy... Thơ như thế mới thật là 'khả dĩ hưng, khả dĩ quan, khả dĩ quần, khả dĩ oán'." Câu chuyện này cũng được Nhượng Tống kể lại bằng thơ, bài thơ ấy dùng làm lời tựa cho bản dịch Thơ Đỗ Phủ in năm 1944, sau *Lan Hữu* bốn năm; đoạn đầu của bài thơ như sau:

Tôi biết đọc thơ từ thuở nhỏ

Trong thơ thích riêng thơ Đỗ Phủ.

Một hôm thầy tôi hỏi: "Tại sao?"

Đứng dậy chấp tay tôi sẽ ngỏ

Rằng: "Tại thơ ông là đời ông:

Lạ, đẹp, hùng tráng mọi vẻ đủ,

Mà còn chan chứa một lòng thương
Những kẻ nghèo nàn, phường xấu số.
Vì tấm lòng ấy nên nhiều khi
Đối với quan lại với vua chúa
Ông thường chê trách, thường mỉa mai,
Không thềm nịnh hót, không xu phụ.
Ngoài một thiên tài hiếm có ra,
Ông còn một tâm hồn hiếm có..."
Nghe xong, thầy tôi gật đầu cười
Dạy rằng: "Ồ! mày thật con bố!
Thế nhưng bất lợi ở thời này!
Rồi đó xem: Đời mày sẽ khổ!"

Lan Hữu lại có thể được đọc như một sự "chuyển dịch cốt truyện" *Hồng Lâu Mộng* vào khung cảnh Việt Nam, với hai điều rất dễ thấy: đại quan viên của Vinh phủ trong *Hồng Lâu Mộng* được chuyển về tỉnh Thái Bình, trong khi mối tình tay ba Giả Bảo Ngọc, Lâm Đại Ngọc, Tiết Bảo Thoa được tái hiện trong mối quan hệ của (Lương) Ngọc, (Mai) Hữu và Lan.

Nhượng Tống chọn cho nhân vật của mình cái tên "Ngọc" với rất nhiều chú ý. Nó rất gần với tên thật của ông nhưng ngay lập tức cũng gọi đến Giả Bảo Ngọc, và Ngọc của *Lan Hữu* cũng mau chóng nhắc thẳng tới *Hồng Lâu Mộng* (thông qua *Thạch đầu ký*), và cụ thể hơn, bài thơ "Khóc hoa" nổi tiếng mà Ngọc dùng để dò xem Hữu có yêu mình hay không.

(*Lan Hữu*, qua chuyện Ngọc dịch "Táng hoa từ", nhắc ta nhớ đến Nhượng Tống trong vai trò một dịch giả kiệt xuất. Giai đoạn rực rỡ nhất của sự nghiệp dịch thuật Nhượng Tống là mấy năm trước 1945, chủ yếu in ở nhà xuất bản Tân Việt với ông chủ Lê văn Văng là một người thân tình với ông. Tính riêng "Lục tài tử thư" do Kim Thánh Thán bình chọn, ông đã dịch ít nhất năm: *Nam Hoa kinh*, *Ly Tao*, *Sử ký*, *Thơ Đỗ Phủ*, *Mái Tây (Tây*

sương ký). Có tài liệu cho biết Nhượng Tống từng dịch cả *Hồng Lâu Mộng*, *Đạo đức kinh*, thậm chí cả cuốn thứ sáu của "Lục tài tử thư" là *Thủy hử*. Trước đó, cuối thập niên 20, ông cũng đã dịch *Ngọc Lê Hồn* của Từ Châm Á với nhan đề tiếng Việt *Dưới hoa* cùng một số tác phẩm nhỏ khác. Riêng năm 1945, ông in ít nhất ba cuốn sách: *Nguyễn Thái Học*, *Tân Việt Cách mệnh đảng* và *Hỗ trợ. Thảo luận* - đây là thời điểm Nhượng Tống chứng tỏ vai trò sử gia và nhà bình luận chính trị-xã hội của mình. Từ 1945, Nhượng Tống còn viết vài vở kịch, dịch một ít *Liêu Trai chí dị* và tác phẩm *Hương ngọc*³; dùng bút danh Mạc Bảo Thần để dịch *Đại Việt sử ký toàn thư* và *Lam Sơn thực lục*. Ông còn giúp Thi Nham Đình Gia Thuyết hiệu chỉnh và dịch thêm *Ức Trai tập* - tác phẩm mới chỉ ở dạng bản thảo. Trước tác của Nhượng Tống còn rải rác trong một số tuyển tập giờ đây ít người được biết đến như *Tản văn mới* của "Thư viện Tố Như" trước 1945; thơ của ông từng được Trúc Khê Ngô văn Triện bình luận trên *Văn học tạp chí* và xuất hiện không ít trong *Thi thoại* của Văn Hạc Lê văn Hòe in năm 1942; một nhà phê bình văn học nổi tiếng từng bình luận về văn chương Nhượng Tống là Vũ Ngọc Phan miêu tả văn chương ấy "tài hoa lãng mạn").

Bởi vì trước hết là những bông hoa: "Nguyên từ bé tôi đã có tính yêu hoa", ngay ở đầu cuốn sách, Nhượng Tống đã viết như vậy. Lan là tên một loài hoa, còn Hữu có tên đầy đủ là "Mai Hữu", cũng liên quan đến một loài hoa khác (ngay câu chuyện tình với hai cô gái trong đó một là họ hàng cũng từng xảy ra trong đời thật Nhượng Tống). Tình yêu hoa xuất phát từ tình yêu đối với người ông qua đời năm Ngọc mười bốn tuổi, một người rất gần bó với cậu bé trong một thời gian dài: "ngoài sự sợ, tôi cũng yêu ông tôi và yêu cả những cây hoa mà ông tôi yêu. Là vì ông tôi yêu thứ hoa nào, lại cắt nghĩa cho tôi biết tại sao mà ông tôi yêu. Và tôi khi ấy, ông tôi nói gì tôi cũng cho là phải cả. Những khi tôi theo ông tôi ra vườn, lại được nghe ông tôi kể cho nghe các chuyện cổ tích về hoa. Nào chuyện Võ Tắc Thiên bắt hoa đi đây, nào chuyện Đường Minh Hoàng giục hoa phải nở. Nào vô số những chuyện hoa hóa ra người, người hóa ra hoa. Nghe nhiều những chuyện ấy, tôi thành ra coi các hoa trong vườn đều là những người bạn có

cảm giác như tôi, chỉ kém tôi cái biết đi và biết nói". Nhiều khi ta tưởng như tình của Ngọc nồng nàn nhất là với các loài hoa, thậm chí còn hơn tình của Ngọc với Lan và Hữu; để tang cuộc tình suốt mấy năm trời, Ngọc đặt trước ảnh họ lọ hoa để thờ, và những câu văn đẹp nhất trong *Lan Hữu* là dành cho hoa: "Dưới trăng, các cây hoa hiện ra trước mắt tôi như những mặt bạn thân, vắng mấy ngày mới lại gặp", hoặc khi gặp lại Hữu trên Phú Thọ: "Dưới ánh trăng tà, các cây hoa trông trong các chậu in bóng cảnh bóng lá xuống đầy sân. Tôi ước ao lại được cùng Hữu ngồi đôi nói chuyện ở giữa cảnh vườn xuân".

Mối sầu tình của Ngọc trong *Lan Hữu* cũng có yếu tố họ hàng như cuộc tình duyên bi lụy của *Hồng Lâu Mộng*. Hoa và tình, nhưng cũng thêm cả mộng nữa: ít có tiểu thuyết Việt Nam nào tả mộng nhiều và hay như *Lan Hữu*. Về sau, cuộc tình không còn là thực nữa, chỉ là mộng mà thôi: "Trong mộng, tôi với họ cùng sống cuộc đời êm ái năm xưa. Trong mộng, nhan sắc của họ càng thêm rực rỡ, câu chuyện của họ càng thêm thơ ngây". *Lan Hữu* "viết lại" *Hồng Lâu Mộng* theo một cách thức chưa từng có, không khỏi làm ta liên hệ tới những gì mà Nguyễn Du từng làm với *Kiều*.

Và tất nhiên, trước hết, *Lan Hữu* cần được đọc cho chính nó, với chính nó. Câu chuyện của *Lan Hữu* rất ý vị và không hề đơn giản. Nó lại được viết một cách hết sức chín chắn, bởi con mắt hồi cố của một người đã trải đời nhìn lại tuổi hoa niên thơ mộng. Ngọc không phải là Đạm Thủy của *Tố Tâm*, vì Ngọc ý thức rất rõ sự phi lý của tình duyên, thậm chí đến cả tính chất vớ vẩn của những mối tình thơ trẻ. Nhưng vẫn có đó nỗi ngậm ngùi khôn nguôi: "Tuy trong khi yêu ấy tôi đã tốn bao nước mắt, bao tiếng thở dài, cùng chịu bao mối cảm xúc mệt người, năm mười sáu tuổi, tôi nhìn lại vẫn là một năm có hạnh phúc"; hạnh phúc ở tuổi mười sáu là điều được Nhượng Tống nêu lên ngay từ đầu *Lan Hữu*, và sẽ được lặp lại nhiều lần trong suốt tác phẩm. Khởi đi là nỗi bàng hoàng của tình yêu đầu đời, càng bàng hoàng hơn vì nhận ra cùng một lúc mình yêu cả hai người con gái: "Tôi bắt đầu cảm thấy cuộc đời phiền phức vô cùng", và nảy sinh một khát vọng rất trẻ con: "Người tôi yêu chẳng phải là người tri kỷ, mà người tri kỷ lại chẳng phải là người tôi yêu! Tôi ước ao có thể hợp cả Lan lẫn Hữu làm

một người". Hữu, cô em họ, xuất hiện trước, đó là mối tình đầu tiên, nên khi có thêm Lan, thoát tiên với Ngọc, tình cảnh là: "Vương có Lan, tôi mất cả tự do yêu Hữu", nhưng dần dần Ngọc nhận ra Lan có những điều mà Hữu không hề có, "[h]uống chi Lan yêu tôi có khi còn hơn Hữu: Lan còn biết thương cái tài của tôi nữa. Ở đời, được một người yêu mình, biết mình cũng khó lắm chứ!" Không chỉ là bạn thanh khí với Ngọc, Lan còn là tri kỷ, lại có một tấm lòng yêu thương chừng như mù quáng; Lan cũng là một con người quyết liệt, như thể sẵn sàng chống đối mọi ràng buộc gia đình, xã hội để được yêu Ngọc. Trước mối cuồng tình như vậy, một cậu bé mười sáu tuổi đầy nhút nhát khó có thể thoát được mảnh lưới đã buông, cho đến lúc phải bật ra ý nghĩ: "tôi vẫn tin ái tình chuyên nhất mới thật là ái tình, mà nay tôi tự trông thấy trái tim tôi chia đôi cho Lan và Hữu".

Nhìn lại một cách tỉnh táo, pha rất nhiều "vỡ mộng", nhưng tài năng tiểu thuyết của Nhượng Tống nằm ở chỗ ông vẫn thối được vào câu chuyện lẽ ra không mấy đặc sắc một tấm màn vi diệu của tình cảm, của lòng thành thực yêu mến tuổi trẻ; giọng văn đầy tiết chế, nhiều khi lạnh lùng, thiên hẳn về hướng phân tích, lại càng làm nổi bật lên một tâm hồn yêu đương nồng cháy, lẫn vào với những dẫn vật nội tâm không ngừng, thậm chí còn nhiều khi đi tới chỗ tự khinh bỉ chính mình. Tâm hồn ấy cũng có thể rất lạ: khi mới đến một khu vườn mới, thỏa lòng mong mỏi được kề cận với những bông hoa, trong lòng Ngọc nảy ra một ý nghĩ: "Thiếu giai nhân, tôi đành mong được gặp hồ, gặp quý như những anh chàng nào trong truyện Liêu Trai". Cái tâm hồn Á Đông đa tình trộn lẫn với huyền hoặc này, thỉnh thoảng ta mới thấy, một cách kỳ diệu, ở một số tác phẩm văn chương Việt Nam, chẳng hạn như khi Đinh Hùng viết những câu thơ:

Có những bông hoa, tiền thân là thiếu nữ

Những mùi hương rạo rực hiện hình người

Hương công chúa và men say hoàng tử

Cánh bướm thời gian treo vông tóc buông lơ

Lan Hữu là cả một bầu trời huyền hoặc của tình tuổi trẻ được Nhượng Tống, sau khi đã thấm thía rằng "đời là một cuộc đổi thay, muôn sự, muôn

vật ở trên đời, nào có cái gì là vĩnh viễn", thuật lại một cách kỳ diệu. Dâu câu chuyện này, đúng như Lưu Trọng Lư đã nhìn ra khi viết lời tựa cho bản in 1940, là chuyện mà ai cũng có, ai cũng giấu đâu đó trong góc ngách ký ức mình, thì cách kể của Nhượng Tống, bởi nó thu gom được những tinh túy của *Hồng Lâu Mộng* lẫn những gì mà chỉ mình tâm hồn Nhượng Tống mới có, vẫn còn gây rung động mãnh liệt ở độc giả sau đến ba phần tư thế kỷ.

Lan Hữu chính là một khu vườn, khu vườn ngôn từ của nhà nghệ sĩ Nhượng Tống, cho đến giờ vẫn không hề cũ kỹ, thậm chí còn mới mẻ đến bất ngờ, và đó cũng là một khu vườn hoa, nhưng là một khu vườn không hề tầm thường, nơi in dấu hạnh phúc và cũng chứa đựng biết bao nhiêu thương xót của một dĩ vãng: "Kìa cảnh vườn hoa, tôi không dám bước chân ra nữa: Đây là nơi nghĩa địa đã vùi xương [cái "tôi" mơ mộng và sung sướng]". Khu vườn ấy xứng đáng được những tâm hồn đồng điệu viếng thăm với lòng ngưỡng mộ chân thành.

Cao Việt Dũng

o o o

Ghi chú: Văn bản *Lan Hữu* được khôi phục một cách nguyên vẹn so với ấn bản Lê Cường, 1940, chỉ sửa rất ít chính tả và thêm một số chú thích. Cuối sách sao lục hai bài thơ của Nhượng Tống giống như ở ấn bản *Lan Hữu* của nhà xuất bản Á Châu.

Lời tựa (cho ấn bản 1940)

Người đề tựa với tác giả là chỗ thân tình, nhưng không phải vì cố ấy mà tán hươu tán vượn, vẽ rồng vẽ rắn vào cuốn sách. Người đề tựa cũng không phải là cốt để giới thiệu ông Nhượng Tống với độc giả. [...] ⁴ Quyển *Lan Hữu* chính là một trong những tập văn của Nhượng Tống viết trong thời gần đây. Một cuốn tiểu thuyết tình không hơn, không kém. [...] ⁵ Nhượng

Tổng, trong một thuở, đã có những rung động từng bừng, trong sáng hay âm u mà nay anh cứ việc chép lại, qua ký ức. Người ta trong một đời, ai lại không có một câu chuyện tâm sự để thuật lại hay để chép ra. Nhưng cả cái giá trị, cả nghệ thuật là ở sự kể lại mà thôi, chứ thực ra, những câu chuyện của người ta đều na ná giống như nhau cả: cũng chỉ là những bản đàn thiên cổ - tuy có đổi xoang, đổi điệu mà vẫn là những bản xưa, đã giấu ở trong lòng người, cái lòng người duy nhất, không xứ sở không kim cổ.

Lan Hữu cũng chỉ là cái mộng - hay những cái bóng mộng ở trong giấc ngủ từng bừng của các người niên thiếu, ở đây, cũng như ở trong các giấc mộng khác của người niên thiếu, người ta cũng vẫn tìm thấy ở trong, cái rộn rực, cái quần quai, cái băng khuâng: sự chia ly ở trong tâm hồn, ở trong cuộc đời.

Nhưng mộng đẹp đến đâu, rồi cũng tàn, và chì để lại cho người ta một chút thương tiếc ở trong lòng hay đầu lưỡi. Mỗi tiếc thương ấy, ở văn nhân, thành gần như là một duyên nợ cả đời. Người ta lúc nhỏ ai cũng có một điều buồn nào, một chuyện thương tâm. Cái buồn ấy ở một vài người thường thường mỗi năm về một lần... giống như cái cuộc du lịch hằng năm của các con chiên về đất Thánh. Truyện *Lan Hữu* chính là cái buồn hằng năm của người ta, đã về theo một ngọn gió đầu thu hay cuối hạ.

Lan Hữu cũng là một ngọn gió hằng năm đến gọi dậy ở trong lòng ta những hình bóng âm u của một chuyện cũ - mà ai ai lại chẳng có một câu chuyện như thế...?

Đó chỉ là như lời *Baudelaire* đã nói:

Một giấc mộng nồng nàn dệt xe trên gối kẻ thiếu niên.

Vì thế, *Lan Hữu* là cuốn sách của mọi người... Nhưng không phải là một cuốn sách tầm thường: tác giả đã cho nó một sức mạnh huyền diệu khiến cho ta không thể ngừng lại một quãng nào ở trên quyển sách. Ta chỉ muốn đọc nhanh đi cho chóng hết, để hưởng thú gấp sách lại.

Tất cả giá trị, tất cả tài nghệ của cuốn sách là ở chỗ này: tác giả là một người kể chuyện rất khéo, khiến cho một câu chuyện của mình mà người

tưởng như của người, một câu chuyện rất bình thường mà tưởng như rất mới lạ, một giấc mộng hằng ngày ở bên gối, mà tưởng như xa vời ở trong một trời nước xa xôi... Vì tác giả là một nhà tiểu thuyết xứng với danh nghĩa ấy. Và đó chỉ mới là sự bắt đầu...

Lưu Trọng Lư

1

Ví phỏng đời tôi còn có những ngày tốt đẹp đến đâu nữa, tôi cũng vẫn nhớ hồi năm tôi mười sáu tuổi là có hạnh phúc. Hạnh phúc ấy, tôi đã tìm thấy ở trong một vườn hoa.

Nguyên từ bé tôi đã có tính yêu hoa...

Tính ấy hoặc tự trời phú cho tôi. Dù vậy, cũng bởi ông tôi gây cho tôi nữa. Ông tôi là một ông già, bỏ quan về nhà từ ngày còn trẻ; mà xã hội chỉ là một đàn cháu, mà thế giới chỉ là một vườn hoa. Trong các cháu, ông tôi yêu nhất tôi. Vì tôi thìn nết ⁶ và thông minh, ông tôi bảo vậy và người nhà tin vậy. Nay tôi nghĩ lại thì không phải vì thế. Một người đậu thủ khoa trường Nam từ năm mười bảy như ông tôi quyết không thể mẫn ý về phần thông minh của tôi được: tôi là một đứa "học trước quên sau". Tôi ngày bé lại cũng không thìn nết chút nào. Tôi uống vụng rượu. Tôi ăn cắp tiền. Tôi chửi nhau, đánh nhau với hồ khắp các trẻ con trong làng. Tôi không hề ham đọc những sách mà ông tôi dạy. Trái lại, những sách ông tôi cấm, tôi lại đọc trộm và đọc mãi đến nỗi có khi thức suốt đêm, hay quên bữa không về ăn. Mà những cái "chết hư" ấy của tôi, ông tôi biết cả. Nay tôi nghĩ lại thì ông tôi yêu tôi nhất, chỉ vì tôi là đứa cháu trai sinh trước nhất của ông tôi. Mẹ tôi thường nói chuyện lại cho tôi nghe rằng: "Bấy giờ ông chưa có cháu trai nên mẹ đẻ được con ra, ông mừng lắm. Đêm hôm ấy ông uống rượu suốt sáng. Sáng ra, ông mới đặt tên cho con là Lương Ngọc. Ông bảo đặt tên cho con là 'Ngọc' là ý ông quý con như ngọc. Thêm chữ 'Lương' nữa, là ý ông mong cho con đã là ngọc, thì phải là 'ngọc lành'." Nhiều khi mẹ tôi kể lại

chuyện ấy, thầy tôi - tôi gọi cha tôi là thầy - lại nghiêm mặt bảo tôi: "Ấy mày nghe đấy! Làm thế nào cho khỏi phụ tấm lòng ông cha kỳ vọng ở mày!" Trời ơi! Tôi biết làm thế nào cho khỏi phụ tấm lòng ông cha tôi kỳ vọng ở tôi?

Thiên hạ chỉ những kẻ yêu nhau mới thật là những kẻ làm khổ nhau. Ông tôi yêu tôi, thế tất phải làm khổ tôi...

Năm tôi lên năm tuổi, ông tôi đã bắt tôi phải rời xa lòng mẹ, về ở với ông tôi. Tôi còn nhớ khi ấy tôi khóc lăn lóc chạy theo mẹ tôi. Nhưng các chị con bác tôi cố ôm tôi, bắt tôi trở lại. Giận quá, tôi đâm khùng, chửi cả các chị. Nhưng các chị không giận, chỉ cười khúc khích và đem quà dỗ tôi. Mấy ngày hôm sau, mỗi khi vắng, nhất là khi chiều tối, tôi lại sụt sịt khóc một mình. Nhưng dần dà cũng không khóc nữa. Cho tôi chơi một tháng rồi, ông tôi làm lễ vỡ lòng cho tôi.

Rồi vài, ba tháng sau, ông tôi mới bắt tôi "vào văn phép". Ông tôi giảng cho tôi những thế nào là "đứng như núi"; thế nào là "ngồi như thần thi"... Từ đó, trước mặt ông tôi, bao giờ tôi cũng phải làm phép "hãm mình"! Đứng, không dám khèo chân nọ sang chân kia. Ngồi, phải xếp chân bằng tròn và chắp tay lại... Còn bao nhiêu những điều phiền phức nữa! Cho bọn nhà nho "câu thúc thân thể", các thánh Tào đã bày ra "ba trăm uy nghi, ba nghìn lễ nghi!" Lại vài ba năm sau, mỗi khi có khách, ông tôi lại gọi tôi lên cho họ hạch về câu đối, về thơ ứng khẩu. Thực những lúc tôi đứng lợm tay cúi đầu mà nghĩ "văn chương" ấy, tôi thấy khó chịu [...] ⁷. Tôi còn nhớ một lần ông tôi và một ông khách bắt gặp tôi đương bắc thang leo lên đầu nhà, thăm một tổ chim di. Tôi vội vàng leo xuống, mặt tái mét. Hai ông bắt tôi phải làm một bài thơ "tức sự". Tôi cắn nát mười đầu móng tay rồi đọc:

Một tổ chim di được bốn con

Chưa lông; chưa cánh hãy còn non.

Bao giờ cho nó ra ràng nhỉ?

Gắp chả mời ông nhắm rượu ngon!

Khách khen hay. Đến bây giờ, tôi vẫn chưa hiểu được cái hay của bài thơ ấy!... Lại một lần, tôi đương cho bốn con chào mào non ăn châu chấu, thì phải gọi vào đem thông minh cho người ta thử. Khách là bạn thân của ông tôi, hết câu đối này đến bài thơ khác, rở hăm ⁸ mãi tôi cho đến chiều tối. Đến lúc tôi thoát nạn chạy ra bên lồng chim, thì, vì vắng tôi, nắng đến không ai cất lồng vào chỗ râm, bốn con chim trong lồng đã chết khô tất cả. Thế mới khổ thân tôi! Tôi liền liệm chúng nó vào một mảnh lá chuối, rồi lấy dao đào đất, đem chúng nó đi chôn. Chôn xong, tôi ngồi bên mả chim mà khóc nước mắt, thảm thiết. Mấy ngày sau, tôi bòn nhặt được bốn cái vỏ diêm, liền bốc mả cho chúng nó.

Tôi chỉ kể mấy chuyện đó thôi. Những cái ông tôi làm khổ tôi còn nhiều. Biết đâu cách giáo dục của ông tôi chẳng có trách nhiệm lớn về cái tình thần nhu nhược, cái thân thể yếu ớt của tôi ngày nay? Dù vậy trừ mẹ tôi ra thì ông tôi là người yêu tôi nhất trong đời. Điều đó, tôi có thể nói chắc được. Cũng vì thế mà nhiều cái ông tôi nuông tôi lắm. Có cái gì ăn, ông tôi tất cho tôi trước. Tối đến tôi được ngủ trong giường ông tôi. Mùa rét, ông tôi đắp tôi vào bọc. Mùa bức có khi tôi thức dậy, còn thấy ông tôi ngồi quạt cho tôi. Mỗi khi có nơi đón ông tôi đi đề chủ hay đề thần vị ⁹, tôi lại được một quần bút quần kim tuyến, và một bộ quần, áo màu, may bằng những vóc, lụa lót tay. Cái gì cũng thừa tôi rồi mới đến các cháu khác, ông tôi lại xé giấy mà vẽ cho tôi những bức tranh nhỏ. Và lấy "xương vó" mà gọt những tượng nhỏ cho tôi bày chùa. Khi thường cũng như khi có lễ, ông tôi chỉ khuyên bảo tôi bằng giọng ôn tồn. Tôi không hề bị ông tôi đánh, đập. Do đó, ngoài sự sợ, tôi cũng yêu ông tôi và yêu cả những cây hoa mà ông tôi yêu. Là vì ông tôi yêu thứ hoa nào, lại cắt nghĩa cho tôi biết tại sao mà ông tôi yêu. Và tôi khi ấy, ông tôi nói gì tôi cũng cho là phải cả. Những khi tôi theo ông tôi ra vườn, lại được nghe ông tôi kể cho nghe các chuyện cổ tích về hoa. Nào chuyện Võ Tắc Thiên bắt hoa đi đày, nào chuyện Đường Minh Hoàng giục hoa phải nở. Nào vô số những chuyện hoa hóa ra người, người hóa ra hoa. Nghe nhiều những chuyện ấy, tôi thành ra coi các hoa trong vườn đều là những người bạn có cảm giác như tôi, chỉ kém tôi cái biết

đi và biết nói. Bởi vậy, nhiều khi vắng vẻ, tôi thơ thẩn ngoài vườn, một mình nói chuyện với hoa.

Tôi ở với ông tôi mãi đến khi ông tôi mất. Năm ấy tôi mười bốn tuổi. Sau khi khóc ông tôi, tôi về ở với thầy mẹ tôi. Bấy giờ tôi mới bắt đầu học quốc ngữ và chữ Pháp. Đó là ý định của thầy mẹ tôi ngay từ năm tôi mười tuổi. Ấy là năm Ất Mão, năm mà ở Bắc Kỳ người ta bắt đầu bỏ chông và bẻ gọng lều [...] ¹⁰, năm mà ông cha tôi đã mất cái hy vọng cho tôi làm ông Nghè ông Cử để nối dõi cái mạch thư hương của nhà tôi, truyền từ đời Lê cho đến bấy giờ! Nhưng khi ông tôi còn, thì cái ý định ấy không làm nổi... Hai năm tôi mười bốn, mười lăm, có thể là những năm khổ nhất trong đời tôi. Từ khi về ở với thầy, mẹ tôi, tôi không còn có hoa mà xem, và không còn có tiểu thuyết mà đọc. Vả lại, tôi cũng không còn dư thì giờ nữa. Tuổi tôi đã lớn, tôi cần phải cố sống, cố chết mà học. Nhiều đêm phải rửa mặt hàng chục lần cho đỡ buồn ngủ. Bấy giờ nghĩ lại, tôi lấy làm lạ rằng sao tôi không mắc bệnh ho lao!

Cuối năm mười lăm, thầy tôi đổi về Thái ¹¹. Nhà tôi ở trọ trong nhà chú Hường tôi. Sở dĩ tôi gọi thế, là vì ông ấy có mua hàm Hồng lô tự Thiếu khanh, và với thầy tôi là đôi con cô, con cậu.

Năm sau tức là năm tôi mười sáu tuổi - năm mà tôi đã nói rằng tôi tìm thấy hạnh phúc ở trong một vườn hoa. Cái vườn hoa ấy là của chú tôi. So với vườn hoa của ông tôi, nó vừa rộng hơn, vừa nhiều hoa lạ hơn nữa. Ngay hôm mới đến tôi đã nhảy ra vườn và thơ thẩn, tối ngày không chán. Tuy vậy, cái hạnh phúc của tôi năm ấy, không những là lại được yêu hoa, mà còn là bắt đầu được yêu Mai Hữu, con gái chú tôi...

Ban đầu nhà xuất bản *Đời nay* đặt cho nó nhan đề *Thanh Đức* và hệ thống quảng cáo của Tự Lực văn đoàn còn gán cho nó một tên phụ, *Tội lỗi*; sau này khi Nhất Linh cho tái bản cuốn sách ở Sài Gòn, cuốn tiểu thuyết trở lại nhan đề ban đầu mà Khái Hưng đã chọn lúc sinh thời: *Bản thảo*.

Các chi tiết liên quan đến cuộc đời Nhượng Tống sử dụng trong bài viết đều đã được xác nhận ² bởi bà Hoàng Lương Minh Viễn, con gái độc nhất của Nhượng Tống Hoàng Phạm Trân, hiện vẫn sống ở Hà Nội.

³ Của Liễu Tuyền tiên sinh, do nhà xuất bản Tân Việt in năm 1947; lúc này nhà Tân Việt mới

chuyển trở lại vào trong Nam.

4 Kiểm duyệt thời Pháp thuộc bỏ mười ba dòng. (Các chú thích trong sách, nếu không có ghi chú thêm, đều là của Cao Việt Dũng).

5 Kiểm duyệt thời Pháp thuộc bỏ ba dòng.

6 Ý nói tính nết thuần và tốt.

7 Kiểm duyệt thời Pháp thuộc bỏ ba dòng.

Rở hăm: "rỡ" thì đúng hơn là "rở", có nghĩa là gỡ ra, còn "hăm" nghĩa là chôn vùi. "Rở hăm" có thể hiểu như dây dưa, nâng lên đặt xuống, xoay vần. Kiều có câu: "Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi" nghĩa tương tự.

"Đề chủ": thông thường bài vị trên bàn thờ có viết trước chữ chủ nhưng còn thiếu nét. Đám tang làm lễ từ nhà đến mộ, tới giữa đường dừng lại để làm lễ đề chủ. Bậc quan viên hay đại khoa được gia đình mời viết nốt chữ chủ (một chấm trên đầu và một nét sổ). Cũng có nơi lễ đề chủ được thực hiện sau khi an táng từ 49 ngày đến hai năm. "Đề thần": thường thực hiện trong lễ chiêu vong (bao gồm chiêu vong, đề phan, đề thần). Tuy nhiên nhiều nơi gọi đề thần chung với lễ đề chủ thành lễ đề thần chủ.

10 Kiểm duyệt thời Pháp thuộc bỏ mấy chữ.

Địa danh "Thái" trong cuốn sách nên hiểu là Thái Bình: cha của nhân vật chính được giới thiệu là "thủ khoa thành Nam", và khi được gọi về, nhân vật chính từ nhà "chủ Hường" về tới nhà chỉ 11 trong vòng một buổi, như vậy sẽ là hợp lý nếu là từ Thái Bình về một nơi gần Nam Định. Rất dễ nhầm "Thái" là Thái Nguyên vì ở chương XV, Nhượng Tống để cho nhân vật nhắc đến "Thái Nguyên".

Năm ấy, tôi đã được yêu Mai Hữu. Nhưng trước đó, tôi đã được yêu hoa, và cả yêu tiểu thuyết nữa. Tôi đã nói tôi thích hoa và thích tiểu thuyết đến mực nào.

Khi ấy, tôi đã không cần phải học lối "khổ sai" nữa. Tôi đã có nhiều thì giờ rồi. Thứ Năm, Chủ nhật, tôi đã được nghỉ, được chơi. Theo tính thích của tôi, các trò tiêu khiển cho tôi không gì bằng ra vườn hoa của chú tôi mà thần thơ, cùng mượn tiểu thuyết của chú tôi mà đọc. Lần mượn đầu tiên, tôi phải năn nỉ xin chú tôi đừng cho thầy tôi biết. Vì theo ý thầy tôi, thì tôi cần phải lúc nào cũng dán đôi con mắt vào những sách vở mà nhà trường dạy. Còn bao nhiêu thứ có thể cho tôi vui một chút, thầy tôi đều cho là "ngoạn vật táng chí"¹. Cũng bởi thế mà tôi không dám đọc tiểu thuyết ở trong nhà. Tôi phải đọc vụng ở ngoài vườn hoa. Nhiều khi đọc mãi, dưới bóng trăng tôi cũng cố mà nhìn cho ra những chữ lí tí trong những sách in bằng thạch bản. Cái đó, sau này có kết quả trong đời tôi: mắt tôi bây giờ gần như cận thị.

Tâm hồn tôi lúc nhỏ rất lãng mạn và rất giàu thi vị. Nó khảng khái sau khi đọc các chuyện nghĩa hiệp; nó hăng hái sau khi đọc các chuyện anh hùng; nó nhàn nhã, nhẹ nhàng, sau khi đọc các chuyện ẩn dật, thần tiên. Từ khi về ở với thầy, mẹ tôi, rông rã hơn một năm trời, nó bị cái thực tại buồn tẻ, thấp hèn đuổi lạc đi xa lắc! Thay vào nó, óc tôi phải chứa một tâm hồn khác: tâm hồn một đứa trẻ cố lặn lội chạy theo một mục đích thiết thực, mục đích kiếm ăn! Nhưng khi ấy thì hoa và tiểu thuyết lại gọi cái hồn thơ của tôi tỉnh lại một, đôi phần. Dù vậy, nó không còn là cái hồn xưa, sau khi tôi đọc những chuyện anh hùng, nghĩa hiệp, ẩn dật, thần tiên. Mười sáu tuổi trên đầu, tôi chỉ còn cái hồn thơ khao khát, mơ màng, sau khi tôi đọc những chuyện giai nhân, tài tử... Trong vườn hoa, cuốn tiểu thuyết đã gấp bỏ túi, tôi ngồi, đứng bơ thờ mà nhìn cảnh vật. Dăm ba con bướm, cánh sắc sỡ, xập xòe lượn quanh, hay lấy bầy đậu trên mấy đóa hoa hồng. Một con oanh véo von lên tiếng hót, ẩn mình trong bóng liễu thướt tha. Đàn chim khuyen vừa

gọi nhau, vừa bay, nhảy tìm sâu trên các cành đào, cành mận. Hay là: trong làn gió hiu hiu, một mùi hương của một thứ hoa nào bay thoáng. Dưới bóng trắng vàng, mát, bóng cành, bóng lá một bụi trúc, một bụi trúc đào, in lại mặt tường, vẽ lên một bức tranh thủy mặc... Trong những lúc ấy, hồn thơ của tôi lại hiện ra và chiếm lấy cả người tôi. Nó man mác. Nó bồi hồi. Nó như muốn bay liệng theo đàn bướm; ca hát theo tiếng chim; lay động lá lơi theo các bông hoa, tàu lá. Tôi khao khát. Tôi mơ màng. Tôi thấy vườn hoa ấy thật đáng là vườn tình của một cặp giai nhân, tài tử. Tôi điên cuồng mà tự cho mình cũng là một tay tài tử. Nhưng... tìm đâu cho thấy giai nhân? Nhiều khi tôi ngồi một mình ở trong vườn cho mãi đến canh khuya. Thiếu giai nhân, tôi đành mong được gặp hồ ², gặp quý như những anh chàng nào trong truyện "Liêu Trai". Nhưng hồ với quý hình như chỉ cười thầm tôi điên dại. Chứ không hề cảm đến tấm si tình của tôi. Tôi mong, tôi đợi đến thế nào, cũng không hề được gặp!

Ấy thế rồi có một hôm, tôi tìm thấy giai nhân của tôi ở trong người Mai Hữu...

Hữu kém tôi hai tuổi và học dưới tôi một lớp. Từ khi về Thái, tôi với Hữu là bạn học chung đèn. Chú tôi dặn Hữu: "Có chỗ không hiểu, con hỏi anh". Ban đầu còn lạ, nhưng vài ba hôm chúng tôi đã thân nhau. Tuy vậy, nếu trí nhớ tôi không nhầm, tình thân của tôi đối với Hữu ban đầu chỉ là tình thân của đôi anh, em họ. Nhưng sau đêm mồng mười tháng Hai năm ấy - cái đêm không bao giờ tôi quên được - thì tôi nhìn Hữu không còn là người trong họ nữa, mà là người trong lý tưởng tôi...

Trước đấy luôn mấy hôm, trời gió bắc và mưa phùn. Đến hôm ấy, trời "bật nắng lên" cái nắng ấm áp của mùa xuân. Vì hôm sau là thứ Năm, tôi không phải làm cái khổ dịch học bài để sớm mai vào đọc trong trường. Buổi tối đến, tôi ra ngồi trên một tấm ghế đá đặt ở trong vườn mà chờ hồ, đợi quý... Dưới trăng, các cây hoa hiện ra trước mắt tôi như những mặt bạn thân, vắng mấy ngày mới lại gặp. Cúi nhìn bóng hoa dưới đất, tôi chợt nhớ mấy câu thơ Kiếm Nam ³ :

Trăng sáng nhuộm sân ngoài.

Ngồi rù, ngại bước chơi.

Phải đâu mình sợ lạnh:

E giẫm bóng hoa mai!

Gió hây hây thổi. Mấy làn mây mỏng theo nhau chạy lướt dưới vầng trăng, làm cho ánh trăng khi tỏ, khi mờ. Tôi ngẩng lên nhìn vầng trăng ở giữa các lớp mây, thấy như một con thuyền đương thuận gió chạy nhanh ở giữa vùng bể sóng. Tôi bỗng ước ao được ngồi con thuyền ấy đi khắp bốn phương trời để tìm người trong ý. Tôi mơ màng đến những cô tiên đa tình trong các chuyện đời xưa. Chợt trong làn gió nhẹ, tôi thoáng thấy có mùi nước hoa. Tôi nhận ngay ra là mùi nước hoa xúc tóc của Hữu sau mỗi khi gội đầu. Tôi kinh ngạc, không hiểu tại sao mùi thơm quen ấy bấy giờ lại làm cho lòng tôi nảy ra một cảm giác lạ. Lòng tôi thấy bồi hồi hơi rạo rức. Tôi ngảnh lại thì Hữu đã bước đến bên cạnh. Dưới ánh trăng, khuôn mặt trái xoan của Hữu, in trên mớ tóc đen nhánh bỏ xõa xuống hai vai, tôn thêm vì bộ quần áo trắng mặc ngoài, tôi thấy đẹp hơn ban ngày nhiều lắm. Lòng tôi lại càng động. Trong khi ấy thì Hữu đã hỏi tôi:

- Anh ra đây lúc nào thế?

Tôi ôn tồn đáp:

- Anh vừa ra, em ngồi xuống đây.

Hữu ngồi xuống bên tôi, cười cười, nói nói những chuyện không đầu, không đuôi. Tôi nghe mà không hiểu. Tôi đã để cả tinh thần mà nhìn Hữu. Trong lòng thì có cái cảm như khi tôi hôn một đứa trẻ sạch sẽ, xinh xắn: muốn ôm chầm lấy, cắn một miếng má mà nuốt đi cho thỏa lòng yêu!... Hữu bỗng cười to và nói to:

- Ô kìa! Ừ là thế nào, anh? Em hỏi bóng anh đâu kia mà?

Tôi như người chợt tỉnh, cười chỉ cái bóng mà rằng:

- Kia chứ đâu!

- Không phải rồi! Bóng em đấy chứ!

Thực ra thì Hữu ngồi cạnh tôi, dưới ánh trăng soi chếch, bóng Hữu và bóng tôi đã nhập làm một. Tôi lại cười:

- Thế ra anh không có bóng! Thôi! Anh là ma quách rồi: chỉ có ma mới không có bóng!

- Đừng nói thế, em sợ.

Vừa kêu thế, Hữu vừa nắm chặt lấy cánh tay tôi và ngồi dịch lại gần tôi. Trong người tôi, thấy một mối cảm kỳ dị, êm ái như thế nào, không sao nói ra được, chúng tôi ngồi yên lặng dưới trăng.

Ngay lúc ấy, xa nghe có tiếng trẻ cười nói. Mấy đứa em tôi, và em Hữu đã từ trong buồng học chạy ra vườn. Có đông người, Hữu rủ chơi trò "chi vi" ⁴. Tôi và các em ưng ý ngay. Hữu liền xòe một bàn tay ra, cho chúng đặt mỗi đứa một ngón tay trở vào. Rồi Hữu bắt đầu đọc:

"Chi vi chành chành. Cái đánh thối lửa..."

Tôi cô tình để chậm ngón tay, cho Hữu "hập" phải. Rồi ngồi xuống ghế cho Hữu lấy hai bàn tay mà bịt mắt tôi. Khi các em đã đi ẩn xong, Hữu mới buông tôi ra mà đi ẩn sau cùng. Trước khi buông, Hữu không quên giao hẹn với tôi phải nhắm mắt cho đến lúc nào nghe tiếng Hữu "hú tim". Và sau khi buông tôi, Hữu cũng không quên vừa cười vừa thề với lại câu: "Ai mà ti hí, chuột chí cắn mắt đấy!" Y lời hẹn, tôi nhắm mắt ngồi cho mãi đến lúc nghe tiếng "hú tim" vang bốn phía, mới đứng dậy đi tìm từng đứa em một. Rồi trong lòng tôi thấy nhẹ vui sung sướng, trong khi đến bên bụi nhài, nắm cánh tay Hữu mà lôi Hữu ra ở dưới khóm hoa...

Chúng tôi chơi đương lúc náo nức thì người nhà ra gọi vào. Tôi bùi ngùi như khi xem một tích hát đương hay mà phải bỏ ghế đứng dậy. Vào trong nhà, trông thấy thầy, mẹ tôi, lòng tôi tự nhiên sinh ra hổ thẹn. Tôi hổ thẹn về những ý nghĩ của tôi khi ngồi đối với Hữu. Tôi tự cho tôi là có tội. Nhưng khi vào giường nằm thì những ý nghĩ ấy lại theo bóng tối mà trở lại óc tôi. Tôi bỗng bức mình cho tôi sao không sinh ở những nước ngoài: những nước dù đôi con cô con cậu ruột cũng có thể lấy nhau được. Ở nước mình, con cô, con cậu ruột không lấy được nhau cái đó đã hẳn. Những cháu

cô cháu cậu ruột có lấy được nhau không? Tôi sức nhớ muốn rõ điều đó, cần phải xem bộ hội điển Gia Long! Nhưng bộ sách ấy lại ở tận nhà quê, tôi có bay về mà xem ngay sao được! Lòng tôi bị ngờ vực vò xé. Thế rồi tôi cầm chừng như sự tôi yêu Hữu là phạm cấm. Cõi lòng tôi bỗng hóa một chiến trường mà quân địch đôi bên đương xô sát nhau kịch liệt: bên tình và bên lẽ. Bất thành linh, tôi bỗng như thấy một ông thánh Tàu nào ghé tận tai tôi mà hét to cái "mạnh lệnh đích xác": "Phát hồ tình, chỉ hồ lẽ, nghĩa!"⁵. Mạnh lệnh ấy đập vào óc tôi như một nhát roi điện. Chịu nhát roi ấy, quân bên tình núng thế, chịu thua. Tôi quyết lòng tuyệt giao với thằng giặc Tình, nếu nó dám đương đầu với ông chúa Lẽ. Không phải tôi có yêu gì ông chúa chuyên chế ấy. Nhưng tôi sợ ông, vì ông có quyền lột hết danh dự tôi, có quyền ruồng đuổi tôi ra ngoài gia đình, ngoài xã hội. Bỏ hôn trán tôi mướn ra, trong khi nghĩ đến rằng nếu tôi yêu Hữu, quả là trái lẽ! Tôi thở dài mà than cho bao nhiêu hạnh phúc chịu hy sinh vì những mớ giấy lộn ở trong đời!

Mấy ngày hôm sau tôi những băn khoăn về có không biết tôi yêu Hữu có hợp lẽ không! Tôi nhìn Hữu bằng đôi mắt buồn rầu. Mắt tôi càng thấy Hữu đáng yêu bao nhiêu, thì lòng tôi lại càng âm thầm đau đớn bấy nhiêu. Nhưng may sao! Làn mây ngờ vực sau khi làm u ám cõi lòng tôi suốt mấy đêm ngày, vì một sự tình cờ, đã tan như lớp khói...

Trong một bữa cơm, thầy, mẹ tôi nói chuyện với nhau về một đám mới cưới mà đôi vợ, chồng là đôi cháu cô, cháu cậu ruột. Thầy tôi phàn nàn là: lấy nhau gần quá! Mẹ tôi thì nói bằng giọng mai mỉa:

- Thì "hoài chuồng trâu ta cho gà người bói" chứ sao!

Nghe xong câu chuyện ấy, lòng tôi hồi hộp nửa mừng, nửa lo. Cái cơ ấy, ai cũng có thể đoán mà biết được. Dù vậy, trí tôi cũng được một lúc nhẹ nhàng. Tôi đã tự đáp được một câu hỏi mà luôn mấy hôm, không mấy lúc là tôi không đem ra để tự hỏi. Trong xã hội đã có những đôi cháu cô, cháu cậu ruột chính thức lấy nhau, thì sự yêu nhau của những đôi ấy, cố nhiên là không trái lẽ rồi. Nhưng chỉ trong giây lát, trong trí tôi lại nảy luôn ra hai

câu hỏi nó làm cho tôi bối rối chẳng kém gì câu hỏi trước. Tôi tự hỏi: Nhưng Hữu có yêu mình hay không?

Nếu không, làm thế nào cho Hữu yêu mình? Cố nhiên tiếng "yêu" tôi nói đây không phải là chỉ lòng yêu nhau của anh em, mà là chỉ lòng yêu nhau của trai, gái, vợ, chồng. Tôi nào có cần gì đến lòng yêu anh em của Hữu! - Nói thế, tôi lại không khỏi tức mình cho loài người, trong việc đặt tiếng nói, nhiều khi tỏ ra hà tiện quá: bao nhiêu mối tình cảm khác nhau họ nõ đem gói tròn cả vào trong một tiếng "yêu"!

Kính Thư. "Ngoạn nhân táng đức, ngoạn vật táng chí" (Khinh nhơn người thì hồng đức, khinh
1 thường vật thì hồng chí). Nhưng ở đây cũng nên hiểu thêm theo ý nếu quá quan tâm, thích thú một
số thứ thì sẽ làm hồng chí.

2 Hồ ly tinh, như hay thấy trong truyện Liêu Trai.

Bản Lê Cường 1940 in nhầm thành "Kiến Nam". Nhưng Tống muốn nhắc tới nhà thơ Lục Du
đời Tống; Lục Du sẽ còn xuất hiện thêm một lần nữa trong sách. Bài thơ trên đây dịch từ bài "Mai
hoa tuyết cú" (ta nên nhớ nhân vật Hữu tên đây đủ là "Mai Hữu") rút từ tập Kiếm Nam thi thảo
của Lục Du, phiên âm tiếng Hán như sau:

3 *Sơn nguyệt hạo trung đình*

U nhân tửu sơ tỉnh

Bất thị kiếp thanh hàn

Sầu đập mai hoa ảnh

Chi vi: tên đầy đủ là "Chi vi chi vít", tức trò trốn tìm của trẻ em. Một em chia bàn tay ra các em
khác đặt một ngón tay vào. Một em khác đọc hoặc hát lời đồng dao, khi lời đọc kết thúc, em bé
4 đang xòe tay sẽ bập nắm tay vào, nắm được ngón tay em nào, em đó phải bịt mắt để các em khác
đi trốn.

5 Xuất phát từ tình, dừng lại bởi lễ nghĩa. Ý nói dẫu có tình với người thì vẫn phải biết giữ lễ, nghĩa.

Tôi vò đầu mà nghĩ xem làm thế nào cho Hữu yêu tôi.

Tôi nhìn lại những điều đã xảy ra ở cõi lòng tôi trong mấy hôm vừa qua. Tôi khờ dại mà tin lòng Hữu cũng như lòng tôi. Tôi cho rằng trước khi làm cho Hữu yêu tôi, cần phải làm cho Hữu biết sự yêu tôi là ở trong vòng lễ giáo. Tôi chưa nghĩ đến kế làm cho Hữu yêu tôi vội. Tôi hãy nghĩ đến cách làm cho Hữu biết: Tôi cùng Hữu, nếu yêu nhau, có thể lấy được nhau...

Cũng như một, vài người bạn tôi, tôi hồi đó rất thích viết văn. Chẳng những có gan viết, tôi còn có gan gửi đi các báo nữa. Cũng vì thế, ngày nào tôi cũng mượn các báo của chú tôi. Ông này mua đủ mọi thứ báo quốc văn, nhưng mua để bày cảnh buồng tiếp khách hơn là để đọc. Mỗi khi cầm tờ báo, tay tôi lại run run và trong lòng lại chứa chan hy vọng. Nhưng khi tôi trông khắp tờ báo không thấy tên mình đâu cả thì tôi lại thở nấc lên một tiếng cho đỡ buồn. Tôi lại có thừa ngốc thừa tem để hỏi các ông chủ bút các báo: Tại sao không đăng bài của tôi? Cũng may mà không ai chơi ác trả lời cho tôi cả. Tuy vậy mà tôi vẫn kiên nhẫn, vẫn chịu khó gửi văn đi các báo. Mãi sau, những văn thơm tho và giá trị của tôi mới được hoan nghênh vào báo *Khai Hóa*, trong mục "Thiếu Niên văn đàn". Ông chủ nhiệm lại có lòng tốt, gửi báo tặng nhà "Thiếu niên văn sĩ"! Bút nào mà tả được sự vui mừng của tôi lần thứ nhất được nhận báo biểu và được thấy văn mình in trên mặt báo! Tôi mà được biểu báo! Văn tôi mà được đăng lẫn với văn các nhà viết báo mà xưa nay tôi vẫn sùng bái, và coi như thần thánh không thể tới gần được!

Đáng cho tôi hãnh diện với các bạn hữu biết là bao nhiêu! Biết là bao nhiêu! Từ đó trở đi, tôi thấy tờ Khai Hóa từ nội dung đến hình thức đều hơn hẳn các báo một từng. Và không bỏ một dịp nào chê bai các báo khác và tâng bốc tờ *Khai Hóa*. Đền lại sự tận tâm ấy, ông chủ nhiệm vẫn cho tôi cái thú vị được nhận báo biểu, và được đọc lại văn mình trên báo. Những lúc đọc lại ấy, tôi thấy văn tôi hay hơn khi mới viết gấp đến mấy lần.

Nói rút lại là hồi đó, có nhiều lúc tôi ngồi trong buồng học mà viết... văn. Và mỗi khi Hữu bắt được là lại đòi xem và hỏi vặt. Tôi đương nghĩ xem thế nào cho Hữu biết: Tôi cùng Hữu yêu nhau chẳng phải là có tội với luân lý thì chợt nhớ đến điều đó. Trong trí tôi bỗng như bật ra một tia sáng. Tôi liền nghĩ ra một kế hoạch rất cong queo hợp với tính nhút nhát của tôi...

Nghĩ đã chín, tôi quyết ý làm ngay. Đương đêm tôi vùng dậy, len lén lên buồng học. Đánh diêm thắp đèn rồi, tôi rút ngăn kéo lấy bộ *Thạch đầu ký*¹. Tôi giở phần phật để tìm cho được một bài thơ "khóc hoa" của Lâm Đại Ngọc, tôi nhẩm cho thuộc lòng bài thơ ấy. Xong, tôi xếp dọn tử tế rồi lại len lén trở về giường nằm. Tôi nằm mà dịch lấy được bài thơ dài ấy ra quốc văn. Công việc ấy đã làm cho tôi sáng hôm sau, phải thầy tôi vục vào vai ba nhát thước thật đau mới biết đường mở mắt dậy! Dậy, súc miệng, rửa mặt xong, tôi xuống ngay buồng học. Hôm ấy là ngày nghỉ học, tôi lấy giấy viết lại bài thơ tôi dịch đêm qua. Viết đến nửa chừng, tôi nghe tiếng giày Hữu bước vào cửa phòng. Tiếng giày ấy như vang động đến trái tim tôi: Hữu đến vào giữa lúc tôi đương mong đợi. Tuy vậy, tôi cứ cầm đầu viết, làm ra bộ mê mải. Trong khi ấy thì mũi tôi đã thoáng thấy mùi nước hoa xức tóc của Hữu. Rồi thì: ngang vai tôi, tôi thấy một vài món tóc của Hữu chạm phải một bên má tôi. Tôi thấy hơi thở của Hữu đưa lại, âm ấm và nhẹ nhàng. Hữu đã đứng sau lưng tôi, ghé mắt lại mà đọc trang giấy tôi đương viết. Tôi đặt bút quay lại, tươi cười hỏi:

- Hữu đấy à?
- Vâng, anh cứ viết đi.
- Nhưng có em đứng đấy, bút nó thẹn, viết không ra chữ!
- Gớm! Thì đấy, để anh viết!

Hữu nguýt tôi rồi quay sang ngồi đối diện với tôi, trên tấm ghế dài đặt bên kia bàn. Tôi cười:

- Anh nói đùa đấy, chứ còn đâu nữa mà viết!
- Thế đưa em coi nào!

Hữu cầm lấy trang giấy tôi viết rồi hỏi tiếp:

- Thơ gì đây, anh?
 - Thơ "khóc hoa"!
 - Khóc hoa! Anh khéo rõ bày trò lắm!
 - Có phải của anh đâu. Anh dịch đấy mà!
 - Anh dịch của ai?
 - Của Lâm Đại Ngọc. Hay là của người viết chuyện Lâm Đại Ngọc.
 - Rõ những người viết chuyện hay bịa! Đời, ai lại khóc hoa?
 - Có chứ! Đời đã có người khóc, tất có người khóc hoa.
 - Thế là thế nào?
 - Thế là anh cho rằng, bao nhiêu người khóc ở đời, đều là mình tự khóc mình cả. Khi nào họ tủi thân thì họ khóc. Có người chết, họ tự mượn chuyện người chết mà khóc. Không có người chết họ mượn một chuyện khác mà khóc. Hoa tàn, hoa rụng, cũng là một chuyện để họ mượn mà khóc được chứ sao?
 - Anh nói cái gì mà càng nói càng không ra nghĩa lý gì cả!
- Hữu chép miệng nói thế, rồi mỉm cười nhìn xuống trang giấy tôi viết. Câu nói của Hữu đã xa quá với điều tôi liệu trước. Tôi thờ thần cả người: cô tìm lời để dắt câu chuyện đến chỗ tôi định nói mà tìm không ra. Một lúc im lặng. Câu chuyện bị đứt quãng. Lòng tôi thấy một mối cảm như là hối hận. Tôi khinh bỉ vô cùng cái giọng triết lý nửa mùa của tôi. Tôi cho chỉ tự nó mà này đây cái kế hoạch nát óc tôi gần suốt một đêm có lẽ đến đi đời! Tôi mai mĩa thăm tôi: "Giờ cái giọng ấy ra với các bạn đọc báo đã 'chửi đời' lắm rồi! Nhưng đến giờ ra với một cô em mười bốn tuổi thì khí quá! Khí quá!" Giá phỏng không có Hữu ngồi đấy thì tôi quyết tát vào mặt tôi mấy cái thật mạnh! Tôi càng giận tôi thì lòng càng rối và óc càng bí. Mắt tôi chớp luôn mãi. Không cần phải soi gương, tôi cũng tự biết vẻ mặt tôi lúc ấy dơ dáy một cách tức cười, Hữu bỗng ngẩng lên cười hỏi tôi:
- Cái cô trong truyện này "tiểu thư" lắm phải không, anh? Thơ coi sâu thăm quá!

Câu nói ngẫu nhiên của Hữu đã gỡ tôi ra khỏi nơi bối rối. Tôi thấy cái kế hoạch của tôi còn có cơ cứu vãn lại được, vội vàng đáp:

- Em tinh đấy! Nhưng mà ở vào cảnh Đại Ngọc, ai mà chẳng phải buồn!

- Cảnh thế nào kia, anh?

- Cảnh yêu người mà người lại ra chiều hờ hững với mình. Đại Ngọc có tình với Bảo Ngọc, đôi bên là đôi con cô, con cậu...

- Chuyện gì mà nhảm thế! Anh em lại có tình với nhau!

Câu nói của Hữu dù vô tình, song tôi nghe cũng như một câu mắng vào giữa mặt tôi. Tôi ngượng ngùng đáp:

- Không phải nhảm đâu, em! Ở nước Tàu, con cô, con cậu lấy nhau được!

- Rõ thật "Tàu" nhỉ! Đã là anh em, lại còn lấy được nhau...

- Chả cứ ở Tàu, ta cũng có những anh em lấy được nhau.

- Những anh, em thế nào?

- Chẳng hạn như những anh, em cháu cô, cháu cậu...

Câu đó là câu tôi đã nhầm đi, nhầm lại ở trong trí có hàng nghìn lượt. Vậy mà khi ấy tôi cũng phải đem hết can đảm ra mới nói được lên tiếng. Và khi nói xong, tôi thấy trên mặt nóng bừng. Nhưng Hữu vẫn thản nhiên cười hỏi tôi:

- Cháu cô, cháu cậu như anh với em ấy à? Anh nói bịa!

- Anh nói bịa làm gì kia chứ!

Rồi tôi dẫn ra làm chứng câu chuyện đám cưới mà tôi mới được nghe hôm trước. Nhưng Hữu vẫn cười, ra vẻ không tin:

- Được! Để em hỏi chú coi!

Tôi choáng cả người, vội năn nỉ:

- Đừng... đừng hỏi chú, Hữu ạ!

- Sao lại đừng hỏi? Đích là anh nói bịa rồi!

- Không phải là anh nói bịa. Nhưng em hỏi, nhớ chú hỏi lại, ai bảo em thế thì sao?

- Thì sao? Thì em thưa chú: Bầm, anh Ngọc anh ấy bảo con thế ạ!

- Ấy thế mới chết! Chú mới mắng cho cả anh lẫn em không biết lỗi nào mà rờ ² ! Chú bảo: Anh em mày ra không chịu bảo ban nhau học hành gì cả! Chỉ ngồi nói nhảm với nhau thôi!

- Anh sợ thế à? Thế thì thôi, em không hỏi nữa!

Hữu nói đến đấy thì con Huệ, con hầu Hữu, từ ngoài bước vào, mời Hữu lên nhà ăn cơm. Tôi lại cầm lấy tờ giấy của tôi viết. Mắt tôi nhìn vào đấy song trí tôi thì để vào chỗ cái kế hoạch của tôi đã thất bại một cách khốn nạn! Tôi đã cho Hữu biết cái lẽ mà tôi muốn cho Hữu biết. Nhưng cho Hữu biết, cái đó không cần lắm. cần là chỗ Hữu chịu tin lời tôi. Thế mà Hữu đã tỏ ra rằng Hữu không tin lời tôi. Tôi thất vọng. Tôi lại còn lo Hữu khinh tôi, nếu khi vì câu chuyện vừa rồi mà Hữu dòm thấy cả bản tâm tôi. Chẳng những thế tôi còn sợ Hữu đem câu chuyện ấy mà hỏi lại người nhà. Nếu vậy thì người nhà Hữu cũng khinh tôi nữa. Cái ý nghĩ ấy làm cho người tôi lạnh ngắt. Tôi tự thấy cuộc đời sẽ không thể chịu nổi nếu khi cả nhà Hữu lại có lòng khinh tôi. Sự đó phạm đến lòng tự trọng của tôi, thế đã đau đớn lắm rồi. Sự đó còn có thể làm cho Hữu phải xa tôi, thế lại còn đau đớn gấp nghìn lần nữa. Nghĩ như vậy, cái kế hoạch của tôi, đêm qua cho là thần diệu bao nhiêu, thì bây giờ tôi cho là đê hèn, bẩn thỉu bấy nhiêu! Tôi chán nản và lo ngại, đến nỗi suốt bữa tôi chỉ ăn có một bát cơm, và suốt ngày tôi nằm bải hoải như người ngộ cảm. Mà như người ngộ cảm thật! Trong bữa, mẹ tôi đã quở:

- Sao con ăn ít thế? Mà mặt, mũi trông ngơ ngác thế kia?

Nhưng tối đến, trong buồng học, thấy Hữu vẫn nói cười vui vẻ thì tôi cũng tạm yên lòng. Tôi không còn lo sợ Hữu khinh tôi nữa. Trong trí tôi nảy ngay ra hai ý nghĩ. Một ý nghĩ yên phận là: Có lẽ Hữu chưa biết tôi yêu Hữu. Còn một ý nghĩ xa vọng là: Có lẽ Hữu đã biết tôi yêu Hữu, nhưng mà Hữu cũng yêu. Tôi bám chặt lấy ý nghĩ thứ hai đó, như một kẻ đắm tàu bám mảnh gỗ trôi: Rồi nó ra, tôi có thể chìm vào bể khổ... Tôi cũng không lo sợ

người nhà Hữu khinh tôi nữa. Tôi tự nghĩ: Hữu đã nói thôi không hỏi là thôi không hỏi. Có mình quần trí nên sinh ra lo sợ hão huyền đó thôi. Những ý nghĩ ấy lướt qua trong trí tôi như những luồng gió mạnh. Theo đó mà những mối lo sợ đen tối, ám ảnh lòng tối từ buổi sớm, dần dần tan đi như những lớp mây tàn. Lòng muốn yêu của tôi lại ngùn ngụt bốc lên. Tôi sẽ đẩy đưa em Hữu ngồi nhích ra, để tôi ngồi đối diện với Hữu. Chúng tôi cùng cất tiếng học. Nhưng khi ai nấy đã để hết tinh thần vào việc học thì mắt tôi không thèm nhìn vào sách nữa: mắt tôi đăm đăm nhìn Hữu. Dưới ánh đèn sáng trong, tôi ngắm Hữu như ngắm một bức tranh tuyệt tác: tôi ngắm kỹ từng nét. Và mỗi khi tôi ngắm qua một nét là lòng tôi lại thêm một phần say đắm. Vì tôi nhận thấy không một nét nào là không thanh lịch đáng yêu. Sự ngắm Hữu cho tôi một cái cảm giác thanh thú vô cùng. Giá phỏng thần Thời gian có nghịch tình mà kéo dài những giây, phút khi ấy ra hàng năm, hàng mấy năm, có lẽ tôi cũng không biết có gì là đói, khát hay mỏi mệt: Nhìn Hữu, tôi đủ quên hết thảy! Tuy mở mắt mà tâm hồn tôi thấy mê man như trong giấc mộng. Một lúc lâu như thế. Hữu chợt đưa mắt lên nhìn tôi. Nhưng gặp mắt tôi, Hữu sẽ mỉm cười và vội vàng đưa mắt nhìn xuống. Tôi như người chợt tỉnh. Sự mừng rỡ bất kỳ làm cho trái tim tôi đập mạnh. Khóe nhìn thơ ngây ấy, nụ cười đằm thắm ấy, tôi nhận là những chứng cứ Hữu yêu tôi. Tôi không còn cất được tiếng mà đọc câu sách tôi đã đọc đi, đọc lại từ lúc mới vào ngồi. Giá phỏng không vướng có mấy đứa em, thì tôi quyết chạy sang mà ôm chầm lấy Hữu. Tôi ngồi không yên nữa. Chân tôi như muốn chạy, nhảy ra ngoài đường phố. Và miệng tôi muốn rao to lên cho thiên hạ biết rằng: Tôi yêu Hữu và Hữu yêu tôi! Trong lúc tôi như điên như dại ấy thì tiếng chuông đã điểm mười giờ, giờ nghỉ học của chúng tôi. Tôi giật mình, ngẩng lên nhìn chiếc đồng hồ đóng trên tường, còn mong là tai mình nghe nhầm. Nhưng đôi kim dài, ngắn vô tình kia nào có vì tôi mà quay trở lại. Tôi ngồi thừ ra trong khi các em xếp sách đứng dậy. Tôi nhìn theo Hữu cho mãi đến khi Hữu đi khuất, còn mong được một khóe nhìn, một nụ cười của Hữu. Nhưng mà có đâu!

Sau khi về giường nằm, tôi thấy người tôi khoan khoái và nhẹ nhàng, nhưng mắt tôi không thấy buồn ngủ. Chợt thấy một dải ánh trắng vàng lọt qua

khuôn cửa kính. Tôi vùng dậy lững thững ra ngoài vườn hoa. Tôi đi đi lại lại cho bóng tôi lẫn với bóng hoa. Mắt tôi nhìn đâu cũng như thấy có hình ảnh Hữu. Một tàu lá rơi, một con vật nhỏ nào bắt mồi trong bụi, bất cứ một tiếng động sột soạt nào, tôi đều nghe ra tiếng giày Hữu khoan thai bước tới. Tôi mơ màng. Tôi mong đợi. Tôi bồi hồi, náo nức...

Nghe tiếng trúc gió lay, những tường

Tiếng chuyền vàng xoang xoảng nẻo xa...

Thấy bóng hoa trắng xế, ngỡ là

Bóng người ngọc thướt tha đã lại...

Tôi chợt nhớ đến mấy câu văn cổ ấy. Rồi lòng chứa chan sung sướng trong khi nghĩ lại lúc Hữu đã tỏ lòng yêu tôi bằng một khước nhìn thơ ngây, một nụ cười đắm thắm. Hữu yêu tôi: một việc xảy ra rất nhỏ ở trong khoảng không gian, thời gian vô cùng tận! Vậy mà nó làm cho tôi sung sướng, làm cho tôi phải bồi hồi náo nức! Tôi: một kẻ đã từng có cái tâm hồn ẩn dật, cái tâm hồn thần tiên, cái tâm hồn anh hùng, nghĩa hiệp, cái tâm hồn đã tả trong một câu thơ kiêu ngạo hết chỗ nói:

Cất cánh muốn bay trên vũ trụ

Coi thường kim, cổ, hẹp năm châu!

Thạch đầu ký do Tào Tuyết cần sáng tác được 80 hồi thì qua đời, 28 năm sau Cao Ngạc đã dựa [1](#) vào di thảo của Tào Tuyết cần để viết tiếp 40 hồi nữa, Cao Ngạc cũng đổi tên *Thạch đầu ký* thành *Hồng lâu mộng*.

[2](#) Đồng nghĩa với "gỡ".

Tôi mong đêm mong ngày cho đến lễ Phục sinh. Là vì mẹ tôi và thím tôi có hứa nhân dịp ấy sẽ đi chùa Hương, và cho cả tôi cùng Hữu đi. Tôi mừng được dịp thay đổi khí trời cho tấm lòng yêu mến của tôi. Tôi muốn đặt nó ở giữa một cảnh vườn bao la hơn, tự nhiên hơn cảnh vườn nhà chú tôi: non, nước chùa Hương mà bao nhiêu người ca tụng.

Cho nên chiều hôm ấy nghỉ học về nhà, lòng tôi háo hức đến nỗi tôi ăn không còn biết ngon nữa. Ăn xong, tôi cùng mọi người lên ô-tô đi Phủ Lý. Ngoài mẹ tôi, thím tôi còn rủ thêm hai bà: bà Đốc Bò (bà Thú Y) và bà Tham Lục lộ. Hai bà mỗi bà lại đem theo một cô ái nữ (con gái yêu, chứ chẳng phải theo nghĩa "ái nam, ái nữ", vì cái đó tôi không biết...) Do đó, tôi và Hữu được hai người đồng bạn trẻ: Cô Lan và cô Sâm.

Thiên hạ có nhiều kẻ không xứng với tên. Tôi đã thấy có cô Mai mà người béo trương, có cô Ngọc mà người xấu như ma mút (ấy là nói vậy chứ tôi nào đã trông thấy con ma mút)! Nhưng cô Lan và cô Sâm này thì không thể. Cô Lan, người dong cao, da mai mái, quả có vẻ ẻo lả của một bông Lan. Còn cô Sâm thì trắng muốt và chũn chũn ¹ y như một chiếc bánh sâm vậy. Cả hai cô, cùng trạc tuổi tôi...

Ở Thái, bây giờ thế nào tôi không rõ, song khi ấy trường nữ học mới có ba lớp yếu lược. Học trò con gái vì thế hễ lên lớp nhì phải sang học chung với con trai. Nhân thế, trước khi được cái hân hạnh cùng hai cô cùng xe, tôi đã được cái hân hạnh cùng hai cô cùng lớp. Tôi nói: được cái hân hạnh cùng hai cô cùng lớp, không phải là nói lối khách sáo. Vì chính nhờ hai cô mà lớp học tôi trở nên một lớp vui nhất trong các lớp ở Thái hồi ấy: không mấy buổi chúng tôi không được một dịp để khúc khích cười. Theo lệ thường, trước giờ học hàng mười lăm, hai mươi phút, học trò các lớp đã đến trường rồi. Khi đó, ai chưa thuộc bài thì vào lớp mà học; còn ai thuộc bài thì đem nhau ra sân trường mà chạy, mà nhảy, mà chơi. Nhưng lớp tôi còn thêm một công việc có thú hơn: Anh nào muốn làm vui cho các bạn học, thì ngồi xé giấy mà viết thư tình. Rồi sau khi trình nó cho một, vài bạn thân tán ma, tán

mãnh đã chán, đem nó mà để vào trong ngăn bàn hai cô. Cái đó thành ra phong trào! Tôi có thể nói chắc rằng: Suốt cả học trò trong lớp tôi, không anh nào là không có đệ đơn "xin yêu" đến hai cô, trừ tôi ra không kể - ấy, tôi đứng đắn là thế! - Do cái phong trào ấy, hằng ngày hai buổi giờ ra chơi vào, chúng tôi lại nháy nhau mà đợi xem hai cô, mặt giận bưng bưng, tay cầm ít ra là một chục cánh thư, lên kiện chúng tôi với thầy giáo. Hai cô khéo liệu chừng: buổi nào cũng trống điểm vào học rồi, chúng tôi ngồi đã yên chỗ, hai cô mới đem nhau vào lớp. Sau đó hai cô còn bận về việc học. Mãi đến giờ ra chơi, giờ hai cô phải "cấm cung" ở trong lớp ngồi nhàn mới lục đến ngăn bàn, má lục ra những tội trạng của chúng tôi. Vì thế mà việc kiện cáo kia mới xảy ra giữa lúc chúng tôi ra chơi vào. Lúc ấy, thầy giáo phải tạm đóng quan tòa. Thầy cho nguyên đơn về chỗ ngồi, rồi giơ tập thư ra mà hỏi chúng tôi, những ai viết, cố nhiên là chúng tôi chỉ nhìn nhau bằng bộ mắt láu cá, chứ chẳng ai chịu nhận. Nhưng thầy tinh lắm: Thầy xem mỗi nét chữ mà đoán ra từng anh một. Thế là các anh ấy mỗi anh phải viết phạt bằng chữ Pháp hàng trăm câu "tôi nghịch trong lớp". Anh này bận viết phạt thì anh khác rồi thì giờ viết thư. Cũng có nhiều anh bướng: dù bị phạt anh cũng viết thư như thường. Sự đó làm cho thầy giáo phạt nặng gấp hai. Rồi cái số câu anh viết phạt, cứ theo đó mà gấp mãi lên: một, hai, bốn, tám, trăm, nghìn sau... Khi số ấy tăng lên nhiều, một mình anh viết không xuể nữa thì anh cầu cứu đến tình đoàn thể của anh em cùng lớp, nghĩa là anh nhờ chúng tôi viết giùm mỗi đứa mấy trăm câu. Đối với chúng tôi, anh đã tỏ ra mặt anh hùng mà ai cũng vui lòng mà giúp đỡ. Thành thử ra suốt cả lớp tôi, không anh nào là không phải viết phạt - cả tôi cũng vậy. Vì thế, chúng tôi thành ra rất ghét thầy giáo, cũng như thầy đã rất ghét chúng tôi. Trong khi ghét, chúng tôi quên hẳn lễ công bằng. Khi nào vì việc đó, ngoài sự viết phạt có anh còn phải mắng nhiếc, hay vục cho mấy nhát thước, chúng tôi đều ngầm tỏ lòng công phần: chúng tôi cho thầy đã bênh hai cô mà làm nhục chúng tôi. Còn hai cô, vì có sính tụng ², cũng gây ra hiềm thù. Chúng tôi đối với hai cô lúc ấy, có thể nói: "Còn tình đâu nữa! Là thù đấy thôi!" Vì đó, ngoài những thư tình, hằng ngày các cô còn nhận được những thư lăng mạ! Chúng tôi không còn đem hai cô mà gán lẫn cho nhau nữa. Chúng tôi đồng lòng mà gán cả hai cô cho thầy giáo. Thế rồi, ám thị bởi lòng thù ghét

của anh em, một anh nào trong lớp tôi đã lấy miếng gạch vụn vẽ lên tường nhà xí một bức hí họa. Trong bức tranh ấy, vẽ một người con trai ôm hai người con gái, người con trai đề tên thầy giáo, còn hai người con gái cố nhiên là đề rõ phượng danh, quý tính hai cô. Bức tranh ấy được toàn thể anh em vỗ tay. Chúng tôi coi nó là một thanh gươm hai lưỡi, vừa trêu ỨC được hai cô, lại vừa trêu ỨC được thầy giáo. Thầy năm ấy mới mười chín tuổi. Chắc là bức hí họa kia động đến lòng tự ái của thầy nhiều lắm, nên sau khi nó ra đời, tôi không thấy thầy xét về vụ án cơ hồ không bao giờ xét xong ở trong lớp tôi nữa. Rồi hôm sau, ông Đốc ³ xuống mắng chúng tôi một trận tàn nhẫn và dọa đuổi cả lớp. Ba hôm sau, thầy đổi đi dạy lớp khác, để ông giáo lớp ấy là một nhà sư phạm đã ngót năm mươi tuổi đến dạy lớp tôi. Thật là một bài học luân lý, giảng cái nghĩa "hợp quần nên sức mạnh" cho chúng tôi. Chúng tôi là một lũ nhãi ranh, chỉ vì biết đồng tâm nhau, đã làm cho thầy là người có quyền đánh, mắng, bắt phạt chúng tôi, chung quy phải chịu thua mà tính đến chức hay nhất trong ba mươi sáu chức...

Tôi chả kể chuyện trong lớp học nữa. Hãy kể tiếp chuyện đi chùa Hương.

Khi đến Phủ Lý, bọn tôi bỏ xe xuống thuyền, cái thuyền mà một người bà con đã thuê sẵn hộ. Thuyền có ba khoang rộng. Các bà chiếm cả một khoang giữa. Và vừa ngồi yên chỗ, các bà liền dùng chiếu ngồi làm chiến trường, cái chiến trường sát phạt nhau của bốn nữ tướng và trăm hai mươi quân! Trong khi các bà đánh chẵn ở trong thì bọn trẻ chúng tôi ngồi xem phong cảnh ở ngoài. Tôi ngồi trên một đầu thuyền, và ba cô bạn gái, một đầu thuyền khác.

Dưới ánh trăng thượng tuần, mặt sông Đáy đầy những bóng vàng lấp loáng. Bãi cát ven hai bờ trải ra như hai tấm lụa dài vô cùng tận. Đắng xa, những làng, xóm, những núi non hiện ra trước mắt tôi như những nét vẽ trong một bức tranh chấm phá. Tôi vừa ngồi nhìn cảnh đêm xuân, vừa nghe người lái đò kể cho nghe những cách sinh hoạt trên mặt sông. Lòng tôi thấy băng khuâng, tôi yêu

Thiên nhiên và tôi thương ông lão chèo đò. Khi lần đầu chúng ta có một người tình nhân, lòng thương yêu như đầy rẫy cả trong người, ta gửi nó vào

một người chưa đủ; cần phải có cả một vũ trụ cho lòng ta yêu, cần phải có cả một nhân loại cho lòng ta thương...

Tôi đương ngồi nghĩ vợ vẫn, thì bên tai tôi nghe tiếng Hữu sẽ rủ tôi:

- Anh! Vào trong kia, chúng mình đánh Tam cúc.

Tôi quay lại, cười hỏi Hữu:

- Có ai mà đánh?

- Thì Lan với Sâm kia thôi! Em rủ chúng nó rồi.

- Nhưng mà anh ít tiền quá!

- Em cho vay.

Tôi đứng dậy theo Hữu vào khoang bên, thì Lan và Sâm đã ngồi chờ đấy. Đánh một lúc, tôi cùng Lan vào cánh bại. về phần Lan, tôi không rõ. Còn về phần tôi, tôi thua Tam cúc là lẽ rất thường. Đánh Tam cúc, muốn hay được và đỡ thua, ta đừng tham "ăn kết". Tôi biết vậy, nhưng tôi cứ thích ăn kết. Thậm chí: Có ván "cái" tôi, mà bài chỉ có đôi "tốt đỏ" là tốt hơn cả. Đáng lý tôi "gọi đôi" ngay thì may ra còn được "bằng chân", song tôi lại "gọi một" cho người ăn. Còn đôi tốt đỏ, tôi để lại, mong "đề tốt đen", được "ăn đền kết nhất bội nhị" ⁴. Ai biết đánh Tam cúc, chắc cũng rõ nước bài ấy là ngốc! Vậy mà đó chính là nước bài tôi giữ trong một ván lúc bấy giờ. Sau khi đã "chui trước" cả sáu "quân" cho họ ăn, tay tôi chỉ còn cầm lại có đôi tốt đỏ. "Quyền gọi" cuối cùng ở Lan, Lan ngần ngại một chút rồi gọi đôi một cách mạnh bạo. Hữu và Sâm ném bài chui cả. Còn mình Lan với tôi, Lan lật bài lên: đôi tốt đen. Tôi mừng quýnh, đương tính "vật" đôi tốt đỏ của tôi lên. Nhưng chợt trông nét mặt lo lắng và bàn tay run run của Lan, tôi bỗng sinh lòng ái ngại, cầm đôi quân bài, tôi cho "chui" nốt. Nhưng tôi chưa kịp buông tay ra, thì Sâm đã lật bài tôi lên mà reo:

- Có thể chứ! Tốt đỏ đây này! Phải đề đập mũi ra chưa?

Hữu nhìn tôi nói giọng mỉa mai:

- Thế mà lại tư tình với nhau, định "chui" đi để "làng" chịu kết nhất-bội-nhị!

Lan hai má đỏ bừng, mắt long lanh lườm Sâm và Hữu:

- Nói thế mà chúng mày cũng mở mồm ra nói được!

Tôi cũng ập úng biện bạch:

- Để đấy, chứ ai chui!

- Phải! Thử không có Sâm nó lật lên coi! - Hữu cười đáp lại.

Tôi phát nóng cả người, nhưng không tìm được câu nói. Lan đếm tiền đến tôi rồi đứng dậy:

- Thôi, không chơi nữa! Mất tiền mà mình dại!

Sâm cười:

- Thế nào gọi là "Tam tức"!

- Có thể mà cũng dỗi! - Hữu nói theo.

Nói xong Hữu cùng Sâm cũng đứng dậy theo Lan ra ngoài. Trong khoảng khi ấy còn một mình tôi ngồi thừ ra ở trước đám tiền Lan đếm trả tôi. Tôi hối hận về việc tôi đã làm, để Hữu có thể nghi tôi là có "tư tình" với Lan, đến nỗi biện bạch mà Hữu không tin nữa...

1 Mồm mồm, mấp mạp.

2 Thích kiện tụng.

3 Ở đây có lẽ muốn nói ông hiệu trưởng.

Luật chơi Tam cúc, kết là người có cái ở vòng cuối gọi bộ đôi, ba, tứ, ngũ nhưng chỉ tính các con xe pháo mã tốt để được nhiều điểm hơn. Trong đó kết đôi tính 6 điểm, kết 3 tính 9 điểm, kết tứ tử hoặc ngũ tử và kết đôi lốt đen tính 12 điểm. Với ván bài có kết, người kết tính là thắng, những 4 người còn lại thua bằng số điểm kết trừ đi số cây ăn được trong ván. Tuy nhiên có trường hợp đặc biệt gọi là kết đề khi người gọi kết ra đôi tốt đen, bị người khác đề bằng đôi tốt đỏ. Khi đó người ra đôi tốt đen phải bồi (bội) người kết đề 24 điểm, những người khác còn lại không mất tiền, như thế gọi là "kết nhất bội nhị".

Sáng hôm sau, bọn tôi đã ở trên đò khe Yển Vĩ. Cái phong quang rực rỡ trên mặt khe làm cho tôi khoan khoái bao nhiêu, thì một lúc sau, cái không khí nặng nề ở trước cửa chùa Thiên Trù làm cho tôi khó chịu bấy nhiêu. Tôi đi Hương Tích có vài lần, mà tới nay mỗi khi nhớ lại, tôi lại nghĩ thầm rằng: Nếu tôi có tội phải người ta bắt đi đày, thì đày tôi ra Côn Đảo ba năm, tôi không sợ bằng đày tôi cửa chùa Thiên Trù suốt ba tháng hội! Là vì suốt ba tháng hội, cửa chùa Thiên Trù là một cái nhà xí mà hằng ngày có hàng nghìn người phóng uế! Người ngoại quốc có kẻ mắt trông thấy những công trình kiến trúc ở Đền Thiên Đế Thích mà than tiếc cho văn minh của dân Chân Lạp. Chẳng rõ nếu khi mũi họ phải ngửi những mùi hôi thối ở cửa chùa ngoài Hương Tích, thì họ sinh ra cái cảm tưởng thế nào về văn minh của dân Việt Nam! Riêng tôi, tôi cho đó là cái mùi quốc túy [...] ¹ ! Vì tôi đã nghiệm ra rằng, bất cứ cửa đền, cửa phủ nào của người mình, hễ có hội, tất có mùi đó xông lên. Cái đó chắc là một cái quốc túy lưu truyền lại từ các cụ ngày xưa, mà bọn con hiếu, cháu hiền ngày nay vẫn bảo tồn được mãi!

Bước vào trong chùa, tuy lỗ mũi có dễ thở hơn, nhưng lỗ tai lại đến phiên chịu tội. Tiếng giày, guốc, tiếng trống, tiếng mõ, tiếng cười, tiếng nói, tiếng kêu, tiếng khóc, tiếng chào nhau, mời nhau, gọi nhau, cãi nhau, chửi nhau đồng thời cùng ồn ào vẳng cả óc tôi. Tôi chịu cái nạn ấy ngót nửa ngày trời. Mãi quá trưa, các bà lễ bái xong, đem chúng tôi vào văn cảnh chùa trong, bấy giờ tôi mới như người hoàn hồn lại!

Trời hôm ấy râm râm. Đường đi không một người lăm. Tuy vậy, các bà cũng thuê đăng sơn ² ngồi. Đi bộ có tôi và ba cô đồng bạn thôi. Chúng tôi đi chậm rãi. Chốc chốc lại có một bọn người đi sau vượt lên đi trước chúng tôi. Cái đó là tự ba cô. Các cô đã không quen đi đường núi, mà lại có những đôi giày đóng ra để diện hơn là để đi đường. Nếu cô nào bước mau một chút, là giày lại nằm lăn ra ăn vạ, để cô phải nhặt, phải lau. Cho nên tôi cũng không dám giục các cô đi nhanh, sợ họ đi nhanh còn mất thì giờ hơn là đi chậm. Đã vậy, chỉ mấy trăm bước các cô lại kêu mệt, rủ nhau ngồi

ngủ. Gặp hàng, các cô vào hàng, nếm cái "mùi thiền" của mơ xanh cùng đưa chuột chấm muối. Không gặp hàng, các cô ngồi nghỉ tạm trên những tấm đá dọc đường. Tôi, tôi thích các cô ngồi nghỉ ở bên đường hơn. Vì khi đó thì Hữu thế nào cũng ngồi cạnh tôi. Cũng có khi mệt quá, thì ngồi lả bên mình tôi, vịn tay và tựa má vào vai tôi. Trong lòng tôi lúc ấy đã nhẹ nhàng. Nỗi lo Hữu nghỉ tôi đã không còn nặng một bên lòng. Tôi tự cười mình là hay "bỗng không chuốc nãi mua sầu": câu nói của Hữu đêm qua, chẳng qua là "gặp đâu nói đấy", chứ không có ý gì sâu sắc cả.

Những tiếng vang trong rừng núi, họa theo những tiếng "Nam mô"... Những màu phấn trắng, son hồng, điểm xuyết thêm vào những sắc lá xanh, đá xám... Bao nhiêu những thứ lọt vào mắt, vào tai tôi lúc ấy, đều là những khúc nhạc du dương, những bức tranh rực rỡ: Những tác phẩm mà tạo hóa và loài người đã góp tài, góp sức để tô điểm thêm cho cuộc đời hạnh phúc của tôi trong một, vài giờ. Hạnh phúc ấy làm say sưa lòng tôi. Tôi quên cả mỗi chân. Tôi quên cả nỗi lo ngại đường xa, trời tối. Nhưng mà Hữu lo ngại. Trong một lúc mà trời u ám như sắp đem màn hoàng hôn phủ kín thế gian, Hữu sẵn đón hỏi một người hành khách:

- Thưa ông! Đã gần đến chùa Hang ³ chưa, ông?

Người hành khách cười mà đáp:

- Còn xa!

Tức thì Hữu đưa cặp mắt kinh ngạc nhìn tôi và hỏi tôi:

- Thế thì bao giờ mới đến nơi?

- Chúng ta chịu khó đi luôn, đừng nghỉ nữa! Tôi đáp.

- Nhưng không nghỉ, mệt, đi làm sao được?

- Mệt thì "Nam mô" lên! Phật phù hộ cho đỡ mệt.

- Thật thế à? - Hữu ngờ ngẩn hỏi.

- Anh ấy nói bịa đấy! Có "Nam mô" nó lại mệt thêm thì có! - Sâm cười nói chêm.

- Nhưng tôi thấy ai đi chùa Hương cũng nói như anh Ngọc cả. - Lan nói tiếp.

- Ấy là tôi cũng nghe người ta nói thế! Nhưng nghĩ ra cũng có lý chứ! Ta chả thấy những người kéo gỗ hay kéo hồ lô họ vẫn "rô ta" là gì! Hỏi họ, họ bảo: "rô ta" thế, nó ra sức. Thế thì mình đi đường "Nam mô" nó cũng ra sức, biết đâu! Tôi nói chưa dứt thì, Hữu đã don đả cổ động:

- Đã vậy, chúng mình thử "Nam mô" xem sao!

Chúng tôi vừa cười, vừa góp tiếng "Nam mô" vào với muôn tiếng "Nam mô" của các bọn hành khách khác.

Một lúc sau, đã đến Cửa Vông ⁴. Đương đi dốc và sức mình đã mệt, Hữu phải nhờ tôi dắt mới trèo lên được. Chúng tôi lên đến đỉnh, ngảnh lại trông thì Lan và Sâm còn ngồi thờ ở giữa chừng. Hữu bảo tôi:

- Anh chịu khó xuống dắt chúng nó lên.

Tôi ngần ngại, nửa vì mệt, nửa vì tính nhút nhát. Hữu thấy tôi làm thỉnh, giục giã:

- Xuống đi, anh! Không có ngồi đây chờ chúng nó đến đêm à?

Rồi Hữu cất to tiếng bảo bạn:

- Ngồi đấy! Anh Ngọc xuống, anh ấy dắt lên!

Sâm cười:

- Phải đấy! Phải đấy! Xuống đây, anh Ngọc!

Tôi phải xuống. Vừa xuống, Sâm đã chăm bập nắm lấy cánh tay tôi, làm tôi sinh ngượng. Lặng lẽ, Lan vịn lấy tay Sâm. Chúng tôi lần từng bước, dắt nhau lên.

Khi chúng tôi đến cửa Hang thì trời đã "nhọ mặt người". Các bà công cử ⁵ thím tôi ra đứng ngóng chúng tôi. Khi thấy mặt chúng tôi, thím tôi mừng rỡ đón cho mấy câu "măng yêu". Giá phỏng chúng tôi đến chậm một chút nữa, thì trong các bà không khỏi có bà sốt ruột đến phát khóc, khi nghĩ đến những chuyện "Ông ba mươi" đón đường bắt người đi lễ. Theo thím tôi vào

trong hang, tôi thấy như đi vào một đám cháy nhà mới dập tắt. Lốp khói hương nặng nề đọng lại ở trong hang làm cho mắt tôi thấy cay và mũi tôi thấy khó thở. Trong bóng sáng yếu ớt của hàng trăm ngọn nến, tôi trông vào trước bệ thờ Phật, thấy người ngồi san sát như họp chợ. Mà ai bảo không phải họp chợ? Họ đến đó để họp với Phật: Họ đem hương hoa, lễ vật đến mà mong đánh đổi lấy con, lấy của lấy bình an. Ngoài những người ngồi, cũng có những người đi, đứng rải rác khắp nơi. Ấy là những người chiêm ngưỡng các cánh vốn có ở trong hang như cây thóc, cây tiền, hay là các cảnh mới chờ ở các thành thị vào: Các cô con gái trẻ măng và lịch sự... Cũng như mọi bọn, các bà trong bọn tôi đóng hàng dinh trên mấy tấm chiếu trải làn can ⁶, trên có đặt linh tinh hai, ba ngọn nến. Các thức ăn đem theo đã bày la liệt. Các bà đợi chúng tôi vào mới cùng ăn. Ăn, uống xong, rủ được một bà bạn mới gặp ở trong hang, các bà liền họp nhau... không phải lễ Phật, mà là "chầu Tổ" ⁷ ! Tôi thì cùng ba cô đồng bạn đi coi các cảnh trong động, khi đến bên lối lên Chợ Trời và xuống Âm phủ, Hữu hí hờn rủ tôi:

- Anh có xuống Âm phủ không? Em xuống với! Hay ta lên Chợ Trời đi!

Tôi lắc đầu cười:

- Anh không muốn lên Chợ Trời, mà cũng không muốn xuống Âm phủ! Chỉ muốn ở lại trong đời này mãi!

Cả ba cô bạn đều cười. Chạy quanh ở trong động một lúc, chúng tôi ra ngoài cửa động. Chỉ cách nhau mấy chục bước, mà không khí khác nhau như ở hai thế giới. Ở trong động là cái không khí ngột những mùi hương, ngốt những hơi người của một cửa chợ buôn Thần, bán Phật. Còn đây mới là cái không khí nhẹ nhàng, trong sạch của cảnh lâm tuyền. Lọc qua làn mây vẫn, ánh trăng chỉ còn sáng mờ như ánh trời khi mới rạng đông. Cảnh vật quanh mình, tôi thấy như những cảnh vật ở trong giấc mộng. Một mùi hương thơm mát của một thứ hoa rừng nào từ xa đưa lại. Bốn bề im vắng, tôi nghe rõ những tiếng sâu réo rắt trong bóng tối, và những tiếng lá cây, lá cỏ đùa nhau với ngọn gió xuân. Chúng tôi ngồi mỗi người trên một mô đá. Trong một lúc, không nhìn nhau mà cũng không nói với nhau câu gì. Không

hẹn nhau, song ai nấy đều như muốn để cho phần hồn, phần xác được một lúc nghỉ ngơi thông thả. Sau cùng, Hữu đứng lên phá trước sự im lặng ấy. Đi lại gần tôi, Hữu giòn giã nói:

- À anh! Anh làm thơ, đọc cho chúng tôi nghe với chứ!

Sâm nói tiếp:

- Mà phải đấy! Cả Lan nữa! Phong cảnh này nên thơ lắm còn gì! Giá tôi biết làm thơ thì tôi làm có tá rồi! Chả cần phải ai giục.

- Lan cũng biết làm thơ à? - Hữu hỏi - Thế thì hai anh, chị làm thơ đi coi!

Tôi không rõ về mặt Lan khi nghe câu nói đùa ấy thế nào. về phần tôi, tôi rất là khó chịu. Tôi chép miệng thở dài mà không đáp. Trong lòng thì bồn chồn, nghi hoặc! Tôi không dám chắc là Hữu yêu tôi nữa. Tôi tự hỏi: Có lý gì là lý Hữu đã yêu tôi mà còn nói đùa như thế hay không? Thấy Lan và tôi không đáp, Sâm rủ Hữu:

- Thôi, chúng ta đi vào xem ông sư tụng kinh "Bách danh". Để vắng vẻ, người ta mới thơ thần được chứ!

Nói xong, Sâm cùng Hữu quay vào. Lan cũng bước theo. Còn tôi, những ý nghĩ buồn rầu, chán nản đã cướp mất sức mạnh trong người tôi và những vẻ đáng yêu của phong cảnh quanh mình. Tôi ngồi bệt ở cửa động như một người hành khách mỏi mệt ngồi ở một xó rừng quanh quẽ. Một lúc sau, tôi rút mùi soa lau trán. Chợt chạm tay lên mái tóc, thấy sương đọng ướt đầm và lạnh ngắt, tôi mới nhớ là trời đã khuya. Tôi vừa cất mùi soa vào túi thì thấy hai bàn tay ấm áp bịt chặt lấy mắt tôi. Tôi thở dài:

- Hữu chứ còn ai nữa!

Hữu buông tôi ra. Vừa khúc khích cười, vừa lần xỏ chân vào đôi giày mà Hữu đã trút ra cầm tay từ trước, rồi ngồi xuống bên tôi mà nói:

- Bác bảo gọi anh vào đi ngủ đấy. Ngồi mãi đây, đã được câu thơ, câu thần nào chưa?

Tôi lạnh lùng đáp:

- Tôi buồn thì tôi ngồi đây, chứ thơ với thần gì!

- Ô hay! Sao anh lại xưng "tôi" với em? Anh giận em rồi! Nhưng em làm gì mà anh giận?

Tôi rớm nước mắt đáp:

- Sao lại gọi tôi với Lan là hai anh, chị?

- Ồ! Có thể mà anh cũng giận! Nó đẹp như thế. Nó lại học lớp anh. Nó lại biết làm thơ nữa. Nó với anh tốt đôi lắm, còn gì!

- Thôi Hữu! Đừng nói đùa nữa, tôi xin.

- Em có nói đùa đâu! Em nói bằng thật đấy chứ!

- Nói thật à? Tôi cũng xin nốt.

- Nhưng mà sao em nói thế, anh lại giận em?

- Tại sao! Hữu lại không biết hay sao? Tôi còn biết thế nào mà nói nữa!

Hữu nắm cánh tay tôi, nũng nịu:

- Không! Anh phải nói! Anh phải nói! Anh không nói, từ rầy em không chơi với anh nữa!

Người tôi bỗng tê mê, bồi hồi đáp:

- Nhưng tôi nói, chỉ sợ Hữu nói với người khác...

- Không! Không bao giờ em nói với ai cả.

- Nhưng... anh nói chỉ sợ Hữu giận anh...

- Không! Không đời nào em lại giận anh.

- Thế anh nói, không kỳ Hữu giận anh hay nói với người khác nhé!

- Vâng! Anh cứ nói.

Tôi cầm tay Hữu đặt lên ngực tôi:

- Nhưng em để tay vào đây mà xem đã. Đây! Tim anh nó đập dồn như thế đấy! Anh sợ em giận anh hay nói với người khác biết chừng nào!

- Không, anh không sợ. Nói đi, anh!

- Bây giờ anh nói đây! Anh giận Hữu là tại... là tại Hữu nói đùa như thế thì lòng anh khổ sở vô cùng. Anh không muốn Hữu ngờ anh có thể yêu được Lan. Anh không muốn Hữu ngờ anh có thể yêu được ai hết! Anh chỉ vêu có Hữu! Lòng anh chỉ thờ có Hữu!

Tôi vừa nói vừa mê man ôm chặt Hữu vào trong lòng. Trong lòng tôi, tôi thấy Hữu run lấy bầy như một con chim non. Lẳng lẳng, Hữu khẽ giơ tay gỡ mình ra. Nhưng trong khi ấy thì môi tôi đã sát trên môi Hữu, và ngực tôi đã nhận rõ được từng tiếng động của trái tim trong ngực Hữu. Mắt tôi không trông thấy gì nữa. Tai tôi không nghe thấy gì nữa. Trí não tôi không nghĩ ngợi gì nữa. Tâm hồn tôi như đã hòa chung với tâm hồn Hữu mà lạc vào trong cõi hư vô, tịch diệt. Sau này tôi nghĩ ra, cái hạnh phúc lên Nát Bàn chắc cũng không thể hơn được cái hạnh phúc của tôi trong lúc ấy. Phật dạy người đời tìm Nát Bàn ở ngoài trần thế. Có biết đâu, trong trần thế, tôi đã tìm thấy nó khi tôi là tình nhân... Sau lưng tôi bỗng động tiếng giày. Tôi vội vàng đỡ Hữu ngồi ra một bên và sửa lại mái tóc cho Hữu. Tiếng thím tôi gọi:

- Có phải Ngọc với Hữu đấy không? Ngồi mãi làm gì đấy? Mai mệt, đi sao được?

Nhanh trí khôn, Hữu vồn vã đáp:

- Thưa mẹ, con ra gọi anh Ngọc vào. Nhưng anh ấy còn dở nghĩ một bài thơ để về đăng báo!

Thím tôi cười:

- Thôi mặc anh ấy ngồi đấy mà thơ mấy thân! Mà vào đi ngủ thôi, con!

Hữu cất tiếng "Vâng" rồi theo thím tôi trở vào. Tôi còn ngồi lại một lúc nữa. Khi tôi trở vào trong Động thì tôi thấy không còn là cảnh một cửa chợ nữa. Đó là cảnh một đêm đông ở một gian buồng... ngục! Dưới bóng mười, năm ngọn nến hồ tàn, người ngủ nằm sắp hàng, ai nấy đều giấu kín mình trong chăn, chỉ để hở ra có cái mặt. Dăm, ba người không ngủ được, ngồi bơ phờ ra vẻ mỏi mệt. Tiếng chim gõ mõ lẫn với tiếng mõ gõ ở trước bệ thờ Phật. Tiếng nhà sư ê a tụng niệm át cả tiếng ho, tiếng ngáy của mọi người.

Một quang cảnh tôi thấy là thảm đạm, dù lòng tôi đương náo nức vui. Tôi trở về bên chỗ bọn tôi nằm. Tôi chia đôi cái chiếu với người đầy tớ quấy bồ. Ai đã để sẵn cho tôi chiếc mền và tấm gối. Tôi đặt lưng nằm là ngủ ngay được. Tôi bỗng thấy tôi lại cùng Hữu cùng ngồi ở ngoài cửa động bên một dòng khe sâu thẳm. Hữu cúi xuống hái mấy bông hoa lạ nở ở ven khe. Rồi trong lúc tươi cười cầm hoa quay lại đưa tôi, Hữu trượt chân ngã lộn từ trên bờ khe xuống. Tôi bàng hoàng nhảy theo thì lòng khe lại hóa ra một cánh đồng cỏ. Trên lớp cỏ non, Hữu nằm không động đậy, áo quần đầm những máu. Tôi ôm Hữu vào trong lòng, vừa khóc vừa gọi. Tiếng gọi của tôi to quá làm cho tôi giật mình tỉnh lại. Trong cổ tôi còn tiếng nước nở và trên má tôi còn ướt lệ. Tôi mở mắt ra nhìn thì chiếu bên kia, Hữu bỏ một cánh tay ra ngoài lần chần đỡ. Mớ tóc Hữu rối tung, bà xòa ⁸ trên mặt gối. Dưới bóng nền gió lay lấp lóa, mặt Hữu quay lại phía tôi, trong giấc ngủ say, còn lộ vẻ vui tươi bình tĩnh. Và cặp môi xinh xắn, còn như cùng tôi mỉm một nụ cười có duyên. Tôi yên ủi. Tôi băng khuâng. Tôi nằm mà nhìn Hữu cho đến khi hai mắt mỏi rồi. Song, nhắm mắt lại, tôi vẫn thấy còn nhìn thấy Hữu...

¹ Kiểm duyệt thời Pháp thuộc bỏ hai dòng.

² Tức là thuê loại kiệu nhỏ để đi đường núi.

³ Tức động Hương Tích.

⁴ Cửa Vồng có Đền Cửa Vồng, hay Đền Vân Song, đền Trấn Song, ở khoảng giữa Đền Giải Oan và động Hương Tích. Từ Cửa Vồng đến Hương Tích đường dốc đứng cao khó đi.

⁵ Ý nói đồng lòng cử bà thím ra đón.

⁶ Can: nối nhau. Ý nói những chiếc chiếu trải ra chiếc nọ nối liền chiếc kia.

⁷ Tức là tổ tôm, ý nói các bà rủ nhau đánh tổ tôm.

⁸ Lòa xòa.

Hôm ấy là vào đầu tháng Tư.

Buổi sớm, tôi ra đến cửa vườn, thì đã thấy Hữu đứng bên một gốc thủy tùng. Thấy tôi, Hữu vẫy tay lên tiếng gọi:

- Anh! Anh lại đây, em bảo!

Tôi chạy lại, Hữu chỉ một bụi bách nhật hồng mà hỏi:

- Anh trông thế kia có đẹp không?

Tôi nhìn theo thì thấy, trên một màng lưới nhện chằng qua bụi hoa, giọt sương đọng như một chuỗi ngọc trai nhỏ, dưới ánh mặt trời buổi sáng chuỗi ngọc ấy phản chiếu ra những tia sáng lấp lánh nhiều màu. Tôi cười bảo Hữu:

- Đây là một chuỗi kim cương, hôm qua anh mới thuê bác thợ trời đúc chuốt, để hôm nay đưa tặng em.

Hữu cũng cười:

- Cám ơn anh! Thế mà em không biết.

Rồi Hữu nói chuyện cùng tôi: Trong vườn có những thứ hoa nào mới nở. Và rủ tôi đi xem.

Một lúc sau, hai đứa em Hữu đưa Lan cùng Sâm vào trong vườn. Hôm trước, hai người đã hẹn Hữu: hôm ấy sẽ gọi thợ ảnh vào chụp một bức ảnh kỷ niệm. Nhưng mà thợ ảnh chưa đến. Trong khi chờ đợi, hai cô bạn vừa dạo quanh vừa nói chuyện với chúng tôi.

Giá phỏng là những cô bạn khác của Hữu thì tôi lảng vào ngay. Cái nghĩa "nam, nữ hữu biệt" nhồi vào óc tôi từ bé nó gây cho tôi một tính nhút nhát lạ đời: Hễ trông thấy một người con gái lạ là mặt tôi phát nóng và đỏ bừng. Giá phỏng có muốn nhìn họ, tôi cũng nhìn lăm lét như một tên kẻ cắp nhìn những thứ mà mình rắp tâm ăn cắp. Nhưng hồi ấy thì tôi chẳng muốn nhìn một người con gái nào khác Hữu cả. Tôi cho trên đời trừ Hữu ra, không có

người đẹp nào đáng cho tôi nhìn nữa. Tôi để ý nhìn ai tức là tôi vừa đắc tội với Hữu và vừa làm nhục cho cặp mắt cao quý - cặp mắt gần như cận thị! - của tôi! Bởi vậy, thoáng thấy một người con gái lạ, tôi có thể bỏ lảng, lánh xa, mà lòng tôi không tiếc rẻ gì hết!

Nhưng tôi không lánh mặt Lan và Sâm, là vì hai người đối với tôi đã quen lắm. Từ khi gặp chúng tôi trong dịp đi chùa Hương, không ngày nghỉ nào là hai người không có bóng ở trong vườn hoa nhà Hữu. Theo lời Lan, thì Lan thích cái vườn hoa ấy lắm. Cứ lý, lời Lan cũng có phần tin được. Tháng Ba, tháng Tư, trời nắng bức, ai là người chẳng thích những nơi có gió mát và bóng râm? Lần đầu hai người đến, gặp tôi ở buổi học. Chào nhau xong, tôi đã lảng đi. Nhưng Sâm gọi giật lại, bảo tôi ngồi nói chuyện. Sâm cười bảo tôi:

- Thấy khách lại bỏ đi, sao mà anh nhẽ thế!

Từ đó, gặp hai người, sợ họ bảo tôi giả đạo đức, tôi đành tiếp họ cho đến lúc ra về. Sâm đối với tôi rất tự nhiên. Ngồi, đứng, nói, cười, tuyệt không có gì là vể vể. Lan thì trái lại thế. Có nhìn tôi, Lan nhìn trộm. Có nói với tôi, Lan cân nhắc, giữ gìn từng tiếng. Trước mặt tôi, bao giờ Lan cũng ra chiều ngượng ngập. Tuy vậy, kể ra thì Lan thân với tôi hơn: Lan với tôi khi ấy đã là đôi bạn thanh khí! Một hôm Hữu bảo tôi:

- Lan nó khen thơ, văn anh khá lắm! Nó đọc vào thấy cảm lạ!

Tôi đỏ mặt nói:

- Chỉ bịa! Thơ, văn tôi ở đâu mà nó đọc?

- Nó đọc ở trên báo ấy! Tại nó hỏi em: Thơ anh Ngọc có hay không? Em bảo nó: Hay, hay không, cứ xem ở trên báo thì biết. Tôi chả hiểu thế nào mà nói cả. Thế rồi em cho nó cái biệt hiệu của anh ký ở trên báo. Từ hôm ấy, hôm nào nó cũng mua một tờ *Khai Hóa* mất hai xu!

Câu chuyện của Hữu, như thổi vào lòng hiếu danh, hiếu thắng của tôi. Tuy vậy, tôi cũng nói nhún mình:

- Nó nói thế đấy! Thơ, văn anh thì cảm được ai!

- Phải! Em cũng nghĩ thế. Em đọc vào cũng chẳng thấy gì là cảm cả.

Câu nói vô tình của Hữu, đã kéo cái cao hứng của tôi từ trên chín tầng mây xanh mà vùi xuống dưới mười tám tầng đất đen! Tôi than thầm cho số phận: Người tôi yêu chẳng phải là người tri kỷ, mà người tri kỷ lại chẳng phải là người tôi yêu! Tôi ước ao có thể hợp cả Lan lẫn Hữu làm một người...

Mấy ngày hôm sau, Hữu đưa tập thơ của Lan cho tôi, và bảo của Lan đưa nhờ tôi sửa chữa hộ. Tôi ngần ngại đáp:

- Anh không có thì giờ.

Hữu nũng nịu:

- Không có mặc anh! Anh mà không chữa cho nó thì nó trách em chết! Thế nào anh cũng phải chữa cho nó!

Câu nói của Hữu đối với tôi bấy giờ có hiệu lực như mệnh lệnh của một ông tướng đối với quân lính trước mặt trận. Thế là bất đắc dĩ, tôi đã phải đóng vai "thầy đời", dạy Lan làm thơ từ năm mười sáu tuổi. - Tôi mới thông minh và đỉnh ngộ làm sao!

Bởi những câu chuyện kể trên, Lan với Sâm không phải là những người con gái làm cho tôi đỏ mặt và tìm đường tránh nữa.

Đương lúc đi dạo quanh vườn, đứa em trai Hữu bỗng chạy nắm tay tôi rồi chỉ lên cành liễu:

- Anh! Anh bắt cho em con ve sầu.

Đứa em gái cũng hí hờn nói:

- Anh bắt cả cho em một con.

Tôi cười, giơ tay lên chụp được hai con, đưa cho mỗi đứa một. Đứa em trai cầm lấy con ve, đưa mắt lên trông tôi:

- Anh bắt cho em con nữa!

Tôi lắc đầu, đáp:

- Thôi, để dành đến mai.

Đứa trẻ ra ý hậm hực trong khi ba cô bạn đều nhách mép cười. Rồi nó nhìn lần lượt con ve ở trong tay nó và con ve ở trong tay đứa chị, giọng dè dặt ¹ :

- Con ấy đẹp hơn. Cho em đổi!

Đứa chị bằng lòng đổi rồi, nó ngẫm nghĩ một lúc, lại đòi đổi lại. Ba, bốn lần như thế, đứa chị mặt đã có vẻ dỗi, sắp sửa chảy nước mắt. Tôi phải can thiệp. Tôi cầm lấy cả hai con ve, giả vờ xét nét. Rồi khen lấy, khen để một con đẹp và chê hoài, chê hủy một con xấu. Xong, tôi đưa cho đứa em con mà tôi cho là đẹp. Kỳ thực thì đến bây giờ tôi cũng chưa phân biệt nổi về xấu đẹp của loài ve. Đứa chị hiểu ý nhìn tôi cười. Tôi sợ đứa em thấy chị cười, biết tôi đánh lừa nó, vội vàng giục:

- Vào trong nhà lấy chỉ ra đây, anh buộc cho mà chơi.

Đứa chị đơn dả cầm con ve chạy vào trong nhà. Một lát, nó cầm ra hai sợi chỉ đào. Tôi cầm chỉ, trông vào cánh hai con ve, rồi đưa trả hai chúng nó. Ba cô bạn đã đi ra chỗ khác. Đứa em cầm một đầu chỉ, buộc vào cành hoa mộc, thả cho con ve bay. Đứa chị nhìn Hữu đã đi xa, móc túi đưa tôi một miếng trầu:

- Anh! Anh nhai hộ em với! Em vào rót nước đền anh súc miệng!

Tôi lắc đầu:

- Không! Không nghe thím vẫn bảo: "Nhai trầu rồi lấy kim mà nhổ răng" đấy hay sao?

Đứa em quay lại, nhún nhảy vỗ tay:

- Ô! Ô! Bắt anh nhai trầu! Bà lão móm! Bà lão móm! Sao không mượn u già cái cối!

Vừa nói, nó vừa cười ngặt nghẽo, đến nỗi trượt chân vì một đám rêu trên mặt đất, nó ngã lăn ra mà vẫn chưa dứt tiếng cười. Đứa chị thấy em ngã, ngượng dài:

- Ừ! Rõ trời quả báo.

Nói thế rồi, nó lại quay lại vật nài tôi. Tôi vốn có cái điểm yếu là không bao giờ chối hẳn được điều gì trước những vẻ mặt thơ ngây. Nó nói hai, ba lần. Rút lại tôi đến phải chiều ý mà nhai trầu hộ. Đưa miếng trầu cho tôi rồi, nó chạy vội vào trong nhà, đem ra lưng cốc nước lã. Tôi nhả miếng trầu đã nhai ra tay, toan đưa cho nó. Nhưng đưa em lại chạy lại, vò đầu, vò tai:

- Cho em với! Cho em với!

Tôi xé đôi miếng trầu đưa cho mỗi đứa một nửa rồi cầm cốc nước súc miệng. Chúng nó bỏ trầu vào mồm nhai, nhí nhảnh cười với tôi.

Người thợ ảnh đã đến. Ba cô bạn chạy lại bàn với tôi nên ngồi, đứng chỗ nào. Nhưng chúng tôi không đồng ý nhau. Sau cùng, phải hỏi ý kiến người thợ ảnh. Rồi theo lời người thợ ảnh, các cô dắt hai đứa trẻ, lại đứng cả dưới một giàn văng côi ². Hữu vậy tôi:

- Anh lại đây! Đứng cả vào đây!

Sâm cười:

- Không được! Không được! Anh Ngọc đứng vào đây không tiện!

- Làm sao mà không tiện? - Hữu hỏi.

Sâm không tìm được câu đáp. Tôi nói đỡ:

- Cũng không có gì là không tiện. Nhưng đứng nhiều người quá ảnh không đẹp.

Rồi tôi quay lại người thợ ảnh:

- Có phải thế không, bác?

Người thợ đáp tôi bằng một nụ cười bí mật. Hữu nói:

- Thế thôi, để anh với em chụp một bức riêng.

Tôi lảng ra, ngồi vắt vẻo lên một cành phi đào xem người thợ chụp ảnh. Chụp xong, Hữu chạy lại đứng tựa vào cành đào tôi ngồi, gọi người thợ:

- Bác chụp cho chúng tôi một tấm 9x12 nữa. Đứng thế này là đẹp chứ gì!

Người thợ quay máy lại, ngắm nghía, rồi lồng kính chụp cho chúng tôi. Xong, tôi mời người thợ vào trong buồng học uống nước. Hữu gọi con Huệ lấy nước. Trong lúc tôi rót nước mời khách thì ba cô bạn chạy ra xem bộ máy ảnh. Hữu bỗng gọi tôi:

- Anh! Anh lại đây mà xem: hay đáo để! Những bóng ở trong này nó lộn ngược lên tất cả.

Tôi chạy lại, nhìn vào lần kính trong máy, ngơ ngác hỏi:

- Sao chẳng thấy gì cả?

- Anh che tay lên mà nhìn thì mới thấy. - Hữu cười đáp.

Theo lời, tôi để một bàn tay che đi một bên, hỏi:

- Sao cũng vẫn chẳng thấy gì cả?

Đứng bên tôi, Sâm cầm lấy bàn tay tôi, chíp miệng nói:

- Anh che thế này này! Nhìn xem có thấy không nào!

Tôi để tay theo chỗ Sâm đặt, nhìn lại thì thấy quả như lời Hữu nói. Buông tay ra, tôi quay lại. Trên đầu tấm ghế dài, tôi thấy Lan cặp mắt như đổ lửa, da mặt tái ngắt, trông không còn có sắc người. Tôi ái ngại chạy đến bên Lan, hỏi bằng một giọng rất ôn tồn:

- Cô Lan sao thế? Trông người mất cả sắc!

Hữu và Sâm cũng quay lại, sẵn đón hỏi. Đưa mắt nhìn xuống đất, Lan gượng cười, sẽ cất tiếng đáp như người mê ngủ:

- Không, có sao đâu! Người tôi hơi khó ở.

- Thế để tôi lấy dầu. - Vừa nói, Hữu vừa chạy lên nhà.

Tôi vẫn đứng nhìn Lan. Chợt trông lên, Lan bắt gặp cặp mắt đầy những vẻ đau xót của tôi. Lan mỉm một nụ cười như tỏ ý cảm ơn, rồi đưa mắt nhìn đi chỗ khác. Khi Hữu lấy dầu đến nơi thì Lan đã như hồi lại. Mà vẻ mặt lại xinh tươi hơn lúc đứng ở trong vườn nữa: Cặp mắt dịu dàng và hai má hồng hồng.

Tôi ngồi ngây ra ở trên đầu ghế. Tôi ái ngại cho Lan: Tôi biết Lan yêu tôi nên khi Lan trông thấy Sâm nắm lấy tay tôi, máu ghen đã làm cho Lan mất sắc. Tôi đau xót cho Lan nữa: Lan có biết đâu tôi không thể yêu Lan được, và người tình địch của Lan lại không phải là Sâm. Tôi bắt đầu cảm thấy cuộc đời phiền phức vô cùng.

1 Có lẽ là một từ địa phương, ý nói "dành hanh".

2 Nghĩa là hoa hồng.

Hồi tháng.. Năm.. năm ấy, thầy tôi về hưu.

Nhà tôi về ở cả nhà quê, trừ có tôi là được gửi lại ở nhà chú tôi để học tư trong vụ nghỉ hè.

Từ đấy tôi với Hữu ngoài sự học chung đèn, còn được ăn cùng một mâm. Tuy vậy, hạnh phúc của tôi đã bắt đầu bị người quấy rối...

Sau khi nhà tôi dọn đi, vợ, chồng ông Đốc Bò nói với chú, thím tôi dọn đến ở trọ. Vì thế, tôi cũng nhiều dịp phải gần gũi Lan. Trong buồng học, trong vườn hoa, trong nhà ông giáo dạy tư tôi, cơ hồ chỗ nào có Hữu cũng là có Lan cả. - Chỉ có trong buồng ngủ của tôi là nơi Hữu vẫn ra vào mà Lan chưa hề bước tới. Vương có Lan, tôi mất cả tự do yêu Hữu. Trước mặt Lan, đối với Hữu, tôi phải đóng vai người anh, chứ không dám ra mặt một tình nhân.

Nhưng như thế đã đủ khổ cho tôi đâu, còn những chuyện rầy rà, rắc rối hơn nữa...

Vì sự ở chung, Lan cười, nói với tôi không còn giữ vẻ e lệ. Chú tôi bảo tôi dạy thêm chữ nho cho Hữu học. Tôi dạy Hữu học. Tôi cầm tay cho Hữu tập viết. Lan cũng mua giấy xin học. Và khi tập viết, Lan cũng nài tôi phải cầm tay. Tôi nhìn Hữu:

- Em Hữu cầm tay cô Lan. Tôi cầm, ai trông thấy không tiện.

- Mặc kệ thầy, trò anh! Ai phải vậy! - Hữu cười đáp.

Lan nhìn tôi gượng cười:

- Ai trông thấy mà không tiện? Ai mới tập viết mà chẳng phải cầm tay? Cậu, mợ cũng bằng lòng cho tôi học kia mà! - Trong giọng nói của Lan, đã hơi có vẻ giận.

Hữu nhìn tôi:

- Nói đùa đấy, chứ em thấp thế này cầm sao được tay Lan. Anh cầm hộ, không có nó giận.

Tôi sẽ thử dài, ghé lại cầm lấy tay Lan. Tay Lan run. Tay tôi lại run hơn. Chỉ viết có mấy dòng chữ mà tôi thấy mồ hôi ra ướt áo. Đã vậy, lúc viết gần xong, Hữu còn nói giỡn:

- Anh, chị dạy nhau viết, giá có cái máy ảnh mà chụp thì hay đáo để!

Tôi cau mày nhìn Hữu. Hữu cười ngật nghẻo nhìn tôi. Một lúc sau, vắng Lan, tôi trách Hữu. Hữu lại cười:

- Sao anh khó tính thế? Anh cấm cả em nói đùa!

- Nhưng anh đã van em đừng nói đùa những câu như thế!

- Thì thôi! Em xin chừa, lần sau không dám thế nữa.

Nhưng lần sau, Hữu lại thế: Không biết sắp đi đâu, Lan trang điểm xong, chạy lên buồng học. Có Hữu đấy, Lan ghé mặt lại gần tôi tươi cười hỏi:

- Anh coi hộ phần đã đều chưa?

- Hỏi Hữu xem! Tôi không biết đánh phần. - Tôi lạnh lùng đáp.

- Đều rồi đấy! Da Lan ăn phần lắm.

Nói thế rồi Hữu thêm:

- Lan ạ! Nói đừng giận nhé! Mày đứng bên anh Ngọc, tao trông thật là tốt đôi!

Lan chẳng những không giận, lại mỉm cười mà chạy vụt ra ngoài. Tôi lại trách Hữu, lại được nghe Hữu xin chừa như lần trước.

Một lần nữa... Lần này thì thật là tự Hữu muốn kiếm chuyện! Một buổi chiều, tôi theo Hữu ra vườn, định tìm chỗ vắng cùng ngồi. Hữu bỗng quay lại nhìn tôi mà cười:

- Thế kia mới thật là duyên trời: "Ngọc Lan" trên, "Ngọc Lan" dưới, "Ngọc" trên "Lan" dưới! À quên: "Ngọc Lan" trên, dưới!

Câu nói đùa không nhả ấy làm cho tôi phát cáu:

- Ăn nói cái giọng ở đâu như thế!

Hữu cũng giận, nói xẵng:

- Thì anh trông lại xem nào!

Tôi quay lại thì Lan đã đứng sau tôi, mà cả hai đứa, cùng ở dưới bóng rợp một cây ngọc lan.

Hôm ấy, tôi và Hữu giận nhau. Cơm chiều, tôi cáo ốm không ăn. Một mình nằm ở trong buồng ngủ, trong trí tôi, đầy những ý nghĩ buồn rầu và tức bực. Tôi cho là Hữu tất nhiên ngờ tôi. Mà nếu là sự ngờ thường, thì Hữu hỏi lại tôi, hay trách móc tôi nữa là cùng. Yêu thì ghen, không có gì lạ. Đàng này, Hữu không thế. Hữu chỉ tìm cách mỉa mai. Rồi khi tôi hỏi đến, Hữu lại đáp là nói đùa. Thế nghĩa là Hữu không thèm nói thực với tôi. Trong ý, Hữu đã khinh tôi. Đã cho tôi là kẻ không đáng hỏi, không đáng trách, không đáng ghen, không đáng yêu nữa. Làm cho Hữu khinh tôi như thế, có lẽ không phải là một điều để Hữu ngờ nữa, mà là một điều để Hữu có thể tin chắc là tôi có tình với Lan. Tôi bối rối lục trong trí nhớ, xem trong những thái độ tôi đối với Lan có điều gì để Hữu có thể hiểu nhầm như thế không? Tôi khinh tôi vô cùng. Tôi khinh tôi đã hèn nhát, không dám cự tuyệt Lan ra mặt. Tôi khinh tôi rồi tôi khinh cả người đời nữa. Người đời, biết bao nhiêu cái tầm thường! biết bao nhiêu cái nhỏ nhen! Tôi ngờ Hữu là nhẹ dạ cả tin. Tôi ngờ những con hầu, đầy tớ nhà Hữu đã có kẻ bịa ra những chuyện tôi với Lan để làm quà cho Hữu. Tôi lại ngờ Lan biết tôi yêu Hữu mà bày mưu phản gián cho Hữu lừa tôi. Tôi khinh Lan. Tôi đem hết những tiếng dùng để nói xấu con gái mà tặng ngầm Lan. Nhưng tôi lại sức nhớ đến những lúc tôi đã vì Lan mà ái ngại, mà đau xót. Tôi tự thấy tôi không thể khinh Lan được. Hữu yêu tôi. Lan cũng yêu tôi, nếu tôi không khinh Hữu thì sao tôi lại khinh Lan? Công bằng một chút chứ! Huống chi Lan yêu tôi có khi còn hơn Hữu: Lan còn biết thương cái tài của tôi nữa. Ở đời, được một người yêu mình, biết mình cũng khó lắm chứ! Người ấy nào phải người đáng để mình khinh? Tôi giật mình kinh sợ khi tôi thấy trong trí tôi có những ý nghĩ bệnh vực cho Lan. Bên tai tôi văng vẳng câu tôi nói hôm nào: "Anh chỉ yêu có Hữu! Tim anh chỉ thờ có Hữu!" Trí nghĩ tôi hình như lạc lỏng vào một "mê tân" ¹,

để cho bao nhiêu cảm xúc vò xé như thế. Trái tim tôi phanh ra mà chịu lấy hàng trăm mũi tên độc của Trẻ tình ². Tôi đau đớn nhất là khi tôi nghĩ đến rằng, hiện nay Hữu đã ngờ tôi mà sau này có khi tôi cũng đến quên Hữu nữa...

Hữu chợt bước vào hỏi tôi:

- Anh đã đỡ chưa? Thím đã bảo nấu cháo cho anh. Anh ăn với đường hay với trứng?

Tôi quay ra. Giọng nói thiết tha, vẻ mặt lo buồn của Hữu, đã như một liều thuốc êm cho vết thương lòng của tôi. Tôi nhìn Hữu qua những giọt lệ tràn trụa trong mắt tôi, ngập ngừng không nói. Hữu bàng hoàng ngồi xuống bên giường, ghé lại gần tôi, cất giọng sừng sốt:

- Anh sao đấy?... Anh sao đấy?... Ô hay! Khổ quá! Sao em hỏi mà anh không nói?... Em còn biết làm sao!

Mấy giọt nước mắt của Hữu đã sa vào mặt tôi. Mà tôi thấy giọt lệ rơi xuống hơi nóng nóng. Tôi nắm chặt lấy tay Hữu:

- Anh tưởng em không yêu anh nữa!

- Sao anh lại tưởng thế?

- Em ngờ anh yêu Lan?

- Đời nào em ngờ anh! Có em nói đùa thì nói chứ!

- Không phải em nói đùa! Tất nhiên có chuyện gì làm cho em khinh anh lắm. Nhưng em không chịu nói thật với anh!

- Có đâu! Sao mà anh đa nghi thế!

- Nhưng anh đã xin em, sao em còn nay nói mai nói? Em bảo em nói đùa. Anh không thể tin là em nói đùa được. Em ngờ anh!

- Không! Không! Em thề với anh nữa!

- Thế thì em phải biết mỗi lần em nói đùa như thế, làm cho anh khổ sở thế nào! Anh có tội gì, đáng cho em làm tội vật như thế?

- Thế thì anh vẫn ³ quá! Anh lại không biết Lan nó có tình với anh hay sao?
- Cho nên em nói đùa để trêu nó?
- Không! Anh đừng nghĩ em lại dám trêu nó! Em sợ nó lắm. Em nói đùa là cốt chiều ý nó. Nó yêu anh, em nói đùa như thế, nó thích. Thế thôi.
- Nhưng em sợ gì nó kia chứ?
- Em sợ cái máu ghen của nó. Anh không nhớ hôm chụp ảnh, Sâm cầm tay anh mà nó tái người đi đấy, hay sao?
- Nó ghen thì nó làm gì?
- Nó làm gì anh lại không nghĩ đến à? Nó nói xấu chúng ta với mọi người. Cả như anh với em, có cần gì ai? Thế nhưng mà chú thím...

Tôi nín lặng, suy nghĩ lời Hữu nói. Tôi không ngờ bên trong vẻ mặt thơ ngây, Hữu lại có óc suy tính, mưu mô như thế.

Hữu lại nói:

- Ấy thế, nên em kiếm cách chiều nó. Có chiều nó mới bùng được mắt nó. Anh nữa, anh cũng không nên hắt hủi nó ra mặt. Có thể chúng mình mới được yên.

Tôi thở dài ngồi dậy, lòng tôi đã bình tĩnh như thường. Hữu cười:

- Bây giờ anh đã hết giận em chứ? Thôi, em xuống bảo nó đem cháo lên. Anh ăn với đường nhé?

Tôi cười theo:

- Đường với trứng gì! Bảo nó rang cơm cho ăn, chứ ăn cháo thì đêm đói không ngủ được!
- Thì ai bảo anh dối cơm cơ chứ! Cũng biết dối cơm cả thế.

Nói thế rồi, Hữu đứng dậy, vừa cười vừa bước ra khỏi cửa buồng tôi.

¹ - Tân: tiếng Hán là bến, mê tân tức bến mê. Được dùng thông dụng trong thơ ca Việt Nam, theo nhiều biến thể; ví dụ Cung oán ngâm khúc:

Nghĩ thân phù thế mà đau

Bọt trong bể khô, bèo đầu bến mê.

² Tác giả muốn nói đến thần Eros, tức Cupidon, thần Tình yêu.

³ Từ Hán Việt, có nghĩa là rối loạn.

Trong khi yêu, Hữu đã trông thấy hết thấy.

Trái lại, trong khi yêu, Lan không còn trông thấy tí gì.

Từ khi ở chung, đối với Lan, tôi vẫn cố giữ một thái độ nhã, một thái độ mập mờ: Tôi không chăm bấp ¹, mà cũng không dám khinh khi. Tuy vậy, nhiều khi trước mặt Hữu, Lan bức tôi quá, tôi không sao khỏi có những lời nói, những cử chỉ lạnh nhạt ra mặt, có thể làm phật ý Lan được. Vậy mà Lan không giận tôi bao giờ cả. Chắc hẳn Lan đã cho vẻ mập mờ của tôi là do tính nhút nhát thông thường cho nhiều kẻ mới biết yêu. Còn vẻ lạnh nhạt cũng thế, cũng là do tính người nhút nhát, phải cố giấu kín tấm lòng yêu của mình, không muốn để lộ ra trước mắt người ngoài. Chỉ có tự bưng mắt như thế, Lan mới có thể sau trước vẫn một lòng yêu tôi.

Không trách rằng sau này, sau câu chuyện "dối cơm" của tôi, tôi và Hữu hẹn nhau đeo mặt nạ mà đóng hai vai hề trước mặt Lan: Hữu, vai mụ mồi, tôi, vai tình nhân, mà Lan không còn bao giờ nhận được bộ mặt thật của chúng tôi, vẫn tin chúng tôi là đôi bạn lòng ngay, dạ thẳng...

Cặp mắt trí tuệ của Lan mờ tối thế nào, thì cặp mắt nhục thể của Lan mơ mộng làm vậy. Mơ mộng về tình, mơ mộng về thơ. Không mấy ngày là Lan không làm mấy câu thơ tình. Mượn cớ nhờ chữa, Lan làm xong lại đưa tôi coi. Kỳ thực thì đó là những chuyện tâm sự mà Lan nói với tôi bằng bút. Chẳng những bắt tôi chữa, Lan còn bắt tôi họa nữa. Lần đầu tôi bảo Lan:

- Thơ Lan hay - Lan đã ép tôi gọi Lan bằng tên không, cũng như Hữu gọi Lan vậy - tôi cũng muốn họa lắm. Nhưng các đầu đề Lan lựa, phải là những người hay sầu, hay cảm như Lan thì làm mới hay được. Còn tôi, Lan cũng biết, tôi vui tính lắm. Dù có họa cũng không hay được. Đã không hay, bắt tôi họa làm gì.

Về sau, tuy không họa thơ Lan, song theo lời Hữu khuyên, dăm, ba ngày tôi lại làm một bài đưa Lan coi. Nghĩ là sau khi đọc mấy bức thư của Lan viết bằng văn vần, tôi cũng phải trả lời Lan một bức bằng văn vần. Trong khi

viết thư cho Lan, muốn cho có giọng nồng nàn, tôi phải nghĩ đến Hữu, tôi phải tưởng tượng như viết thư cho Hữu. Viết xong, tôi đưa Hữu đọc trước, rồi mới đưa Lan. Nhờ về sự giả dối của tôi và sự mơ mộng của Lan, tôi chắc Lan hồi đó có khi đã được hưởng một thứ hạnh phúc rất trong sạch: cái hạnh phúc yêu người và tin người cũng yêu mình. Trái lại, sự giả dối của tôi và sự mơ mộng của Lan, càng ngày càng làm cho trái tim tôi bị vò xé bởi những ý nghĩ ái ngại cho Lan. Thần Thiên lương đã cắn rứt tôi ròng rã trong mấy tháng trời. Cho đến một đêm kia, trông thấy nước mắt của Lan, tôi phải hối hận đến nỗi không còn muốn sống...

Hồi ấy là tháng Mười.

Sau buổi học sáng, tôi vừa về đến nhà, người bỗng lên cơn sốt rét. Tôi quăng sách, vở, về thẳng ngay buồng ngủ, kéo chăn đắp. Nghe Hữu nói, chú, thím tôi vào thăm tôi, rồi gọi người đi đón ông lang. Cơn rét kéo dài trong hai, ba tiếng đồng hồ. Chốc, chốc Hữu lại chạy vào buồng tôi, lật chăn ra hỏi tôi, vẻ mặt buồn rầu, lo lắng. Gần đến giờ đi học, Lan theo Hữu vào thăm tôi. Đó là lần thứ nhất Lan đến buồng tôi. Lan thăm hỏi qua loa, rồi nhắc tôi việc xin phép nghỉ. Tôi chợt nhớ ra, bảo Hữu lấy hộ giấy bút, Lan nói:

- Thôi, anh đương sốt cứ nằm mà nghỉ. Tôi viết hộ anh cũng được. Để tôi viết đưa anh ký thôi. Nói xong Lan cùng Hữu quay ra. Lan đã tạm thời làm thư ký cho tôi...

Chiều hôm ấy, tôi đã hơi tỉnh, ông lang sớm đi vắng, bấy giờ mới đến thăm bệnh. Khi tan học, Hữu ăn cơm xong, vào dỗ tôi ăn sữa. Tôi nể lời gượng ăn, song ăn khỏi mồm là thổ ngay. Hữu gọi con hầu lấy nước cho tôi, và đem cái hỏa lò đun thuốc vào cửa buồng để Hữu coi. Một lúc sau, Hữu lọc thuốc đưa tôi uống. Miệng tôi đã đắng, uống thuốc vào càng đắng. Vị đắng cứ xốc lên cổ, lại có thể muốn thổ. Tôi bảo Hữu:

- Em chạy ra vườn, bút cho anh mấy quả chanh.

Hữu chạy vội ra vườn. Một lát, đem chanh vào, bóc chanh và đưa từng múi cho tôi. Tôi ăn luôn một lúc hết bốn quả. Trời đã sẩm tối, tôi giục Hữu xuống buồng học. Hữu ra rồi, tôi bắt đầu lên cơn nóng. Không biết tự chanh

hay tự thuốc, cơn nóng kéo dài suốt đêm ấy và gần suốt ngày hôm sau. Trong cơn nóng, tôi mê man không còn biết có đời. Có lúc tôi thấy tôi là một con chim. Tự nhìn mình, thấy mình to bằng cái bồ mà đậu trên cành cây cao. Trông xuống thì nước chảy mông mênh như cánh đồng lụt. Có lúc tôi thấy tôi bị hùm, beo đuổi bắt. Có lúc tôi thấy ông tôi ngồi bên mà quạt cho tôi...

Thấy tôi suốt hai ngày không ăn, chú, thím tôi lo lắng. Ngoài sự mời ông lang, còn mời cả thầy cúng. Ngoài sự cho tôi uống thuốc, còn cho uống cả tàn hương, nước lã. Lại sai người nhà lược trứng đánh trứng ² cho tôi. Đó là chuyện Hữu nói lại với tôi về sau. Chứ trong cơn nóng, người ta làm gì ở quanh mình tôi, hay hỏi tôi câu gì, cho tôi uống gì, khi dứt cơn tỉnh lại, tôi đều không nhớ.

Khi tôi tỉnh lại, thì thấy cửa màn nửa mở. Hữu và Lan ngồi trên hai chiếc ghế mây, đặt ở bên giường. Lan hỏi tôi:

- Anh đã tỉnh đấy à? Anh coi trong mình thế nào? Mới hai ngày mà người sút đi nhiều quá!

Tôi lắc đầu đáp:

- Trong người mệt lắm!

Rồi tôi bảo Hữu cho tôi uống nước và Lan đưa hộ tôi tấm gương. Tôi uống luôn ba cốc nước đầy rồi nhìn vào trong gương, quả nhiên bóng tôi đã gầy kém trước nhiều đến nỗi tôi cơ hồ không nhận được là bóng tôi nữa! Tôi mỉm cười một cách buồn rầu, đưa tấm gương nhờ Lan cất hộ. Hữu nài tôi uống thuốc và ăn sữa. Cả Lan cũng dỗ tôi nữa. Họ nói với tôi như nói với một đứa em nhỏ. Nể họ, tôi gượng uống nửa bát thuốc và ăn vài thìa sữa. Xong lại đặt lưng nằm. Một lúc sau, cơn nóng của tôi lại bắt đầu, cũng mê man và kéo dài như cơn trước. Tan cơn ấy, tôi nhìn ra thì thím tôi ngồi ở bên mình. Thím tôi nói:

- Con xem trong người hôm nay với hôm qua thế nào? Mới vài ngày mà người con trông hốc hác ghê quá!

Tôi chưa kịp đáp thì thím tôi đã quay ra, gọi người nhà đem thuốc lại. Tôi vịn gối gượng ngồi dậy. Đưa nước cho tôi súc miệng rồi, thím tôi cầm bát thuốc để lại bên miệng tôi mà nói:

- Này! Con cô mà uống. Chú, thím lo lắm. Nếu ngày mai mà con không đỡ thì chú, thím phải cho người về tìm thầy, mẹ. Chứ một mình chú, thím, nhờ quá ra khi có thể nào...

Thím tôi không nói nốt câu, nước mắt đã tràn trên gò má. Tôi vội vàng đỡ lấy bát thuốc, uống cả làm một hơi. Thím tôi lại đưa nước súc miệng cho tôi, rồi bảo tôi nằm mà nghỉ. Hữu và Lan đi học đã về, đem nhau vào thăm tôi. Thím tôi đứng dậy bảo Hữu:

- Mợ có người mời đi ăn cơm. Con ở nhà, cô dỗ anh ăn sữa. "Cơm, cháo không ăn, mạnh gì thầy!"

Rồi thở dài ngánh lại bảo tôi:

- Con phải cố mà ăn mới được, cố mà ăn chứ người ốm có muốn ăn bao giờ đâu!

Thím tôi ra rồi, tôi bảo Hữu và Lan:

- Trông người tôi yếu lắm phải không? Lúc này thím khóc, thím lo tôi chết.

Hai người lẳng lặng không đáp, cùng cất tiếng thở dài rất buồn và nhìn tôi bằng những con mắt nước chạy quanh. Tôi cười:

- Lan với Hữu lo tôi chết à? Thế thì khóc đi! Có lẽ tôi chết thật đấy! Tôi muốn có ai khóc thì khóc trước khi tôi chết. Nhưng khi tôi chết đi rồi thì đừng khóc. Cứ suy như những lúc tôi mê sảng, tôi chắc tôi chết đi không còn có linh hồn.

Tôi nói đến chuyện chết mà lòng tôi không động chút nào. Ngày thường, mỗi khi nghĩ đến cái chết, là tôi lại sợ hãi và lo buồn. Nhưng những khi ốm đau, tai nạn, những khi gần với cái chết, thì tôi nhìn mặt thần Chết lại như nhìn mặt bạn quen. Tôi còn chưa hiểu tại sao trong cõi lòng tôi lại có cái hiện tượng ấy. Nhưng câu nói của tôi đã làm cho hai cô bạn không cầm được tiếng nức nở. Còn tôi có một mối cảm man mác như khi tôi đọc một

câu văn hay, hay ngắm một bức tranh đẹp, trong lúc tôi nhìn họ cùng rút mùi soa lau nước mắt ở cạnh giường tôi...

Cơn nóng của tôi hôm ấy nhẹ hơn. Trong khi mê, tôi thấy như tôi ốm ở giữa gia đình nhà tôi. Quanh giường, mẹ tôi và các chị, các em tôi ngồi xúm xít. Tôi chợt tỉnh ra, nhìn quanh không thấy ai cả. Trong cổ tôi khát như có lửa đốt. Tôi vùng ngồi dậy, mở cửa màn, vịn thành giường tôi bước xuống đất. Hai chân tôi run lẩy bẩy như không mang nổi mình tôi. Tôi vịn tay vào tường, bước lần lại bên cái bàn để ở góc tường. Tôi cầm bình nước dốc vào mồm. Nhưng bình cạn, dốc mãi mới được có mấy giọt. Tôi cất một tiếng thở dài thất vọng, lại lần về giường. Tôi không biết trời còn sớm hay đã khuya. Tôi ngồi mà đợi xem có ai đến sẽ xin nước uống. Nhưng khi nghe tiếng chuông điểm mười hai giờ thì tôi tuyệt vọng. Tôi cảm thấy cái khổ cô độc. Trong ánh sáng le lói của ngọn đèn hoa kỳ, trong tiếng gió rít trên các ngọn cây như những tiếng ngân dài của điệu sa mạc, cảnh quanh mình lúc ấy, tôi thấy muôn vàn thê lương. Trốn những quang cảnh ấy, tôi vùi đầu tôi vào trong chăn. Tôi thấy cần có người vuốt ve, yên ủi cho tôi. Tôi mong gặp mẹ tôi trong giấc mộng. Tôi thiếp đi, nhưng lại chập chờn tỉnh lại. Chợt nghe có tiếng thở dài ở ngay bên gối. Tôi tung chăn ra, mở mắt nhìn thì thấy Lan ngồi ngay trước mặt tôi. Lan đặt tay vào trán tôi, ân cần hỏi:

- Anh đã dậy đấy à? Tỉnh hay mê đấy?

Tôi nửa kinh ngạc, nửa mừng rỡ:

- Tôi cũng không biết rằng tỉnh hay mê nữa. Nhưng tôi khát quá, cho tôi cốc nước. Tôi nhịn khát từ nãy mà cái bình kia thì hết nước rồi.

- Tội quá! Để tôi lấy cho.

Vừa nói Lan vừa trệt xuống giường, thoăn thoắt lên ra ngoài cửa. Tôi nhìn theo mới biết: vì tôi mà Lan đã bỏ giày mà đi bít tất không...

Lan cho tôi uống xong, thu dọn bình, cốc để lại đằng bàn, rồi lại ngồi lại bên giường tôi. Tôi hỏi Lan:

- Sao Lan không đi ngủ? Sáng mai còn đi học.

Lan cười:

- Nhưng ngủ làm sao được! Ngọc đau, Lan nằm có yên đâu! Đêm qua và đêm kia, đêm nào Lan cũng ngồi đây từ một giờ cho đến gần sáng mới về giường nằm. Có Ngọc mê, Ngọc không biết đấy thôi!

- Thế ra ba đêm nay Lan không ngủ à? Người Lan có khỏe đâu. Sao không giữ gìn lấy sức?... Nếu tôi có chết, Lan ngồi đây cũng không kéo lại được kia mà?

- Vâng! Không kéo lại được! Nhưng mà Lan có thể chết theo được!

Nói thế rồi, Lan mỉm một nụ cười mê man, rút túi áo lấy ra một con dao nhỏ:

- Đã ba đêm nay Lan ngồi đây, biết bao nhiêu lần nghe Ngọc kêu chết. Lan vẫn định nếu Ngọc chết thì Lan nằm xuống bên Ngọc và cho mũi dao này vào cổ Lan. Lan không sợ chết, có cần gì sức khỏe với sức yếu?

Lan bỏ dao vào túi, rồi lại đặt tay lên trán tôi mà nói tiếp:

- Nhưng bây giờ thì Ngọc không đến nỗi chết nữa! Đầu Ngọc mát và người Ngọc đã tỉnh rồi. Ngọc thấy trong người có dễ chịu không? Thương Lan, Ngọc đừng chết nhé!

Nói đến đấy, miệng Lan cười mà má Lan đã đầm nước mắt. Tôi gật đầu, đỡ bàn tay Lan để lại bên môi. Tôi hôn tay Lan và lòng thì muốn chết ngay không còn nhìn thấy cõi đời. Tôi chán, ghét cái đời tôi. Tôi cho đời tôi từ trước đã là tội ác mà từ nay càng là tội ác: Tôi bắt đầu nhận thấy sự lừa dối Lan là một tội ác...

¹ Phương ngữ, có nghĩa như vồ vập.

² Cách chữa bệnh dân gian, đánh gió để chữa cảm mạo, trúng gió.

An bữa sáng xong, tôi lại trở về phòng nằm.

Bệnh tôi tuy đã khỏi, nhưng người tôi còn chưa lại. Chú tôi bảo tôi hãy nghỉ ở nhà để uống thuốc bổ.

Tôi vào màn nằm, cầm lấy quyển vở học, Lan đã chép vào đấy những bài học nhà trường trong những ngày tôi nghỉ để tôi nằm rồi học bù. Nhưng nỗi bất an của người mới ốm dậy sau bữa ăn, làm cho tôi cầm lấy vở mà không muốn học, tôi thấy chán nản. Đã vậy trông thấy nét chữ Lan, tôi lại băng khuâng mà nghĩ đến Lan. Tôi gấp quyển vở để lại ở bên gối, để được đem cả tinh thần về việc nghĩ. Bấy giờ thì tôi nghĩ đến rằng: Mọi ngày, giờ này là giờ Lan đến thăm mình đây. Sao hôm nay chưa thấy Lan đến? Lòng tôi bỗng bồn chồn. Trong trí tôi nảy ra hàng trăm câu phỏng đoán vắn vớ của một kẻ đợi ai, trong khi giờ hẹn đã qua mà người hẹn chưa thấy lại. Tôi lo Lan ốm, tôi ngờ Lan bận việc. Tôi tưởng Lan đi vắng. Tôi giận Lan: Nếu bận việc hay đi vắng, sao Lan không báo qua một tiếng cho tôi biết chừng? Tôi sợ Lan: có lẽ Lan đã tự biết là mắc lận mà hờ hững cùng tôi... Tôi nằm không yên nữa. Tôi vùng ngồi dậy. Tôi dăm dăm nhìn ra cửa mong trông thấy bóng Lan. Rồi tôi chợt nghĩ lại. Tôi nhận ra rằng sự vắng Lan lúc ấy đã làm cho tôi mất cả yên tĩnh. Tôi suy xem tại sao thế. Tôi bàng hoàng chợt tỉnh ra rằng tôi đã yêu Lan. Tôi đã yêu Lan? Có lẽ nào như thế hay không? Tôi tự nhắc lại hàng trăm lần câu tôi nói với Hữu: "Anh chỉ yêu có Hữu". Nhưng hàng trăm lần tôi đều thấy nó không còn đúng với tình trạng lòng tôi lúc ấy nữa. Tôi không còn cãi được cái sự thực hiển nhiên là tôi đã yêu Lan. Mãi bấy giờ tôi mới biết rằng: Dù tôi đã viện đủ mọi lý do để giữ cho trọn vẹn trái tim tôi về Hữu, song lý do nào cũng phải bị yếu ở trước cái sức mạnh vô địch là lòng yêu thành thực của Lan. Mãi bấy giờ tôi mới biết rằng: Cái vai tình nhân của Lan mà tôi đóng tôi tưởng là dối Lan, nhưng thực thì là tôi tự dối tôi. Trong khi tôi tưởng là đóng vở, chính tôi đã đóng thật! Mãi bây giờ tôi mới biết rằng: Những lúc tôi ái ngại, đau xót cho Lan, tôi vẫn tưởng là bởi lòng công bằng, lòng đồng cảm; song lột cái vỏ ngoài

công bằng, đồng cảm ấy ra thì tôi sẽ lại nhìn thấy bộ mặt đún đờn của Ái tình.

Những điều suy nghĩ ấy làm cho tôi kinh ngạc. Tôi kinh ngạc vì tôi vẫn tin ái tình chuyên nhất mới thật là ái tình, mà nay tôi tự trông thấy trái tim tôi chia đôi cho Hữu và Lan. Nếu lòng tôi đối với Hữu và Lan khi ấy không là ái tình thì là cái gì? Tôi không dám chắc đó là ái tình mà cũng không hiểu nó là cái gì nữa! Tôi cố giữ cho lòng yêu của tôi chuyên nhất, nhưng sự đó đã muộn quá! Tôi muốn đem những điều u ẩn trong lòng tôi mà thú thực cùng Lan và Hữu, song tính nhút nhát, tính cầu thả nó lại bảo tôi làm thế không ích gì cho ai, và nhất là không ích gì cho tôi. Tôi ngậm ngùi mà than tiếc cho nhân cách của tôi, từ khi mắc phải sự trêu cợt của Trẻ tình. Hữu yêu tôi. Lan yêu tôi. Hai người yêu tôi bằng dạ chân thành. Đáp lại dạ chân thành ấy, tôi đem một tâm địa lừa dối. Trước kia lừa dối Lan, không dám cho Lan biết là tôi yêu Hữu. Bây giờ lừa dối Hữu, không dám cho Hữu biết lòng tôi đã xẻ nửa cho Lan. Thành thử ra trước tôi đã đeo mặt nạ để nhìn Lan, bây giờ lại đeo thêm một lần mặt nạ để nhìn Hữu. Không biết rồi đây tôi ở đời, còn phải sắm thêm mấy trăm, nghìn mặt nạ nữa để nhìn đời? Tôi càng nghĩ, cái nhân cách thấp hèn của tôi càng trần truồng ra ở trước mắt tôi. Lòng tự ái và tự cao của tôi chịu một vết thương chí mạng! Tôi thấy tôi sống chỉ làm cho cõi đời thêm lên một phần nhơ bẩn, một phần đau đớn. Tôi thấy tôi không đáng sống nữa. Tôi muốn tự sát. Nhưng tôi bao giờ có gan tự sát! Sự suy lý có cho kẻ hèn nhát được ít nhiều can đảm nào đâu!...

Những mối nghĩ vẫn vương ấy làm mệt cho cái sức khỏe mới ươm dậy của tôi vô cùng. Tôi như con chim lồng. Tôi nghĩ quanh mong thoát thân ra khỏi cái tình thế bối rối, lộn xộn lúc ấy, cũng như con chim cửa quanh mong thoát thân ra khỏi lồng: làm những việc mất công mà vô ích! Tôi nằm lăn ra, cố sức cắt đứt mọi mối nghĩ để tìm sự nghỉ ngơi ở trong giấc ngủ. Nhưng trong người sạo sục, tôi không sao ngủ được. Mở mắt ra, tôi lại vớ lấy cuốn vở học. Tôi định dùng nó làm thuốc ngủ. Bỗng dưng, trang giấy tôi đang nhìn thoáng thấy có bóng người che tối. Trái tim tôi hồi hộp chắc là Lan đã đến. Nhưng nhìn ra thì Hữu đã vén màn bước vào, đưa cho tôi một bó hoa nhỏ:

ba bông văn côi màu long nảo buộc lại bằng một dải lụa đào với một cành hoa mai, giống mai đài xanh. Tôi cầm bó hoa ngăm nghía, trách Hữu:

- Sao em lại hái phí đi thế này?

- Làm gì mà phí! Hái về cho anh chơi chả hơn để mưa nó đập rụng đi à? Anh không ra vườn không biết: mấy hôm nay mưa, gió, hại biết bao nhiêu là hoa! - Hữu vừa nói vừa ngồi xuống bên giường tôi.

- Thế có dễ đến hôm nào tạnh, anh ra được vườn thì không còn được bông nào nữa!

- Còn! Nhưng mai với giống văn côi này thì chắc hết!

- Thế thì còn nói chuyện gì nữa!

- Ấy! Em cứ bảo để lúc nào hỏi anh mà lại quên khuấy đi mất... Bây giờ anh nói em mới lại nhớ. Anh cứ thích những hoa trắng là tại làm sao?

- Tại làm sao à? Để anh thử nghĩ xem đã. Có dễ là tại: ông anh hay mặc áo trắng; bác gái cũng hay mặc áo trắng; đến em cũng hay mặc áo trắng... Bao nhiêu người anh yêu nhất trong đời đều hay mặc màu trắng, cho nên anh thích trông thấy màu trắng. Không biết có phải thế không?

Tôi nói đến đấy thì ngồi dậy. Lan tươi cười từ ngoài bước vào, tay cầm món gì cuộn trong một mảnh giấy nhật trình.

Hữu đơn đả hỏi:

- Cái gì thế Lan?

- Cái áo gối! Hôm qua ngồi đây, thấy cái áo gối của anh Ngọc rách. Mình có cái áo gối đương thêu dở, hôm nay bảo để thêu cố cho xong để đem cho anh ấy.

Vừa nói, Lan vừa ngồi vào ghế, giở chiếc áo gối lên giường cho chúng tôi coi. Hữu cầm lên ngăm nghía:

- Thêu đẹp đấy! Nhưng mà còn thiếu! Để tao thêu thêm vào hộ.

Nói xong, Hữu đứng dậy chạy vụt ra ngoài. Tôi nhìn Lan:

- Lan không sợ Hữu nó biết chuyện chúng mình à?

- Nó biết thì làm sao? Ngọc nhút nhát quá! Lan thì Lan không thể! Nó đẩy chứ cậu, mợ biết nữa, Lan cũng không sợ! Chúng mình yêu nhau chứ làm nên tội vạ gì mà sợ ai?

- Nhưng ở gia đình, xã hội chúng mình thì tội vạ đấy!

- Miễn Ngọc yêu Lan, Lan chấp cả gia đình lẫn xã hội!

Tôi nín lặng. Tôi không ngờ một người yếu ớt như Lan mà lại có câu nói cứng cỏi đến thế. Hữu đã đem hộp kim, chỉ bước vào. Đè trên chiếc áo gối, Hữu cầm bút chì vẽ hai chữ N và chữ L ôm lấy nhau, rồi lấy kim khâu. Khâu xong, Hữu giơ cho Lan:

- Thế này có phải tình lắm không!

Nói xong, Lan kéo gối tôi, thay cái áo gối mới vào. Còn cái cũ, Hữu cười một vẻ tinh quái mà ném cho Lan:

- Giữ lấy! Bao giờ có con, may cho nó cái yếm dãi!

- Cám ơn cô đã có lòng nghĩ đến cháu. - Lan cười theo và đáp lại bằng một giọng rất tự nhiên.

Câu chuyện đến đây thì hai người cùng đứng dậy lui ra, vì trống trường đã điểm một lượt. Họ ra rồi, tôi nằm xuống mà nghe những tiếng mưa rả rích bên ngoài. Quang cảnh vừa rồi không hề làm khó chịu cho tôi. Trái lại nó lại cho tôi một mối cảm êm đềm sung sướng. Tôi thấy tình thế của tôi khi ấy, chỉ có nghĩ xa, nghĩ kỹ thì nó mới làm bận lòng tôi, song nếu không nghĩ đến thì nó vẫn xinh đẹp, dịu dàng, đáng cho tôi sống lắm! Tôi muốn chỉ có sống mà không có nghĩ nữa... Chợt tôi tự hỏi: Cuộc tình duyên rắc rối này rồi kết quả ra sao? Tôi không dám tìm cho ra câu trả lời. Tôi không dám nhìn đến tương lai nữa. Vì tôi mang máng như có cái cảm trước là: Nó là một cuộc tình duyên không có ngày mai!

Dưới ánh nắng ấm áp của một buổi sớm mùa đông, thần hoa như đã dụng công tỉ mỉ mà nhuộm lên các màu chỉ sai nhau đôi chút của các giống hoa đào...

Tôi cầm tờ *Khai Hóa* bước ra vườn. Mắt tôi trông các bông hoa đua nở, tay tôi tôi xé cái băng quần báo, mà lòng tôi thì nghĩ đến Lan. Tôi mong gặp Lan ở trong vườn để cùng Lan từ biệt. Tôi tìm một chỗ kín mà ngồi, cốt sao cho nếu có ai ở ngoài cửa vườn bước vào, thì tôi trông thấy họ mà họ không trông thấy tôi. Tôi chọn cái đôn đặt ở sau một bụi hải đường. Tôi giở báo ra đọc. Lòng tôi hớn hờ khi tôi thấy văn tôi lần thứ nhất được đem lên đầu báo và in bằng chữ lớn. Tôi còn nhớ cái đầu đề bài đại luận (!) ấy là: "Tết nhất đã đến sau lưng!", một câu phong dao! Đại ý trong bài là phản đối tục ăn Tết. Tôi viện ra đủ mọi thứ lý do, chỉ trừ ra một cái lý do thiết thân cho tôi lúc ấy là: Vì có tục ăn Tết mà này đây tôi phải xa Hữu, xa Lan, để về nhà quê làm một cái khổ dịch rất ít nghĩa lý trong suốt ba ngày chạy ngược, chạy xuôi, lạy cho khắp tám mươi năm cái giường thờ đại tôn, tiểu tôn của hai họ nội và họ ngoại! Vì cái khổ dịch ấy tôi sẽ đau cả hai đầu gối. Và, nếu trời mưa, đường lội, tôi sẽ sút cả mười đầu ngón chân. Tuy vậy, lúc tôi còn nhỏ, nó đã làm vui cho tôi. Vui không phải là ở chỗ no đến cổ mà chốc chốc lại bị người ta ép ăn nếm mấy miếng bánh, mấy miếng giò. Vui là ở chỗ chốc chốc lại có người mừng tuổi cho tôi mấy đồng xu hay mấy đồng kẽm. Đó là món tiền vốn cho tôi đánh Tam cúc. Món tiền ấy nếu không thua hết trong tháng Giêng thì sang tháng Hai tôi sẽ mua mấy con gà con mà nhuộm mỗi con một màu phẩm. Những con gà con ấy thay cho tôi những con yểng, con khướu, con vẹt, con vàng anh mà tôi không đủ tiền mua... Nhưng khi ấy thì tôi thấy việc đi lễ ông vải là ngại lắm rồi. Món tiền nhỏ mọn tôi được không phụ công lên gối, xuống gối ¹ của tôi. Vả chăng, tuổi tôi đã nhớn, cũng không mấy người cho tiền nữa.

Tôi xem qua hết tờ báo mà Lan vẫn chưa ra. Tôi nhìn cảnh vật quanh mình, tự nhiên thấy man mác nỗi buồn ly biệt. Mình tôi còn ngồi đấy mà tôi đã

cảm trước đến cái khổ "bâng khuâng nhớ cảnh, nhớ người". Tôi cố tìm trong các thú vui ngày Tết, xem có cái gì đủ kéo lại cái buồn vắng bạn của tôi. Tôi nghĩ đến những ngày Tết khi tôi còn tằm bé. Tôi nhớ lại. Tôi thấy tôi lằng bằng ở trước các hàng xén trong một phiên chợ nhà quê, mà cả mua tranh, mua pháo. Tôi thấy tôi xo ro ở cạnh bếp chực giò con cùng bánh rùa... Tôi thấy tôi xun xoe đi xem các cây nêu, các cây đèn bóng dựng ở trước cửa mọi nhà... Tôi thấy tôi đương lơ mơ nửa ngủ, nửa thức, nhặt dần những quả táo trái giường mà ăn, thì người nhà vào kéo tôi dậy, rửa mặt cho tôi bằng nước lá mùi, rồi mặc cho tôi những quần, áo mới... Tôi thấy tôi chen chúc vào giữa đám con gái ngồi, đứng chung quanh những bàn rồi mở ở sân đình làng tôi, rồi một lúc sau, tôi lại la cà đến các bàn quay đất, các bàn xóc đĩa... Tất cả những cái ấy, tôi đều không thấy gì là thú vị nữa, cho đến sự âu yếm của mẹ tôi, tiếng cười, nói của các chị, em tôi, cũng không đủ yên ủi tôi khi vắng khuôn mặt có duyên của Hữu cùng cặp mắt đa tình của Lan...

Lan đã đến, buồn rầu hỏi tôi:

- Hôm nay Ngọc về à?

Tôi cố làm ra vẻ thản nhiên:

- Lát nữa, ăn cơm xong tôi về, nhân tiện đây chúc Lan và cả nhà ăn Tết được vui vẻ.

- Thế hôm nào Ngọc lên?

- Trước hôm vào học.

- Sao không lên từ mồng ba?

- Để còn xem có thể được không.

Lan thở dài, ngắm nghía một nụ hải đường mà Lan đã vô tình ngắt vào trong tay. Rồi Lan đưa cho tôi.

- Này Ngọc trông: Cái nụ này sao khéo giống quả tim con người ta! Cầm lấy! Cầm lấy để về nhà mà xem. Hễ thấy cái nụ này là cảnh nó béo thế nào thì nhớ rằng tim Lan xa Ngọc cũng héo như thế đấy!

- Nhà thơ có khác! Nói câu nào cũng sắc những mùi thơ!

Nói xong tôi hôn cái nụ hải đường rồi bỏ vào trong túi chiếc áo gi lê tôi mặc ngoài lần áo lót. Trông lên thì mắt Lan đã đỏ hoe và đầm lệ. Cái khổ kiệt ly, làm cho tôi thoáng trông thấy cái tương lai mờ ám. Một tay vịn tay Lan, một tay rút mùi soa với lên lau nước mắt cho Lan, tôi bàng hoàng nói:

- Lan đừng khóc! Lan khóc lòng tôi khổ lắm! Xa nhau có mấy ngày, đã đau đớn cho Lan đến thế! Rồi đây, nhờ không may có lúc phải xa nhau hàng mấy tháng, mấy năm, hay suốt đời không nhìn thấy nhau nữa, còn đau đớn cho Lan đến thế nào?...

Tôi còn muốn nói nữa, nhưng Lan đã rũ người ra và ngả vào lòng tôi. Tôi vội vàng đỡ Lan, muốn xốc Lan đứng lên, song người tôi cũng bủn rủn, hết sức mạnh. Thành thử ra hai gối Lan thì quỳ xuống bụi cát tường mọc dưới chân tôi, còn đầu Lan thì gục vào đầu tôi. Lan nức nở khóc. Những giọt nước mắt nóng của Lan, thấm qua lần áo lót vào đến ngực tôi, tôi tưởng như nó làm cho phần hồn tôi, phần xác tôi cũng sắp sửa tan ra thành nước cả! Tôi hối hận câu nói của tôi đã thêm một vết thương cho trái tim Lan đương đau đớn sẵn. Tôi muốn tìm lời khuyên giải, song óc tôi đã tê dại không còn nảy ra một ý tưởng gì... Một lúc sau, xa nghe tôi thấy tiếng thím tôi giục người nhà gọi tôi về ăn cơm. Tôi như người chợt tỉnh, vội lay Lan và gọi Lan:

- Lan! Thôi Lan! Có người ra kia! Đừng khóc nữa!

Lan ngửa mặt lên nhìn tôi. Tôi lau nước mắt cho Lan, rồi cúi xuống hôn Lan, một cái hôn nồng mặn và kéo dài. Ngoài cửa vườn đã có tiếng gọi tôi. Tôi vội dời môi Lan ra, vừa lên tiếng đáp, vừa đỡ Lan đứng dậy. Lan bảo tôi:

- Thôi Ngọc về ăn cơm không có nhà đợi!

Tôi vuốt ve bên má Lan:

- Nhưng Ngọc xin Lan đừng khóc nữa đấy nhé!

Lan gật đầu. Tôi còn hôn Lan một lần nữa, rồi mới buông Lan đứng lại một mình bên gốc hải đường mà quay ra...

Tôi về buồng ăn thì com đã dọn sẵn. Mọi người đã đông đủ, duy thiếu mặt Hữu. Tôi hỏi thím tôi:

- Thừa thím, em Hữu con đâu ạ?

Thím tôi đáp:

- Em nó hơi khó ở, không muốn ăn. Thím đã bảo pha sữa cho nó rồi.

Tôi ngồi vào bên mâm, ăn cho xong bữa. Rồi lên buồng riêng mặc quần áo và sắp hành lý. Cuối cùng mới chạy sang buồng Hữu. Hữu đang nằm. Thấy tôi vào Hữu vén màn, ngó cổ ra mà hỏi:

- Anh về đấy à?

- Phải, em cảm ra làm sao? - Tôi trả lời và hỏi lại.

Hữu gượng cười, sẽ nói:

- Không! Em có sao đâu! Lúc sáng ngồi nghĩ đến anh hôm nay về nhà quê, lòng em nó cứ thế nào! Sợ ngồi ăn cơm với anh, nhớ ra trông anh, em không cầm được nước mắt, nên em phải nói dối thím.

- Thế mà làm anh điên cả ruột! Anh cứ tưởng em cảm thực kia chứ!

- Không! Anh cứ yên tâm.

- Bây giờ thì anh yên tâm rồi. Nhưng...

- Nhưng... sao?

- Nhưng anh về, không kỳ em khóc kia! Hể ở đây em khóc lúc nào, là ở nhà anh sốt ruột lúc ấy...

- Không! Em không khóc. Em nghĩ ra rồi! Anh về vài, ba ngày anh lại lên, làm gì mà khóc. Khóc ngày Tết nhờ nó đông cả năm thì sao!

Con hầu Hữu từ phòng bên bước vào. Tôi nhìn Hữu:

- Thôi, anh ra chào chú, thím.

Nói rồi, tôi để hai ngón tay lên môi, ra hiệu hôn Hữu rồi mỉm cười mà lui ra...

Tôi dám đoán rằng: Những lời tôi nói với Lan và Hữu trong buổi ấy đều là lời chân thành. Trong một bộ tiểu thuyết Tây nào, cũng có người đàn bà một ngày hai lần khóc ở trước mặt hai tình nhân, mà không lần nào là khóc dối cả ³. Tuy vậy, theo lời người chép chuyện thì lòng yêu của người đàn bà ấy là lúc này thực yêu người này, song lúc khác lại thực yêu người khác; còn lòng yêu của tôi thì lúc nào tôi cũng thực yêu cả Hữu và Lan. Chỗ tôi với người đàn bà ấy khác nhau, có lẽ là vì chúng tôi ở hai xã hội khác nhau. Cái tâm lý "chín em anh thương cả vừa mười" của tôi, có lẽ gây ra bởi cái hoàn cảnh nước Nam, một nước theo chế độ một chồng nhiều vợ...

¹ Ý nói đứng lên rồi quỳ xuống.

Rồi mở: Có lẽ là mở. Một số đình làng xưa có cái mở lớn (còn gọi là thái bình) làm bằng khúc cây ² lớn, khoét rỗng ruột, có thể có giá đỡ hoặc giá treo, dùng để gõ lên khi có hỏa hoạn hoặc giặc cướp.

³ Nhiều khả năng Nhượng Tống muốn nhắc đến *Madame Bovary* của Flaubert.

Ngày tôi từ biệt Lan và Hữu, tức là ngày tôi từ biệt cái hạnh phúc được yêu. Tuy trong khi yêu ấy tôi đã tốn bao nước mắt, bao tiếng thở dài, cùng chịu bao mối cảm xúc mệt người, năm mười sáu tuổi, tôi nhìn lại vẫn là một năm có hạnh phúc. Trong đời, tôi chỉ mong được cái hạnh phúc tương đối như thế. Nhưng sang năm sau thì cái hạnh phúc ấy không còn nữa. Ôm một tấm lòng yêu tuyệt vọng tôi đã tự đầu độc cho tâm hồn tôi...

Khi về đến nhà, tôi lên chào thầy tôi. Thầy tôi cùng bác tôi đương ngồi uống rượu. Tôi chào xong, thầy tôi cho phép tôi ngồi hầu chuyện. Tôi xón vén ¹ lại bên tấm phản, hai chân xếp bằng lại, hai tay chắp vào với nhau để đằng trước mặt và hai mắt tôi chăm chăm nhìn vào đấy như các ông triều thần nhìn vào cái hốt cầm tay. "Quân tử bất trọng tác bất uy, học tắc bất cố" (Người quân tử không nghiêm trọng thời không có oai; học thời không bền), bao giờ tôi ngồi trước mặt các bậc tôn trưởng trong nhà cũng phải nhớ câu ấy mà ngồi cho "có phép". Trước mặt thầy tôi và bác tôi, tôi tự nhiên thấy tôi là kẻ có tội với "danh giáo". Trong một năm nay, từ hành vi đến tư tưởng, đã bao nhiêu điều tôi vượt ra ngoài vòng "luân lý khuôn". Gần Hữu và gần Lan, ngày nào tôi không phạm đến cái lễ "nam, nữ thụ, thụ bất thân" (con trai, con gái không đưa tay cho nhau vật gì) của các đấng Thánh, Hiền? Lòng tôi thấy xôn xao, áy náy. Chợt nghe bác tôi hỏi:

- Thầy với bác đang nói chuyện thơ. Bác nói, bác thích thơ Thanh Liên ². Thầy bảo, thầy thích thơ Kiếm Nam. Còn cháu, cháu thích thơ nào?

Tôi "dạ" chưa kịp thưa thì thầy tôi đã nối lời bác tôi:

- "Thi ngôn chí". Bác hỏi thế là bác muốn biết chí hướng của con đấy. Có thể nào nói cho thật.

Tôi lại cất tiếng dạ, trong lòng thì cảm động về giọng nói ôn tồn của thầy tôi: Từ thuở tôi biết, lần này mới là lần thứ nhất thầy tôi gọi tôi bằng "con" mà không gọi bằng "mày". Bác tôi lại giục. Tôi đứng dậy chắp tay vào ngực, thưa:

- Bẩm bác, con thích thơ Đỗ Phủ.

Bác tôi gật gù nói:

- Ủ! Cứ ngồi xuống, bác hỏi: Sao cháu lại thích thơ Đỗ Phủ?

Tôi ngồi xuống mà đáp:

- Bẩm bác, con thích thơ Đỗ Phủ, vì trong thơ chứa chan tấm lòng trắc ẩn. Trong Toàn Tập, biết bao nhiêu bài tả những cảnh huống khổ nhục của đám dân nghèo. Mỗi khi con đọc, lại thấy như có đám người khổ rách, áo ôm ấy kêu khóc ở bên tai, mà trong lòng thì uất ức muốn đứng phắt dậy... Thơ như thế mới thật là "khả dĩ hưng, khả dĩ quan, khả dĩ quần, khả dĩ oán!" ³ Con tưởng người làm thơ nên như Đỗ Phủ chứ không nên như Viên Tử Tài ⁴ hay Bạch Cư Dị, chỉ biết đem thơ mà phò nịnh bọn giàu sang.

Bác tôi cất chén gật gù:

- Câu nói hay!

Thầy tôi thì cười:

- Thế mới thật con cha! Rồi may ngày sau sẽ nghèo và sẽ khổ, con ạ!

Bác tôi bỗng hỏi thầy tôi:

- Cháu năm nay đã nhớn. Chú, thím đã định nơi nào cho cháu chưa?

- Thừa chưa. Cũng có nhiều nơi người ta muốn cho. Tôi định nhân độ này nó về nghỉ, cho nó đi nom mắt qua cả một lượt. Rồi nó bằng lòng đám nào, tôi sẽ liệu.

Câu nói của thầy tôi làm cho người tôi phát rét. Tôi ngồi lặng mà nghĩ cách đối phó. Nghĩ đã chín, tôi liền quyết định dùng kế "hoãn binh". Rồi tôi mỉm cười mình lại bảo mình:

- Tưởng rằng về phải chịu cái khổ đi lễ tổ, ai ngờ lại phải chịu cái nợ đi nom mắt vợ! Việc đời có biết đâu mà lường được!

Tối hôm ấy tôi ngủ ở trong màn thầy tôi. Cái đó là một cái khổ. Vì tính tôi nằm hay dấy dọn ⁵, còn thầy tôi thì thích tĩnh và hay gặt. Cho nên mỗi khi

chung giường với thầy tôi, tôi phải cố mà nằm yên như một cái xác, đến nỗi tôi thức hay ngủ thầy tôi cũng không biết nữa. Bấy giờ thầy tôi sẽ hỏi tôi:

- Ngọc thức hay ngủ đấy?

Tôi dạ. Thầy tôi nói:

- Mai là ngày ba mươi, phiên chợ. Thầy cho đưa nó dẫn con ⁶ ra chợ. Nó sẽ chỉ cho con những đứa mà người ta định gả cho con. Chợ Tết, chắc đứa nào cũng đi cả. Nhược bằng có đứa nào con không xem được, thì trong ba ngày Tết, thầy cho con đi đến từng nhà mà xem. Các nhà ấy, chỗ quen biết cả ấy mà! Cứ nói là đi lễ Tết nhân tiện vào chơi. Mà đã có đứa nói, con cũng không cần phải nói nữa. Thế là người ta biết ý, sẽ lập cách cho con nom được...

Tôi chiêu tập hết cả sức mạnh bạo trong người, rồi đường hoàng thưa lại:

- Bẩm thầy, cổ nhân ba mươi tuổi mới lấy vợ. Con còn bé, thầy mẹ hãy cho con chuyên tâm về việc học. Việc hôn nhân xin để thông thả, con tưởng cũng không muộn gì! - Tôi tưởng tôi viện cổ nhân ra như thế là đủ chiết phục ⁷ được thầy tôi, không ngờ thầy tôi lại cười mà nói bông:

- Con không muốn lấy vợ à? Ngày xưa có một anh, lúc bé, cha, mẹ bảo lấy vợ cho thì nói: "Xin để thư thả, con còn bé!" Đến lúc nhiều tuổi thì lại nói: "Con già rồi, còn vợ, con gì nữa!" Rồi thầy tôi lại tiếp bằng một giọng nghiêm nghị: "Con nói cũng phải. Nhưng con nói thế là con chưa rõ đến tình cảnh nhà. Đã ngót nửa năm nay, sức thầy thấy yếu đi nhiều. Ăn không được. Ngủ không được. Ngủ đến rệu thì kinh. Con coi ban nãy ngồi tiếp bác, thầy chỉ cầm chén chứ có uống đâu. Ông có nói chuyện cụ ngày xưa khi sắp mất. Thầy xem ra, cái bệnh thầy bây giờ cũng thế. Thế mà thuốc thang mãi không khỏi con ạ! Con thử nghĩ nếu thầy chết đi thì tình cảnh nhà ta ra thế nào. Con thì đi học. Các chị con thì chúng nó ở nhà chồng. Ở nhà chỉ có mẹ con và mấy đứa em nhỏ. Mẹ con, người vốn 'năm ngày ba tật'. Trông ai khi tắt lửa, tối đèn? Ai là người giúp đỡ mẹ con mà trông coi nhà cửa, chăm chút các em? Cho nên thầy muốn định liệu sớm cho con. Nhờ

một mai thầy có thể nào, có người nó sớm hôm quẩn quít với mẹ con. Trước là mẹ con đỡ khó nhọc. Sau nữa mẹ con cũng được vui bụng..."

Thầy tôi nói đến đấy thì nước mắt tôi đã chan hòa, nằm yên không dám nói nữa.

Thế là hôm sau tôi phải theo một người anh họ tôi ra chợ. Người ấy nói với tôi:

- Tôi cùng cầu Trời khẩn Phật cho chú nom được ngay trong buổi chợ hôm nay. Không có thì ngày Tết ông còn bắt tôi dẫn chú đi mỗi căng!

Tôi cười:

- Anh không lo. Đến nhà họ thì có vác mặt đến cho họ nom mình chứ mình nom sao được họ! Mà nom được nữa, biết đâu họ không cho nom người này mà cho cười người khác? Mai chú có bắt đi nữa, anh, em mình cứ việc đem nhau đi chạy láo. Tối ngày ta về nói với chú là đi rồi. Chú biết đâu!

Thế rồi tôi ra chợ đứng vợ vắn một lúc rồi về. Chứ cũng không nom ai cả. Tôi dặn người anh họ:

- Về thì anh cứ nói là tôi đã nom món nọ, món kia rồi, nhưng không thuận đâu cả!...

Buổi sáng tôi đã nghĩ lại lời thầy tôi nói đêm trước. Tôi thấy việc lấy vợ cho tôi thực không cần thiết gì cả. Giúp đỡ mẹ tôi, việc ấy chỉ một người vú già cũng làm được. Cho nên tôi vẫn quả quyết thi hành kế hoãn binh của tôi là: Nếu khi thầy tôi hỏi lại, tôi sẽ nói không bằng lòng đám nào hết. Rồi vài ngày tôi đi học, thế là chuyện sẽ yên. Kế ấy chỉ làm cho tôi phải mắng mấy câu là cùng. Nhưng khi ở chợ về, tôi chợt nghĩ: Chi bằng đem ngay tình riêng mà kêu nài với thầy tôi. Kíp, chầy ⁸ thế nào chả phải một lần nói? Tôi tự xét mình, thấy có đủ can đảm nói. Trong trí tôi liền nảy ra một câu hỏi: Nhưng trong hai người: Lan và Hữu, nên lựa người nào? Tôi cũng biết rằng lựa người nọ là phụ người kia. Nhưng tôi thấy rằng tôi không có thể giữ vẹn cả hai bề được. Thế rồi tôi quyết sẽ xin lấy Hữu, chỉ vì mỗi một cớ: Hữu là người yêu tôi trước và tôi yêu trước. Định vậy rồi, tôi mong sau cho chóng đến lúc đi ngủ, để thầy tôi hỏi lại và để tôi sẽ nói. Lòng mong ấy cũng y

như lòng mong của người bị cáo mong chóng đến ngày ra trước Tòa án: dù thất vọng, biết rõ tình thế mình vẫn đỡ khổ hơn là không biết và nhân đó mà ngày đêm phải phấp phỏng lo phiền.

Nhưng đêm ấy là đêm ba mươi, thầy tôi bận rất nhiều việc. Cho mãi đến nửa đêm, cũng còn phải ra nhà thờ họ dự tế Giao thừa. Bởi vậy, đêm sau thầy tôi mới nhắc lại việc nom mắt. Thầy tôi hỏi:

- Những đứa con đã nom, con không bằng lòng đứa nào cả phải không?

Tôi sẽ nói và nói thật nhanh:

- Thừa thầy, vâng. Nhưng con nghĩ thầy cũng không cần cho con đi nom mắt đâu nữa. Thầy cứ hỏi Hữu nhà chú Hường cho con cũng được.

Nói xong, tôi nằm lặng nghe tiếng trống ngực tôi đập dồn mà đợi thầy tôi trả lời. Thì giờ lúc ấy dài ra cho tôi cũng như cho một người mẹ đứng trong phòng mổ mà chờ thầy thuốc mổ xong đứa con đau, khoảng thì giờ mà hy vọng với tuyệt vọng chỉ cách nhau bằng sợi tóc. Thầy tôi nín lặng một lúc rồi nói:

- Không được, con ạ! Kể ra con ấy cũng khá và tính cũng ngoan. Nhà chú mày lại cũng nhà dòng dõi. Con bằng lòng cũng là phải. Nhưng hai bên còn phải đóng giỗ, đóng Tết với nhau, họ còn gần lắm! Giá phỏng nhà chú mày cũng như nhà ta thì không nói. Nhưng nhà chú mày thì có, mà nhà ta thì nghèo. Lấy như thế, họ lại bảo thầy, mẹ tham giàu mà quên cả tổ tiên! Cái tai tiếng ấy, con có chịu được không? Thầy thì thầy không chịu được!

Mấy câu nói của thầy tôi, làm cho tôi tưởng như tim tôi không còn đập nữa. Tôi sẽ thở dài. Bao nhiêu mộng tưởng về cuộc đời hạnh phúc mà tôi mong hưởng chung với Hữu đều theo tiếng thở dài ấy mà tan... Trong lúc bàng hoàng tê tái, tôi chợt nghĩ đến Lan. Lòng tôi bỗng đâm liều như một người đánh bạc khi đã thua cay nhưng vợ vét còn được ít tiền dính túi. Dù biết đánh tất thua, người đánh bạc có cái liều đánh cho thua một thế. Dù biết nói ra tất thất vọng, tôi có cái liều nói ra cho thất vọng đến cùng. Ánh đèn mờ không soi rõ vẻ mặt nghiêm khắc của thầy tôi. Song tôi cũng nhắm mắt lại, rồi cất giọng run run mà nói:

- Thừa thầy, nếu thầy không bằng lòng hỏi Hữu cho con, thì thầy hỏi Lan con nhà ông Đốc Bò cho con vậy!

Thầy tôi nói:

- Con nhà Đốc Bò à? Thầy không biết nó thế nào, nhưng bố, mẹ nó như thế thì lấy sao được. Nhà nó là một nhà mới nổi, không có nền nếp. Thằng chồng thì quanh năm cô đầu, cô đít! Con vợ thì suốt ngày rong chơi, ngấm vuốt. Một nhà kiêu sa, dâm, dật như thế, con cái chắc không có nết. Vả chăng, những con nhà ấy nó lại gả vào những đám vương tôn, công tử. Trừ những nhà biết nhà mình, biết quý dòng dõi, nền nếp, thiên hạ họ không hoài con gái mà gả cho một thằng học trò xác ⁹ như con đâu! Con nên kén ở nhà quê. Nhà ta, nên lấy con gái nhà quê mới phải.

Tôi nín lặng. Vì đã tính trước sự thất bại, nên nghe thầy tôi nói, tôi cũng không nôn nao lắm. Khi nghe đến câu cuối cùng, trí tôi còn nảy ra một cái ý nghĩ khôi hài và chua chát: Thế này ra tôi lấy vợ là lấy vợ cho nhà tôi! Thế mà từ trước tôi vẫn tưởng là lấy cho tôi!

Thầy tôi đóng câu chuyện dang dai và vô vị của hai cha con, bằng một câu chen vào giữa hai tiếng thở dài:

- Có ta nói thì nói, chứ ta biết chúng mày, những đứa ra học tỉnh, ngày ngày trông thấy những con gái thị thành, có đứa nào là thiết lấy vợ ở nhà quê đâu!...

¹ Rón rén, co ro.

² Tức Lý Bạch.

³ Trích Luận ngữ. [Xem thơ] có thể phần khởi được ý chí, xem xét được việc hay dở, hòa hợp được với mọi người, bày tỏ được nỗi sâu oán.

⁴ Tức Viên Mai.

⁵ Hay loay hoay, không yên.

⁶ Ý nói cho người dẫn đi.

⁷ Chiết: bẻ gãy, chiết phục có nghĩa là dùng sức mạnh để hàng phục. Ở đây có thể hiểu là "thuyết phục".

⁸ Kíp: khẩn cấp; chầy: trì hoãn. Kíp chầy nghĩa là "sớm muộn".

⁹ Ý nói học trò nghèo kiệt xác.

Xong Tết, tôi đi học, đem theo một mối tuyệt vọng ở trong lòng. Tuy vậy, nỗi lòng tôi vẫn giữ kín, không dám ngỏ cho Lan hay Hữu biết. Tính khờ dại và tính tự tôn của tôi bắt tôi phải nghĩ rằng: Nếu tôi cho họ biết thì họ sẽ đau đớn lắm. Thiên hạ có nhiều kẻ trông thấy những người họ yêu, họ thương phải chịu cực còn thấy khổ hơn là chính mình phải chịu cực. Những kẻ ấy, nếu họ không làm gì để khổ cho những người họ yêu, họ thương thì đó chẳng qua là do lòng ích kỷ. Tôi là một kẻ trong hạng người ấy.

Thành thử ra mối tuyệt vọng của tôi chỉ làm cho tôi âm thầm đau đớn một mình. Tôi âm thầm đau đớn như một kẻ ở tang cho một người mà mình yêu quý nhất trên đời. Mà ai bảo tôi không đương ở tang? Cái "tôi" mơ mộng và sung sướng trong năm mười sáu tuổi vừa mới chết xong! Tôi ở tang cho nó! Bao nhiêu những cái nhắc cho tôi nhớ đến nó đều làm bật máu tươi cho vết thương lòng mà không bao giờ tôi có thể hàn gắn nổi. Bao nhiêu những cái ấy đều làm cho tôi xót xa, ghê sợ. Kìa cảnh vườn hoa, tôi không dám bước chân ra nữa: Đây là nơi nghĩa địa đã vùi xương nó... Nọ Lan cùng Hữu, tôi không muốn nhìn mặt nữa: Đây là những bạn tình của nó... Đây lại những ảnh, những mùi soa, những thứ mà Lan cùng Hữu cho tôi làm kỷ niệm, tôi không nỡ liên tay ngắt nghĩa nữa: Đây là những di tích của nó để lại ở đời... Quanh mình tôi lúc nào hình như cũng vây bọc bởi một vùng không khí lạnh lẽo gớm ghê. Bỗng dưng tôi rùng mình. Bỗng dưng tôi bủn rủn. Tôi chán nản. Tôi biếng nhác. Tôi không còn thấy có thú sống. Những cảnh lọt vào mắt tôi, đều hiện ra màu thảm đạm. Những tiếng đưa vào tai tôi, đều nghe ra những âm hưởng não nùng. Nhiều khi tôi bơ thờ như người mắc bệnh thần kinh. Tôi mê mụ mà quên cả câu tôi vừa nói buông mồm. Tôi vớ vẩn mà tìm cuốn sách chính tôi đương cầm trong tay. Ngoài hai buổi học, hai bữa cơm, tôi lại về buông nằm. Tôi lơ mơ như người buồn ngủ suốt ngày, song không mấy đêm là ngủ được ngay và không giật mình thức giấc lại hai, ba lượt. Đời trước mắt đã làm cho tôi phiền não. Đời trong mộng cũng không cho tôi được sự nghỉ ngơi. Hễ nhắm mắt lại là tôi lại thấy thân hồn bay lạc đi những đâu đâu. Hoặc là trong bóng hoàng hôn, một mình thơ

thần trong một cảnh đèn miếu hoang tàn. Hoặc là dưới màn mưa bụi, một mình tôi bước chậm bên một hồ nước lặng, rong, dấy mọc đầy, hay trên một quãng đường vắng hai bên xơ xác những bông lau, bông sậy!... Những giấc chiêm bao như thế làm cho tôi lúc thức dậy thấy trong người lạnh lùng và mỗi một... Soi gương tôi thấy đôi mày tôi ủ dột và đôi mắt tôi hình như tắt hết tinh anh... Tuy trước mặt Lan và Hữu tôi vẫn gượng nói, gượng cười, song chỉ mấy ngày là họ đã đoán biết tôi tất có điều gì sâu khổ trong lòng mà không muốn nói. Hữu hỏi tôi:

- Sao độ này trông anh mất cả sắc? Hay ở nhà có chuyện gì để anh lo nghĩ?

Tôi cố làm ra vẻ vô tư lự, nói giỡn:

- Sao em anh lại rửa anh như thế! Tết về anh cảm, người nay còn chưa lại. Đêm anh không ngủ được nên người trông nó mệt đấy thôi!

Lan cũng hỏi tôi:

- Ngọc ơi! Sao Ngọc lại giấu Lan? Chúng mình lại không phải một người sao? Có điều gì khổ tâm, Ngọc san sẻ cho Lan chịu chung với chứ!

Tôi cười:

- Có điều gì mà tôi giấu! Chúng mình bây giờ sung sướng quá! Nhưng nghĩ đến đường xa tôi lại sợ. Không biết rồi đây có được sung sướng mãi thế này hay không? Những khi nghĩ thế thì tôi lại thấy buồn. Thế đấy thôi chứ không có sao cả, Lan ạ!

Lan nín lặng ra ý suy nghĩ. Tôi trông thấy vẻ buồn của tôi in trên nét mặt Lan...

Tháng Ba năm ấy ông Đốc Bò phải đi Thái Nguyên. Lan báo tin ấy cho tôi và Hữu hay, vừa nói vừa muốn sa nước mắt. Hữu bảo Lan:

- Thi sắp đến nơi rồi. Lan xin phép ở đây học với tôi. Thi xong rồi hãy lên trên ấy. Ở nhà tôi cũng như ở nhà Lan vậy.

Lan buồn rầu đáp:

- Tôi cũng đã nói, nhưng cậu, mợ tôi không bằng lòng.

Tôi nhìn Lan thờ dài. Tiếng thờ dài ấy không phải dấu hiệu của một tấm lòng buồn. Đã mấy tháng nay tôi nằm ngòai với tuyệt vọng. Lòng tôi đã tê tái, không còn biết có gì là vui vậy. Đó là tiếng thờ dài của một kẻ tuyệt vọng khi thoáng thấy một tia hy vọng. Tôi có cái hy vọng xa Lan sẽ quên được Lan. Không tìm được hạnh phúc trong sự yêu Lan, tôi đành mong được yên nghỉ trong sự quên Lan vậy! Cố nhiên Lan dù xa, bên mình tôi cũng vẫn còn có Hữu. Cố nhiên một mình Hữu cũng đủ làm cho tôi đau đớn. Tôi biết vậy. Nhưng tôi mong quên Lan cũng như ai mang hai vết thương, khi không khỏi được cả hai, hãy mong cho khỏi một. Tôi mong tôi quên Lan, rồi tôi lại mong Lan không còn nhớ đến tôi. Tôi liền quyết ý đem mối tuyệt vọng của tôi mà nói rõ cùng Lan. Tôi suy nghĩ xem nên cho Lan biết theo cách nào. Trước hết, tôi định nhân khi từ biệt, tôi sẽ nói cho Lan biết. Nhưng tôi sợ kết quả của cách ấy. Tôi không nỡ trông thấy Lan đau đớn trong khi trái tim Lan một lúc phải chịu hai mũi tên "biệt ly" và "tuyệt vọng"! Thế rồi tôi định cho Lan biết bằng thư, sau khi từ biệt. Nhưng tôi lại ngại thư bị người nhà hay thầy giáo biết trước mà không đến tay Lan. Sau cùng, tôi nghĩ được một cách tiện lợi hơn: tôi viết thư mà đưa tay cho Lan, trước khi từ biệt. Tối hôm ấy tôi không xuống buồng học. Tôi đem bút giấy về buồng ngủ mà viết thư. Tôi viết từ chập tối đến nửa đêm trước, sau sáu bức, xong, khi đọc lại, tôi lại lần lượt xé đi tất cả. Tôi ném bút đứng dậy, đi bách bộ ở trong phòng, nhất định nghĩ kỹ rồi mới viết chứ không nghĩ đến đâu viết đến đấy như trước nữa. Thế rồi tôi viết một bức thư dài hết hai trang giấy lớn. Trong thư nhiều đoạn rất giả dối. Song giả dối nhất là câu: "Không được yêu Lan, đời tôi, tôi thề không dám yêu ai nữa!" Kỳ thực thì ngoài Lan ra, tôi vẫn yêu Hữu. Và chẳng, nào có ai cấm tôi không được yêu Lan! Tuy giả dối làm vậy, mà bức thư ấy, khi tôi đọc lại, cũng làm cho tôi nước mắt chan hòa. Văn tôi đã làm cảm động tôi, cũng như giọng nói, giọng hát của một người đóng trò làm cảm động họ ở trên sân khấu. Tôi cố tình để cho nước mắt tôi nhỏ vào lòe loẹt cả thư, để cho Lan biết thư tôi thực là "hòa lệ mà viết". Tôi còn ngồi trước bức thư để đợi cho khô nước mắt, thì Lan đã đẩy cửa buồng mà bước vào, vịn vai tôi, cầm lấy thư xem. Tôi luống cuống đứng dậy, nhường ghế cho Lan. Không biết Lan đọc có hết hay không, mà mấy phút sau đã thấy nước nở gục đầu vào bức thư. Tôi van,

tôi lay thế nào, Lan cũng không nín nữa. Không làm thế nào được, tôi đóng chặt cửa buồng lại. Rồi kéo ghế, ngồi bên Lan, gục mặt xuống bàn, tôi cũng khóc theo Lan. Trong khi tôi khóc, tôi thấy tôi có đủ can đảm mà tự sát theo Lan, nếu khi Lan có ý ấy. Chợt thấy Lan lay tôi mà gọi:

- Ngọc! Ngọc! Rồi hãy khóc! Lan bảo đã.

Tôi lau nước mắt nhìn Lan. Khuôn mặt Lan, sau một trận khóc, dưới một ánh đèn hơi mờ, đã hiện ra một vẻ đẹp thần tiên, tôi chưa từng được thấy. Lan cất giọng chua chát hỏi tôi:

- Bây giờ Ngọc không tin Lan nữa?

- Sao Lan lại nói thế?

- Thế sao Ngọc khuyên Lan quên Ngọc? Ngọc cho rằng Lan có thể quên Ngọc được hay sao?

- Không phải thế! Nhưng Ngọc nghĩ Ngọc là một đứa chẳng ra gì. Nếu Lan không quên Ngọc thì Ngọc phải hối hận suốt đời rằng: Chính Ngọc đã giết Lan, đã giết cả hạnh phúc một đời của Lan!

- Thế thì Lan không giết Ngọc, không giết cả hạnh phúc một đời của Ngọc hay sao? Như trong thư Ngọc viết: "Không được yêu Lan, Ngọc thề không dám yêu ai nữa"...

- Nhưng Lan khổ, càng khổ thêm cho Ngọc!

- Ngọc tưởng vậy, nhưng Lan nghĩ khác. Lan thấy rằng nếu chúng ta không quên nhau thì chưa hẳn đã tuyệt vọng. Nhưng cái đó còn tùy ở Ngọc...

- Sao lại thế? Lan nói rõ. Đầu óc Ngọc bây giờ đã mê mụ đi cả!

- Ngọc có thể, nhà hỏi đâu cho, cũng nhất định không lấy không?

- Cái đó thì đã đành!

- Thế thì được rồi! Chúng ta lại không có lúc làm được đủ nuôi miệng hay sao? Đến lúc ấy, nhà không thuận, ta có thể bỏ nhà theo nhau được.

Câu nói cứng cáp của Lan làm cho tôi tỉnh ngộ. Do câu nói ấy, Lan đã sẽ cho tôi một phần nghị lực. Tôi nhìn tương lai không thấy đen tối mịt mù

như trước nữa, tuy nó là một quãng đường đầy những chông gai... Nét mặt chúng tôi trở nên bình tĩnh sau một trận khóc hết nước mắt, cũng như bầu trời trở nên quang đãng sau một trận mưa rào. Chúng tôi vui vẻ mà bàn nhau về những chuyện đường xa. Chúng tôi khuyên nhau cố học cho lên bậc trung học để có thể cùng nhau tái hội ở Hà Nội. Chúng tôi mơ màng đến những cuộc gặp gỡ nhau ở các bờ hồ, các vườn hoa trong những ngày nghỉ học... Tiếng gà xao xác gáy. Chúng tôi từ biệt nhau sau một cái hôn say mê, đắm thắm nó như nối lại mối tình suýt đứt giữa chúng tôi...

Bấy giờ là một buổi sáng trong vụ nghỉ hè.

Tôi đang ngồi ăn cơm với chú, thím tôi cùng các em thì có người nhà đến tìm. Người ấy chào cả nhà rồi nói với tôi:

- Bấm cậu, mời cậu về ngay; ông ở nhà ngặt lắm!

Tôi giật nảy mình, buông đũa bát đứng dậy rồi thu xếp ra về. Dọc đường, bao nhiêu lần tôi hỏi người đầy tớ về bệnh trạng thầy tôi. Tuy hẳn đã đáp rồi mà chốc chốc tôi lại hỏi lại. Khi tôi về đến nhà thì trời đã chiều. Những tiếng trảng, tiếng đục của bọn thợ mộc đóng quan tài như đập thẳng vào tim, óc tôi cho tan ra từng mảnh vụn! Vào trong nhà, tôi thấy thầy tôi đang ngồi ở trong giường, tựa mình vào mấy cái chăn gấp vuông lại và để chồng lên nhau. Tuy đầu thầy tôi đã cạo trọc và người gầy yếu hơn trước nhiều song cửa vẫn mở, màn vẫn vắt một bên, quang cảnh trong nhà coi không ra quang cảnh chỗ nằm của người Việt Nam sắp chết.

Tôi vào chào thầy tôi, rồi ngồi vào chiếc ghế đặt ở trước giường mà hỏi thăm về bệnh trạng. Thầy tôi cười, cất giọng mỗi mệ đáp:

- Bệnh thầy thì hỏng rồi, con ạ! Đã hai hôm nay đại, tiểu tiện bí cả. Chốc chốc lại lên cơn đau bụng. Con trông đây: chân, tay lại hơi phù. Ăn uống cái gì vào là thổ ra ngay. Các thầy lang bó tay chịu cả. Kìa! sao lại khóc? Thầy đã chết đâu mà khóc? Mà khóc có ích gì đâu, con!...

Tuy sợ thầy tôi thật, song tôi lau nước mắt đi nó lại tràn ra. Kỳ thực thì sự trông thấy một người thân đương vào tay thần Chết lôi đi, mà mình chịu bó tay ngồi nhìn, vốn là một cảnh không mấy người nín được khóc, dù biết khóc là vô ích. Hai chị tôi ngồi ở cạnh thầy tôi, thấy tôi khóc cũng khóc nức nở. Thầy tôi gắt:

- Ô hay! Những quân này lạ chứ! Chúng mày định làm tội bố chúng mày đến lúc chết à? Trông thấy chúng mày khóc, tao khó chịu vô cùng! Tao chịu

tội với chúng mày đã chán rồi! Bây giờ sắp chết, cũng để cho tao thư thả một chút chứ!

Nói đến đây, thầy tôi đã mệt, thở lên hồng hộc. Chúng tôi không dám khóc nữa. Vội vàng đỡ thầy tôi nằm xuống. Thầy tôi bảo tôi ngồi vào trong giường và xua các chị tôi ra ngoài. Rồi thầy tôi cầm tay tôi, đặt vào ngực, nhìn tôi một cách âu yếm. Đó là lần thứ nhất thầy tôi tỏ lòng yêu tôi bằng hai mắt. Tôi không thấy sợ thầy tôi nữa. Đối với thầy tôi lúc ấy, tôi thấy trong lòng chỉ chứa chan những mối yêu, thương. Yên lặng một lúc, thầy tôi mới thở dài mà sẽ bảo tôi:

- Bây giờ là lúc thầy cần phải nói với con. Bây giờ không nói, sợ rồi ra muốn nói cũng không kịp nữa: Chân, tay thầy thấy đã buồn bã cả...

Tôi dạ. Thầy tôi lại nói:

- Thầy là một người suốt đời bất đắc chí! Lúc thiếu niên, nào thầy có thiết chi phú, quý ở đời này! Trung gian chỉ vì có đông chúng con mà phải đem thân luôn, cúi người ta! "Vị ngũ đấu mễ chiết yêu!" ¹ (Vì năm đấu gạo mà phải khom lưng), cái nhục ấy không bao giờ thầy quên được! Cho đến bây giờ tuổi già, mình yếu, trông lại hoài bão lúc bình sinh, nghìn phần thầy không làm được phần nào cả! Thầy thật không có mặt mũi nào trông thấy người thiên hạ! Cho nên, con xem đây, có lúc nào là thầy được vui đâu! Sống như thầy thật có như nhời cổ nhân: "Mạc nhược tốc tử chi vi dã!" (chẳng gì bằng chóng chết là hơn cả). Bây giờ chết đi, thầy còn tiếc gì đời nữa! Chỉ thương hại cho mấy đứa em con còn bé, đại cả. Nhưng biết làm sao được! Thôi thì thương thầy, con thương lấy chúng nó. Liệu đấy mà nuôi, dạy cho chúng nó nên người... Thôi, ra gọi chúng nó vào đây! Thầy chỉ dặn con có thể.

Tôi bàng hoàng chạy ra, gọi ba đứa em nhỏ tôi vào. Thầy tôi bảo chúng nó ngồi cả chung quanh, rồi chỉ tôi mà dặn:

- Thầy chết đi, anh nó bảo thế nào, chúng con phải nghe thế nhé!

Chúng nó vừa cất tiếng vâng, vừa sụt sịt khóc. Thầy tôi cười nhạt, cầm lấy tay chúng nó:

- Nín đi thầy bảo! Thầy nói thế chứ thầy đã chết đây ² !

Rồi thầy tôi lại như nói một mình:

- Ai ngờ tôi lại chết uống vào tay vợ, con tôi!

Tôi ngồi ngây mà nhìn thầy tôi và mấy đứa em nước mắt dài, nước mắt ngấn trong ánh sáng mờ mờ của cảnh hoàng hôn. Hai chị tôi đem đèn vào, đổ nước sâm cho thầy tôi, nhưng thầy tôi gạt ra không uống. Mẹ tôi vào gọi tôi và mấy đứa em ra ăn cơm. Ăn xong, tôi lại vào bên giường bệnh. Mẹ tôi thì tiếp các người đến hỏi thăm ở bên ngoài. Thầy tôi bảo các chị tôi có chuyện cổ tích gì tức cười kể lại thầy tôi nghe. Các chị tôi dạ, song không tìm được chuyện gì kể. Thầy tôi liền bảo tôi:

- Thôi! Thăng Ngọc đi lấy tập thơ Phương Đình ³ đọc tao nghe cũng được.

Tôi đọc một lúc thì nghe tiếng thầy tôi ngáy. Tôi thôi không đọc nữa, vì tôi chắc thầy tôi ngủ. Nhưng khi nhìn xuống thì thấy mắt thầy tôi vẫn mở, và đưa đi, đưa lại luôn luôn. Tôi sợ hãi, hỏi người anh trưởng họ tôi, lúc ấy ngồi bên tôi:

- Anh ơi! Anh trông mắt chú sao lại thế này?

Anh ta nhìn rồi đáp:

- Chú mê mất rồi! Thử gọi xem!

- Nhưng chú đừng ngáy. Tôi sợ gọi chú mất giấc ngủ.

- Cứ thử gọi xem! Ngủ sao lại mở mắt? Có dễ chú thở ra đấy, không phải ngáy đâu!

Tôi luống cuống, ghé bên thầy tôi mà gọi. Nhưng gọi thế nào thầy tôi cũng không đáp nữa!...

Sau khi đưa đám thầy tôi, tôi theo học lên Hà Nội. Sự biến cố trong nhà, sự xa Hữu và Lan, làm cho tâm hồn tôi có một đôi phần thay đổi. Nhiều khi tôi muốn đoạn tuyệt với cả hai người để được chuyên tâm về việc học. Tôi cho rằng cái cuộc tình duyên rắc rối ấy, tôi theo đuổi bao nhiêu, chỉ chuốc thêm phiền não bấy nhiêu, chứ chung quy tất không có kết quả gì! Tuy vậy, tôi

không đủ can đảm để làm theo ý muốn của tôi. Tôi như một anh nghiện kiệt nào, vẫn biết thuốc phiện làm cho mình càng ngày càng thêm cùng quẫn, song không sao mà bỏ được. Sự bỏ thuốc phiện làm cho anh ta chịu ngay cái khổ nhỡn tiền - cái khổ "thuốc phiện vật"! Sự đoạn tuyệt với ái tình đối với tôi cũng vậy: sống không yên, cô ả nhàn sầu cũng có sức "vật" tôi khổ hơn là mắc tay cô ả phù dung! Chao ôi! Vì hèn nhát, trong đời còn biết bao nhiêu kẻ hy sinh tương lai cho hiện tại như tôi với anh nghiện ấy? Cũng bởi thế mà khi đến Hà Nội là tôi viết thư ngay cho Lan và Hữu. Nhưng sau khi gửi thư đi, tôi mong mãi mà không được thư trả lời. Thế rồi khi lòng mong đã đến cực độ, tôi thấy sự mong làm khổ tôi quá! Tôi liền phát phẫn mà không mong! Tôi cho là họ không bao giờ trả lời tôi nữa! Tôi tự nhủ bằng một câu chua chát: "Thôi mong làm chi nữa! Mày chẳng qua là một món nghiện cứu để chúng nó dùng trong khi vỡ lòng học sự yêu trai! Bây giờ mày là đứa học trò xác, mà chúng nó thì là những cô tiểu thư nghìn vàng! Đứa nào còn nghĩ đến mày nữa!" Sự suy nghĩ ấy giúp cho tôi quả quyết thi hành cái ý muốn mà trước kia tôi không làm nổi. Đêm khuya tôi ngồi dậy, cầm ngọn đèn trong đêm ra ngoài sân gác. Rồi tôi lục hết cả các món mà hai người cho tôi làm kỷ niệm, nào ảnh, nào tóc, nào mùi soa, nào gối, tôi đem đốt cho kỳ hết. Tôi ngồi ngây ra mà nhìn cho ngọn lửa vô tình cháy dần những món tôi yêu, thương về trước đó, rồi tôi đem nước mắt nóng mà tưới cho năm tro tàn. Trái tim tôi lúc ấy, như cũng đã tàn ra tro! Tung đám tro đó cho bay tan sang nóc nhà lán giềng, tôi tự yên ủi tôi: "Thôi thế cũng xong! Thà rằng bây giờ họ phụ mình, còn hơn sau này có lúc mình phụ họ!" Từ đó tôi chuyên tâm về việc học. Tuy vậy, mỗi khi nhớ đến việc cũ, tôi lại thở dài như một nhà đạo đức hủ ⁴: Tôi thở dài cho thế thái, nhân tình!

Ai ngờ ngay trong năm ấy, lại còn một việc làm cho tôi phải thở dài cho thế thái nhân tình một cách chua cay hơn thế!

Nhà tôi vốn là một nhà thế gia, nghĩa là một nhà nghèo. [...] ⁵

Giàu là những nhà đi buôn, những nhà làm ruộng. Phần di sản của ông tôi để lại cho thầy tôi có một sào đất với ba sào ruộng. Khi thầy tôi còn làm việc, ruộng, mẹ tôi cũng dành dụm tậu được thêm ba mẫu. Đó là cả cơ nghiệp nhà tôi ở trong làng. Cái cơ nghiệp ấy, sau khi thầy tôi mất đã hao

hụt đi nhiều. Không muốn ai nói động đến vong linh thầy tôi, mẹ tôi đã phải làm mấy bữa cỗ trả "nợ miệng" các nhân đình trong làng và các quan viên trong hàng tổng, hàng huyện: Thầy tôi xuất thân là một ông Cử. Thế là đi đứt mấy mẫu ruộng mới tậu. Tuy vậy, nhà tôi còn một cái cơ nghiệp ở ngoài làng nữa là năm mẫu ruộng mà ông ngoại tôi chia cho mẹ tôi. Việc quản lý mấy mẫu ruộng ấy, nhà tôi vẫn giao cho cậu cả tôi. Mẹ tôi cứ chắc trông vào đó, việc chi tiêu trong nhà sẽ không đến nỗi thiếu thốn. Khi tôi đi Hà Nội, vốn mong thi vào được trường Bảo hộ và xin được học bổng. Nhưng thi trượt, tôi phải học tư ngoài. Sợ nhờ việc học của tôi, mẹ tôi phải vay tiền cho tôi chi độ ⁶. Mẹ tôi định sẽ bán số lúa thuế ruộng mà bấy lâu vẫn gửi cậu tôi cho vay để trả món nợ. Không ngờ lúc mẹ tôi đến tính với cậu tôi, thì số lúa kia hóa ra "hữu danh vô thực". Bao nhiêu lúa trong huân, mợ tôi đều nhận là của mợ tôi cả. Còn số lúa mẹ tôi gửi, thì mợ tôi nói: "Lúa má nào? Tôi biết đâu đấy! Mặc kệ anh em nhà cô với nhau!" Mẹ tôi đành cãi nhau với cậu, mợ tôi một trận rồi sụt mướt khóc trở về. Về, mẹ tôi thu xếp bán mấy mẫu ruộng ấy. Nhưng cậu tôi là lý trưởng đương thứ ⁷. Mẹ tôi xếp bán cho ai, cậu tôi cũng nhất định không đóng đồng triện vào văn tự! Nhân có ông ngoại tôi hồi xưa chia ruộng cho mẹ tôi là chia miệng chứ không có di chúc, cậu tôi đã lấy quyền gia trưởng, lập ý muốn nuốt không mấy mẫu ruộng về phần mẹ tôi. Nhưng bề ngoài thì cậu tôi lại tỏ ra một ông anh cả rất nhân từ. Cậu tôi bảo mẹ tôi: "Cô dại lắm! Bán đi lúc nào là hết lúc ấy! Rồi mẹ con lấy gì mà nuôi nhau được? Tôi không thể biết đấy mà không giữ. Tôi nhất định không cho cô bán! Tôi giữ là giữ cho cô và các cháu chứ cho ai!"

Đó là câu chuyện "thế thái, nhân tình" mà mẹ tôi cho tôi biết vào hồi cuối năm ấy, khi tôi nghỉ Tết, vừa "mới bước chân về đến nhà". Mẹ tôi cho tôi biết tấm lòng vàng - hay tấm lòng "tham vàng" - của cậu, mợ tôi rồi bảo tôi:

- Theo ý bác con thì nhà ta nên đi kiện!

Tôi ngẫm nghĩ rồi đáp:

- Thừa mẹ, kể cậu, mợ con mà ăn ở như thế là tuyệt đường nhân nghĩa rồi, đi kiện cũng là phải. Nhưng con chỉ sợ mấy mẫu ruộng ấy không ở tay cậu

con thì vào túi quan Huyện chứ không đến phần nhà ta.

- Thế thì làm thế nào bây giờ? Lấy gì trả nợ người ta? Lấy gì cho con đi học? Lấy gì nuôi các em nay, mai cũng có đứa phải đi học trường tỉnh? Mẹ ở nhà nuôi con lợn, con gà, làm cái vải cái giấy cổ công tần tảo, nuôi chúng nó đủ ngày hai bữa, kiếm cho nó đủ bút, giấy đi học trường làng, thế cũng đã là khó lắm rồi!

Mẹ tôi vừa nói, vừa nước mắt chảy xuống ròng ròng.

Tôi nhìn mẹ tôi, trong lòng cay đắng muôn vàn. Ai là kẻ làm con, đã cầm lòng đậy trước những giọt lệ thương tâm của mẹ? Tôi ngồi lặng đi một lúc lâu, rồi khảng khái mà nói:

- Thưa mẹ, con xin mẹ đừng nghĩ gì nữa! Con đã có cách! Con sẽ bỏ học. Con sẽ đi kiếm việc làm. Có việc làm là có tiền trả nợ, có tiền nuôi được các em...

- Nhưng thế thì khổ thân con quá! Năm nay con mới có mười bảy tuổi đầu!

- Con cũng biết mẹ thương con lắm, nhưng làm thế nào được!

Nói thế rồi, tôi cũng khóc. Tôi khóc cho cái đời trí thức của tôi!

Một lúc sau, mẹ tôi lục đưa cho tôi hai bức thư: Tôi nhìn ngoài phong bì thì là thư của Hữu viết cho tôi vào hồi tháng Chín tháng Mười năm ấy. Tôi mở ra đọc. Bức thứ nhất Hữu cho tôi biết chú tôi sắp sửa dời nhà lên Phú Thọ, vì mới mở đồn điền ở đấy. Bức thứ hai, Hữu cho tôi biết địa chỉ mới. Bức thứ nhất có kèm thư của Lan gửi về nhà chú tôi cho tôi, báo tin ông thân sinh bị một nặng. Xem xong, tôi hồi hận về sự tôi đã ngờ oan họ. Vì thư họ gửi cho tôi, chính vào độ tôi gửi thư cho họ. Nhưng thư họ đến nơi, còn thư tôi thì lạc. Thư cho Hữu lạc vì có chú tôi đổi chỗ ở. Còn thư cho Lan lạc, chắc cũng vì một cố giống như thế. Họ không được thư tôi, tự nhiên không biết địa chỉ mới của tôi ở Hà Nội để viết thư cho tôi nữa. Thần ngẫu nhiên đã cắt đứt ⁸ cầu ân ái, chứ chẳng phải là họ đã quên tôi. Thế nhưng tôi lại nghĩ: Dù bấy giờ họ chưa quên, nhưng bây giờ chắc họ quên rồi. Mà họ chẳng quên tôi nữa, tôi cũng nên quên họ. Tôi nên quên họ cũng như tôi nên

quên tôi vậy. Vì rằng thân tôi đã không phải là của tôi nữa. Nó đã là của nhà tôi, của hai đứa em tôi. Tôi đã trót hứa với thầy, mẹ tôi như thế mất rồi!

Thế là tôi thất học từ năm mười tám tuổi! Cái đó là một vết thương tâm mà tôi mang đến suốt đời. Cho nên bây giờ khi tôi gặp những người trẻ tuổi mà hoàn cảnh bắt buộc phải thôi học, thì thực lòng tôi thương họ vô cùng. Kỳ thực thì là tôi tự thương tôi: Trong họ có một phần "tôi" năm tôi mười tám tuổi. Tôi chỉ thương có cái phần ấy...

Câu nói nổi tiếng của Đào Tiềm thời Đông Tấn ở Trung Quốc. "Ngã khởi năng vị ngũ đấu mễ
1 chiết yêu quyền quyền sự hương lý tiểu nhân đa", nghĩa là "Ta lại có thể vì năm đấu gạo mà phải chịu còng lưng, vòng tay thờ bọn tiểu nhân nơi thôn xóm ấy ru".

2 Có lẽ là "chết đâu".

3 Tức Phạm Đình Hổ.

4 Tức là cổ hủ.

5 Kiểm duyệt thời Pháp thuộc bỏ một đoạn.

6 Chi tiêu độ nhật.

7 đương nhiệm, tại vị.

8 Tức là nhíp.

Hôm ấy lại là một hôm nghỉ lễ Phục sinh.

Tôi thơ thẩn ra chơi chùa Ngọc Sơn, một mình ngồi trước Trấn Ba đình, mắt tôi nhìn những bóng nhà, bóng cây, in dưới mặt hồ nước lặng mà lòng tôi thì nghĩ vẩn vơ. Hoàn cảnh eo hẹp của tôi cấm tôi hết thảy mọi xa vọng ¹ có thể làm náo nức một tâm hồn trẻ trung. Cho nên dù trẻ trung mà tôi ngồi đó như một ông già: Tôi sống về quá khứ. Cái tương lai bằng phẳng, tầm thường, tưởng tượng đến tôi chỉ thấy nhọc nhằn và chán nản. Muốn giải trí, tôi nhớ lại những ngày năm xưa. Tôi chợt nhớ lại ngày lễ Phục sinh mà Lan và Hữu cùng tôi trải hội chùa Hương. Phim ảnh quăng đời tôi lúc ấy từ trong nếp óc mà trải ra trước mắt tôi, biết bao vẻ nên thơ, nên mộng! Nhưng khi phim ảnh ấy đã lướt qua, lòng tôi lại không khỏi ngậm ngùi, tiếc rẻ. Sống trong cái vũ trụ nay thay, mai đổi, tôi tự thương mình cũng theo với tháng ngày mà thay đổi, từ khu xác ² đến tâm hồn. Nét mặt tôi, con mắt tôi, đâu còn vẻ vui, tươi, trong, sáng ngày xưa! Mà trái tim tôi, ngày xưa hớn hở, nồng nàn, nay cũng như héo hắt, khô khan, sau bao nỗi thương đau, nhọc nhằn!...

Tôi đương nghĩ vẩn vơ như thế thì sau lưng tôi nghe có tiếng giày đi lại. Rồi thì lòng tôi hồi hộp khi nghe tiếng Hữu nói:

- Mợ! Người ngồi kia có dễ là anh Ngọc.

Tiếng thím tôi nói tiếp:

- Ủ nhỉ!

Tôi không đợi cho hai người đi lại gần nữa, vội vàng đứng dậy chào thím tôi. Thím tôi hỏi:

- Bác ở nhà mạnh đấy chứ? Anh bây giờ học đâu? Hơn một năm nay rồi, anh bận gì mà cũng không thềm nhìn đến chú, thím nữa?

Tôi bối rối đáp:

- Thưa thím, mẹ con vẫn mạnh. Con bây giờ đã bỏ học...

- Sao lại bỏ học?

- Thừa thím, nhà con bây giờ túng lắm. Con phải đi làm lấy tiền nuôi các em con...

- Thế sao không viết thư cho chú, thím? Chú, thím trời cho có. Nếu biết nhà túng, cũng có thể giúp đỡ được anh không đến nỗi bỏ học...

Trong khi thím tôi nói, tôi cho ngay là nói đãi bôi! Sau khi được biết cách cư xử tàn nhẫn của một người cậu, tôi không còn tin tấm lòng quảng đại của người đời. Thím tôi nói tiếp:

- Tội nghiệp! Thế làm ăn có khá không?

- Thừa mỗi tháng được có hơn hai chục đồng!

- Thôi thế cũng khá! Nhưng sao cho đủ được?

- Bấm không đủ cũng phải đủ! - Tôi vừa nói vừa cười nhạt.

- Thôi, thông thả thím cháu sẽ nói chuyện. Bây giờ tiện xe, anh lên chơi với chú. Các em không mấy ngày là chúng nó không nhắc.

Tôi tự thấy chối không nổi, đành cất tiếng "vâng". Bấy giờ tôi mới đưa mắt nhìn Hữu. Tôi cứ chắc Hữu đối với tôi lúc ấy hẳn giữ một thái độ lạnh lùng và rẻ rúng. Song khi nhìn thì gặp đôi mắt Hữu dường chăm chăm nhìn tôi một cách đau xót, và vẻ mặt đã tỏ ra thực lòng cảm động về tình cảnh của tôi. Thím tôi đã quay ra. Tôi và Hữu bước theo. Lúc nhường tôi đi trước, Hữu còn nhìn tôi và mỉm một nụ cười ngày xưa. Cái hạnh phúc được yêu lại trở lại với tôi. Cái nhan sắc dậy thì của Hữu, sự xa lâu mới gặp cùng làm cho tôi sung sướng tê mê. Tâm hồn tôi như lại bị nắm chặt trong tay Hữu...

Lên xe, ngồi bên tôi, Hữu sẽ hỏi tôi bằng giọng trách móc:

- Anh tệ quá! Mấy lần em viết thư mà anh cũng không thèm trả lời nữa!

- Cái ấy thì anh có lỗi thật! Nhưng...

Tôi không sao nói tiếp được nữa! Vì tôi không sao tìm ra được một cớ để gỡ lỗi cho mình. May Hữu cũng không vặn lại, chỉ trách thêm một câu:

- Mà Hà Nội với Phú Thọ, mấy hào tàu, anh cũng tiếc!

- Không phải thế! Nhưng từ ngày bỏ học, anh thực không còn muốn đi đến đâu, không còn muốn nhìn thấy một ai!

- Không muốn nhìn thấy cả em? Không nhớ đến em?

- Vẫn nhớ! Nhưng em quên anh rồi! Một đứa nghèo hèn như anh, còn đáng nhớ đến ai nữa!

- Anh khinh em quá! Anh cho em chỉ biết quý có những người phú quý! Anh nhầm lẫn! Ngày xưa anh có phú quý bao giờ đâu!

- Nhưng ngày xưa không phải là bây giờ! Anh cho rằng em bây giờ không phải là em ngày xưa.

- Ai bảo anh thế?

- Thế thì anh lại xin lỗi em lần nữa! Gặp nhiều việc biến cố, óc anh bây giờ nó loạn lên như thế đấy. Em giận hay em thương?

- Em thương!

Hữu sẽ đáp tôi sau một tiếng thở dài. Rồi chúng tôi nhìn nhau bằng hai cặp mắt mê man, say đắm. Khi xe về đến nhà, thì chú tôi đi thăm đồn điền vắng. Mấy đứa em nhỏ chạy ra đón. Trông thấy tôi đều ra vẻ mừng rỡ, xúm xít hỏi chuyện. Ăn bữa chiều xong, thím tôi mắc dờ có khách. Tôi cùng các em cùng ngồi nói chuyện trẻ con với nhau ở dưới nhà ngang. Quá tám giờ, thím tôi mới lại xuống hỏi chuyện tôi. Mười giờ, thím tôi đứng dậy, đem các em nhỏ đi ngủ, và bảo Hữu:

- Em bảo chúng nó dọn giường trên nhà khách cho anh nghỉ.

Tôi đứng dậy, theo một người đầy tớ trai lên nhà khách. Đương lúc tôi đứng nhìn quanh vợ vẫn thì Hữu cùng con hầu đã đem chăn, màn, đệm, gối lên. Hữu bảo người đầy tớ mắc màn và sắp đặt chỗ nằm. Lại xem xét lại một lượt rồi nói với tôi bằng một giọng nửa ân cần, nửa lễ phép:

- Thôi mời anh đi nghỉ. Em xuống.

Hữu và người nhà ra khỏi rồi, tôi tắt ngọn đèn to, đem ngọn đèn nhỏ vào trong màn, định nằm đọc cho hết cuốn sách mà tôi đọc dở để ở trong túi. Từ khi tôi thất học, tháng nào tôi cũng dành được ít tiền mua sách, và lúc nào

túi tôi cũng có một cuốn sách nhỏ để đọc vào những thì giờ vụn vặt. Đó là cách tôi yên ủi cho cái đời trí thức của tôi. Nhưng tôi vừa đặt mình xuống, thì thấy trong lần áo gối có vật gì cộm cộm. Tò mò, tôi ngồi dậy, cầm lấy chiếc gối. Tôi thoáng thấy một góc có thêu chữ H nhỏ bằng móng tay. Mở áo gối ra coi thì là một vuông khăn màu hồ thủy, trong gói tấm hình của Hữu. Nhìn hình, tôi biết là mới chụp. Tim tôi hồi hộp trong khi nghĩ đến Hữu đã đưa gối của Hữu cho tôi gối và tặng tôi tấm ảnh cùng vuông khăn. Tôi sẽ đưa tấm ảnh lên môi mà hôn rồi gấp vào trong cuốn sách. Còn vuông khăn, tôi cất trước vào túi áo. Đóng lại áo gối rồi, tôi nằm mà đọc sách. Nhưng đọc đấy mà không hiểu. Mắt tôi nhìn vào sách mà trí tôi thì lạc đi những đâu. Gấp sách lại, tôi tắt ngọn đèn ra ngoài màn. Dưới ánh trăng tà, các cây hoa trồng trong các chậu in bóng cành bóng lá xuống đầy sân. Vào màn nằm, cảnh vườn cũ bỗng hiện ra trong trí nhớ của tôi. Tôi ước ao lại được cùng Hữu ngồi đôi nói chuyện ở giữa cảnh vườn xuân. Nhưng lại tự biết rằng cái thú ấy hiện nay không thể tìm được nữa...

Sáng hôm sau, chú tôi đã về. Chú tôi hỏi thăm việc nhà tôi rồi hỏi tôi học đâu. Tôi chưa kịp thưa thì thím tôi đã thuật hộ tình cảnh tôi cho chú tôi rõ. Chú tôi yên ủi tôi:

- Thôi cũng được! Người ta có min ³ có chí là làm ăn được chứ bằng cấp cũng không quan hệ gì cho lắm. Như chú, nào bằng cấp gì đâu mà tay không cũng làm nên được như bây giờ! Còn như học lấy biết thì cháu cứ đọc cho nhiều sách là được rồi! Nếu có thiếu tiền sách vở và chi độ ở nhà, cứ viết thư lên. Chú, thím xin trợ cấp.

Tôi "vâng", song trong bụng thì nhất định không bao giờ lại xin tiền chú thím tôi. Chuyện vẫn một lúc, chú tôi chợt cười bảo tôi:

- Cháu năm nay đã lớn mà tang thầy cháu cũng sắp xong rồi. Để chú nói với mẹ, chú kén vợ cho. Hay cháu bằng lòng đâu thì bảo chú, chú làm mỗi thì giỏi lắm, đâu cũng là phải đấy!

Tôi bẽn lễn đáp:

- Thưa chú dạy vậy, chứ con thì học hành dở dang, nhà con thì sa sút, ai có hoài con gái mà gả cho con!

- Cháu khinh người quá! Cháu bảo người thiên hạ chỉ biết có tiền với bằng cấp hay sao? Người ta cốt ở người chứ!

Tôi cười không nói nữa. Trong lòng thì mừng rỡ, vì tôi cho đó là chú tôi tỏ ý muốn gả Hữu cho tôi.

Buổi chiều, tôi đạp xe lửa về Hà Nội. Hôm qua còn mãi nói chuyện với Hữu. Hôm nay tôi mới tựa cửa sổ mà ngắm xem phong cảnh dọc đường. Quen nhìn những cảnh ruộng lầy, nước đọng ở đồng bằng trông đến những đồng màu xanh những đồi đất đỏ miền trung du, tôi thấy có một mối cảm lạ lùng mới mẻ. Tôi nhìn không biết mỏi mắt. Kỳ thực trong túi tôi có tấm ảnh Hữu mới tặng, trong óc tôi lại có cái hy vọng cùng Hữu nên duyên đôi lứa, tôi nhìn đâu mà chẳng là phong cảnh hữu tình! Tôi định ninh rằng mẹ tôi vốn nuôi tôi, nếu tôi khéo vật nài, thì về việc cầu hôn với Hữu mẹ tôi sẽ không để tôi phải thất vọng như thầy tôi độ trước.

¹ Trông ngóng xa xôi.

² Thân xác.

³ "Min" trong tiếng cổ thường có nghĩa là "mình", trở vào bản thân đối tượng phát ngôn.

Trong ánh mặt trời tà, tôi thơ thẩn dưới một cây tân di ¹, mọc bên đường Cổ Ngư, chơi với mấy đứa trẻ đứng chơi quanh mình. Đó là cái thú tiêu khiển duy nhất của tôi từ khi đi làm. Được ngày nghỉ, tôi bỏ ít thì giờ đi lang thang một mình. Đến đâu, thấy có đàn trẻ đương chơi, tôi liền nhập bọn với chúng. Tùy lúc, tùy chỗ, tôi bày thêm cho chúng một trò chơi. Thế là chúng thân với tôi ngay, và làm quà cho tôi những câu chuyện thơ ngây, ngộ nghĩnh. Lúc ra về, tôi lại làm quà cho chúng những thứ mà tôi mua sẵn để trong túi: mấy cái kẹo hay mấy gói lạc rang. Bấy giờ thì tôi lấy giấy làm một cái thuyền buồm thả xuống mặt hồ. Làn gió chiều hây hây, đưa thuyền ra tận ngoài xa. Đàn trẻ nhìn theo nhí nhớn cười. Tôi lại bẻ lá tân di làm cho chúng và tôi mỗi đứa một con trâu. Rồi dứt dây cỏ làm chạc trâu, tôi cùng chúng dắt trâu đi, vừa cười vừa bắt chước tiếng trâu kêu: "Nghé ngo! Nghé ngo!" Tôi đương mãi nhìn một đứa trẻ mà miệng cười tươi như miệng cười của Hữu, thì chợt nghe tiếng gọi:

- Ngọc! Ngọc! Làm gì ở đấy?

Tôi giật mình ngảnh lại thì Lan đã từ trên xe nhà bước xuống, vẻ đẹp ẻo lả thêm nảo người vì bộ áo, quần đại tang. Người tôi như gặp một luồng gió lạnh đưa qua; tôi rùng mình nhớ lại việc Lan đã quấy rối cuộc đời bình tĩnh của tôi năm trước. Tuy vậy, tôi cũng vội đứng dậy và ân cần hỏi:

- Kìa Lan! Để tang ai thế?

- Cậu tôi mất ngay năm đi khỏi Thái. Thế Ngọc không nhận được giấy báo tang à? Còn Ngọc, Ngọc để tang ai?

- Thầy tôi cũng mất năm ấy. Tôi đã gửi thư cho Lan biết rồi thôi?

- Gửi hồi nào? Gửi vào đâu? Tôi không nhận được.

- Tôi gửi sau hồi nghỉ hè, gửi lên Thái Nguyên.

- Thế thì thư lạc rồi. Hồi ấy nhà tôi đã về cả Hà Nội.

- Còn giấy báo tang Lan gửi chắc cũng thế. Hồi ấy chú tôi dời nhà đi Phú Thọ. Mà giấy báo tang chắc Lan gửi vào nhà chú tôi cho tôi. Lan có biết nhà quê tôi đâu.

- Thế không trách được! Thảo nào tôi mong thư Ngọc mãi! Tôi giận Ngọc lắm lúc đến phát khóc!

- Thì tôi cũng mong thư Lan như thế!

- Thôi, việc cũ không kể! Ngọc lên Hà Nội mấy năm nay rồi? Học đâu?

- Có học hành gì! Lên Hà Nội hai năm nay, học được mấy tháng, rồi phải đi làm đầy tớ ông thần Tiên!

- Tôi cũng bỏ học rồi! Mợ tôi thấy người yếu không cho đi học nữa! Hơn một năm nay, tôi mắc chứng thổ huyết, Ngọc ạ!

Nói đến đây, Lan sẽ cất tiếng thở dài, rồi giậm mũi giày xuống đám cỏ xanh vô tội dưới chân mà nói tiếp:

- Thành thử ra cùng ở Hà Nội hai năm nay mà không gặp nhau! Thôi! Giờ lại đành nhà thăm mợ tôi!

Tôi định chối song mồm không sao mở được. Lan bảo người kéo xe chạy gọi xe cho tôi. Ngồi trên xe, tôi thấy tôi như người bị Lan bắt cóc. Một lúc sau, xe chúng tôi đã đậu trước một cửa hàng tơ lụa ở phố Hàng Đào. Tôi theo Lan bước vào thì thấy bà mẹ đang ngồi coi hàng. Tôi bỏ mũ chào. Lan cười hỏi mẹ:

- Con đố mợ biết ai đây?

Bà mẹ cười nhìn tôi:

- Cậu gì cháu ông Hường dưới Thái phải không?

Tôi đáp:

- Bẩm vâng! Nhân gặp cô Lan, con mới biết ông đã mất. Bảo lại hỏi thăm bà.

- Cám ơn cậu! Mời cậu vào trong nhà.

Bà mẹ vừa nói vừa đứng dậy. Tôi bước theo. Qua một khu sân nhỏ bày gần kín những chậu cảnh, thì đến phòng khách. Trong phòng, trước cái tủ chè cái sập gụ cổ lệ, bày một bộ bàn, ghế mặt đá. Bà mẹ mời tôi ngồi, rồi ngồi đối diện với tôi. Còn Lan thì sắp bộ đồ chè, đợi pha nước. Câu chuyện hàn huyên của tôi và bà rất vô vị! Về phần tôi, tôi hỏi về bệnh trạng ông chồng, từ khi đau đến khi chết. Cái đó nhắc bà phải nhớ lại một quãng đời buồn rầu, thê thảm. Về phần bà, bà hỏi tôi học đâu. Cái đó bắt buộc tôi phải cung khai một cái tình cảnh thương tâm và nhục nhã. Tuy vậy tôi cũng cố tình khai thực. Không phải muốn cho bà thương, mà là muốn cho bà rẻ rúng tôi. Tôi cho rằng nếu bà rẻ rúng tôi, tôi sẽ có cơ để tuyệt tình cùng con gái bà mà không ra con người phụ bạc. Uống nước xong tôi cáo từ đứng dậy. Lan vồn vã hỏi tôi trọ đâu rồi nói:

- Chủ nhật, ngày lễ anh không đi làm, tôi cho xe nó đến đón anh, lại đây tôi học thêm ít chữ nho.

Tôi giật nảy mình nhìn bà mẹ. Bà cười:

- Phải đấy! Giá nhờ cậu dạy cho đọc thông được những chúc thư, văn tự thì hay lắm. Cậu chịu khó giúp em.

Tôi càng thêm kinh ngạc, cất tiếng "vâng" như một cái máy, rồi cũng như một cái máy tôi ra khỏi cửa hàng.

Đêm hôm ấy tôi mất ngủ gần nửa đêm. Tôi nghĩ về tình thế của tôi lúc ấy. Ngoài cố Hữu là người tôi yêu trước, tôi còn thấy nhiều cố khác mà lòng ích kỷ viện ra, bảo tôi cần phải tuyệt tình cùng Lan. Lan người vốn gầy yếu, nay lại mắc bệnh thổ huyết. Nếu lấy Lan tôi sẽ phải ở chung với một người ốm suốt đời, và có những đứa con "còm cõi như con cò đói"! Nhà Lan nhà con một. Nếu lấy Lan, tôi sẽ phải "ở rẻ" và được thiên hạ mỉa mai bằng những câu "chuột sa chĩnh gạo!", "lặn chuồng tiêu lấy vàng!" Còn nữa... Còn nữa... Tôi nghĩ thế, rồi tôi nghĩ đến những cách làm thế nào mà xa được Lan ra. Nếu tôi là người thẳng tắp ² thì sự đó dễ lắm. Ban này, lúc Lan hỏi tôi trọ đâu, tôi cứ nói bịa ra một cái số nhà vu vơ. Hay lúc Lan nài tôi dạy học, tôi cứ chối phắt một câu. Thế là đủ. Nhưng tôi là đứa giả dối. Tôi muốn phụ bạc, nhưng tôi lại không muốn Lan biết tôi là phụ bạc. Cái cách

lượng toàn ấy mới là khó. Tuy vậy, "nhất dạ sinh bách kế"! Nghĩ suốt mấy khắc canh tôi cũng tìm ra được một mớ tướng những phương pháp mà tôi cho là tuyệt diệu. Những phương pháp ấy còn phải đợi dịp mới thi hành được. Tạm thời tôi hãy làm ra vẻ tự nhiên.

Tôi xin thú thực rằng, khi không tôi vẫn định dứt tình cùng Lan, song khi ngồi gần Lan tôi vẫn thấy một mối cảm êm đềm gần như sung sướng. Cặp mắt mơ mộng, đa tình; nụ cười đầm thắm có duyên; nước da mịn màng và trắng xanh; mười đầu ngón tay nhỏ nhỏ, thon thon, như trời sinh ra để bắm, chí trái tim người khác... tiếng nói trong trẻo và đồng dục; vẻ đi tha thướt và khoan thai... Bao nhiêu những cái đó ở Lan, cùng hòa nhau mà làm cho tôi, như người ta nói, chuyển động tâm thần!... Trong những lúc ấy, tôi thấy cái ý định dứt tình cùng Lan, là một ý định bất nhân, tàn nhẫn. Nhưng khi ra về, tôi lại bàng hoàng như kẻ chiêm bao mới dậy. Nhìn tấm ảnh Hữu tôi tự nhiên thấy ngượng ngùng, bẽn lèn với người trong ảnh, tôi tự cho tôi là có tội. Bao nhiêu lần tôi tự nhủ: "Nếu Hữu có phép tàng hình, trông thấy mình khi ngồi đối diện với Lan...!" Nhưng những lời tự nhủ ấy không làm cho tôi khỏi càng ngày càng đắm say Lan. Trước tôi còn mượn tấm ảnh Hữu làm cái bùa trừ để xua đuổi những bóng dáng Lan thường theo dõi ám ảnh tôi. Nhưng sau bùa cũng không thiêng nữa! Trước kia ngoài buổi đi làm, tôi nằm, ngồi yên một chỗ mà đọc sách. Bấy giờ tôi nằm ngồi không yên nữa. Tôi phải chạy rong các phố, vừa đi vừa nghĩ vẩn vơ. Trước kia, sắp đến ngày nghỉ, tôi còn nghĩ kiếm cách từ chối, không đến dạy Lan, dù những cách ấy tôi không làm bao giờ. Bấy giờ thì chẳng những ngày nghỉ tôi ngồi ngong ngóng chờ người nhà Lan đến đón tôi, ngày thường lắm lúc bỗng dưng tôi cũng nảy ra cái ý nghĩ đến thăm Lan nữa. Một hôm đêm đã khuya, tôi còn một mình đi ở ngoài đường như người đi trong giấc mê ngủ. Chợt thấy chân tôi đứng dừng lại, tôi kinh ngạc mà nhận ra rằng chỗ tôi đứng là cửa nhà Lan. Tôi vội vàng rảo bước đi qua. Nhưng một lúc sau, tôi lại thấy tôi dừng chân ở chỗ tôi dừng chân lần trước. Tôi hoảng hốt chạy về nhà trọ như kẻ nát đảm ³ tưởng mình bị ma đuổi! Tôi bắt đầu cảm thấy sự gần gũi Lan là nguy hiểm. Tôi tự nghĩ: "Mình mê mất rồi! Khi người ta đã mê thì biết thế nào mà nói được! Biết đâu rồi chẳng có ngày mình không còn nhớ

đến Hữu nữa!" Ý nghĩ ấy làm tôi chua xót. Tôi đem ảnh Hữu và các thư của Hữu bày cả ra trước mặt. Rồi tự thề rằng không bao giờ quên Hữu. Một lúc sau, tôi ngồi mà viết cho Lan một bài học, chua rõ cả âm lẫn nghĩa vào từng chữ. Bên dưới lại phụ thêm lời giảng nghĩa về cả bài, và lời dặn về văn pháp. Tôi lại viết một bức thư cho Lan. Đại ý nói từ nay tôi bận phải kèm cho mấy đứa em học - tôi nói bịa ra như thế - vậy xin cứ viết bài đến để Lan học mà thôi...

Hôm sau người nhà Lan lại đón, tôi giao hẳn đem thư và bài học về. Tôi mong ít dịp phải gần Lan để lòng tôi khỏi xiêu đổ về phía Lan. Song chính ngày hôm ấy, tôi ử rũ như người mất hồn. Tôi càng thấy rõ tôi đã để tâm hồn tôi cho Lan thu bắt mất một phần lớn quá!

¹ Tân di: cây đa lông, hay dùng để làm thuốc. Ở chỗ này có lẽ là cây đa, vì sau đó tác giả có viết "bẻ lá tân di làm cho chúng và tôi mỗi đứa một con trâu".

² Thăng thẩn.

³ Nát đảm: nghĩa là vỡ gan, ý nói kinh hoàng táng đờm.

Từ khi tôi không đến nhà dạy Lan học, ít dịp nói chuyện với tôi bằng miệng, Lan nói chuyện với tôi bằng thư. Trước còn mỗi tuần Lan viết thư cho tôi một lần. Sau đến không mấy ngày là tôi không phải viết thư trả lời Lan nữa. Trái với những câu chuyện cứng cỏi ¹, vui vẻ mà Lan nói trước mặt tôi, những câu trong thư Lan, cũng như thơ Lan, như vẽ ra một tâm hồn ủy mị và sầu cảm. Bấy giờ chúng tôi đều đã xong tang. Thư nào Lan cũng tỏ ý lo sợ một cuộc hôn nhân ép uống. Đáp lại những bức thư như thế, tôi chỉ có những câu hàm hồ như lời một ông Thánh hay một nhà luân lý, khuyên Lan nên biết nhẫn nại, nên biết hy sinh... Tôi muốn bắt đầu thi hành những kế để tuyệt tình cùng Lan.

Một hôm vừa ăn xong bữa chiều, thì nhận được thư Lan. Trong thư chỉ có mấy chữ:

- "Ngọc lại ngay! Thế nào cũng lại!"

Tôi vội vàng theo người nhà lại thì gặp Lan đương ngồi ở cửa hàng. Lan cười bảo tôi:

- Hôm nay mợ tôi xuống Nam vắng, bảo nó mời Ngọc lại đây nói chuyện.

Rồi Lan giao hàng cho người nhà, cùng tôi vào phòng khách. Bấy giờ trời đã tối, dưới ánh đèn điện, khuôn mặt Lan trước mười phần đã gầy đi đến ba phần. Nhìn Lan, lòng tôi thấy ái ngại, xót xa. Ân cần, thành thực, tôi hỏi Lan:

- Sao Lan độ này trông xanh quá?

Lan cười nhạt:

- Xanh à? Ngày ăn một bữa, bữa ăn một bát, làm gì mà chẳng xanh!

- Thế thì Lan phải uống thuốc mới được!

- Vẫn thuốc mãi đấy! Nhưng thuốc nào cho lại với những nỗi bức mình ở trong một cảnh gia đình hắc ám! Từ độ hết tang đến giờ, ngày nào là nhà

này không có chuyện! Có đêm nào là ngủ được đâu! Ở mãi cái nhà này, rồi cũng đến chết mất thôi! Ngọc còn đợi bao giờ mới cứu Lan ra nữa?

Tôi thở dài, đem hết sức cương quyết bình sinh ra mà nói:

- Lan đừng nên trông mong ở Ngọc! Ngọc bây giờ là một đứa trong đám mạt lưu xã hội, không có gì là tiền trình, là hy vọng cả. Cầm cúi suốt ngày chỉ đủ nuôi được miệng, còn dám mong đâu có vợ, có con!

Mỗi câu nói của tôi, làm cho sắc mặt Lan nhợt nhạt thêm một phần. Mắt tôi không chống nổi cặp mắt đố lửa của Lan, nói chưa dứt, tôi đã phải nhìn xuôi xuống đất. Yên lặng một lúc lâu, Lan mới cất tiếng lạnh lạnh hỏi lại:

- Ngọc nói thế là ý thế nào? Hay bây giờ trong lòng Ngọc đã có người nào khác?

Tôi cười nhạt:

- Lan thử nghĩ coi, trừ Lan ra, ai là người có địa vị của Lan, có học thức của Lan, có nhan sắc của Lan mà lại yêu được một đứa sống không nhà ở, chết không đất chôn như Ngọc? Ngọc nói thế là Ngọc nói tình thực. Ngọc nói thế là Ngọc yêu Lan. Yêu Lan nên không nỡ trông thấy Lan khổ. Vì Lan lấy Ngọc thì Lan sẽ khổ. Lan thử đặt mình vào địa vị Ngọc mà coi.

- Lan có phải là người sợ khổ đâu! Mà làm gì mà khổ? Lan là người, Lan cũng làm được đủ nuôi thân chứ! Ngọc khinh Lan quá! Lan có phải là hạng mong lấy chồng để nhờ chồng đâu?

- Đành vậy, nhưng Lan bảo Ngọc làm thế nào? Cũng phải đợi năm, ba năm để Ngọc xoay sở xem ra làm sao, chứ bây giờ lấy địa vị Ngọc mà hỏi Lan, khi nào mợ gả! Mà mợ gả nữa, lấy gì làm tiền cưới?

- Không, mợ cũng là người biết. Xem ý mợ cũng yêu quý Ngọc lắm. Có cái gì ăn, mợ cũng nhắc đến Ngọc, sai người đem cho Ngọc. Mợ sai chúng nó đem lại đây, chứ không phải Lan đâu! Mợ nửa đời ở với cậu, đã biết hạnh phúc không phải ở chỗ làm bà Đốc bà Tham. Nếu Ngọc ngỏ lời hỏi thì thế nào mợ cũng bằng lòng. Mà mợ bằng lòng thì mợ có lạ gì Ngọc không có tiền cưới. Cái ấy không ngại.

- Nếu mẹ thương cho như thế thì còn gì bằng nữa! Thế sao Lan cứ phàn nàn về nỗi gia đình hắc ám là nghĩa lý gì?

- Là nghĩa lý gì à? Ngọc tưởng Lan nói bịa hử! Không! Lan nói thật đấy! Nếu Ngọc không hỏi ngay thì Lan ở nhà này ngày nào là khổ ngày ấy. Không biết mẹ nghĩ thế nào mà hình như Lan ở nhà là một cái tai vạ cho mẹ! Mẹ chỉ muốn tống cho được Lan ra khỏi cửa! Nếu Ngọc không hỏi, thì hằng ngày Lan phải nghe những lời chán tai của bọn mối lái. Không những thế, lại còn phải nghe mẹ dỗ dành, mẹ thờ than, mẹ khóc lóc nữa! Mà rồi có khi bảo không được mẹ ép uống Lan nữa cũng chưa biết chừng!

- Ngọc chỉ sợ hỏi ra mẹ cự tuyệt thôi! Nhưng đã nói chắc như thế, thì để Ngọc viết thư về nhà thưa với mẹ...

Cái không khí hòa thuận lại trở lại hai chúng tôi. Tôi ngồi nói chuyện với Lan mãi đến hai giờ đêm mới đứng dậy ra về. Thế là một cái kế tuyệt diệu của tôi đã không diệu một chút nào cả!

Khi về, ngồi trên xe, tôi bỗng tự mắng tôi: "Sao làm bộ thế! Mày thì là ông gì mà lại định làm bộ với một người con gái có tài, có sắc, một nhà biết quý người như thế?" Tôi vừa nghĩ thế thì lập tức trong trí tôi văng vẳng có tiếng đáp lại: "Nhưng còn Hữu thì sao?"

Đêm hôm ấy, tôi khóc thầm! Khóc thầm, một đứa hèn nhát như tôi, cái phương pháp đối phó với những việc khó khăn, thường chỉ có thế!

Ba hôm sau, gặp ngày nghỉ, Lan lại viết giấy gọi tôi đến. Tôi vào đến cửa, bà mẹ tươi cười bảo tôi:

- Em nó bảo mời cậu lại nó hỏi mấy câu khó nghĩa, nó không hiểu. Tôi đương dở bận, cậu tha lỗi cho...

Tôi "không dám" rồi bước thẳng vào trong nhà. Lan vui vẻ đón tôi, gọi người nhà đun nước. Tôi vào ngồi rồi, cầm lấy cuốn vở tập viết của Lan ở trên mặt bàn, thì thấy vẫn là quyển vở từ ngày tôi còn đến nhà dạy Lan học. Tôi bảo Lan đưa tôi coi vở mới. Lan cười đáp:

- Hơn một tháng nay, có học, viết gì đâu!

- Thế thì bắt tội tôi viết bài học làm gì!

Nói thế rồi, tôi thấy hơi giận bốc lên mặt tôi. Tôi hầm hầm mắng Lan y như một thầy giáo mắng một cậu học trò không vâng lời. Lan thì ngồi lặng, mắt nhìn xuống đất. Bây giờ nghĩ lại, tôi thật lấy làm lạ: sao khi ấy tôi lại giận được lâu, và mắng được nhiều như thế. Sau cùng, Lan đưa cặp mắt đầy lệ nhìn tôi mà nói:

- Thì Ngọc làm gì mà nói nhiều thế! Học, Lan cũng muốn học, nhưng ốm thì còn học làm sao?

Mấy giọt nước mắt của Lan, hình như đã tưới tắt ngấm ngọn lửa giận dữ của tôi. Tôi lại thấy tôi vô lý và tức cười! Tôi hối hận đã làm cho Lan khóc. Vội vàng xin lỗi Lan rồi thở dài nói tiếp:

- Lan coi đó, tính tôi lắm lúc điên như thế đấy! Tôi thường vẫn nói tính ấy là tính cô độc. Chỉ có thể ở một mình là được, còn ở với ai cũng không được hết! Càng là người tôi thân yêu, cùng ở với tôi lại càng khổ. Ví dụ như các em tôi. Xa chúng nó, tôi thật nhớ. Nhưng gần chúng nó, chỉ mười lăm phút là tôi đã kiếm chuyện với chúng nó rồi. Là vì tôi yêu ai thì cứ muốn cho người ấy hoàn toàn. Trông thấy chỗ không hoàn toàn của nhau, tôi bực tức không thể chịu được. Tôi bực tức chừng nào thì tôi cáu kỉnh chừng nấy. Nhưng người ta ai là thánh nhân mà hoàn toàn được. Tôi cũng biết vậy mà không sao đổi được tính hay cầu toàn trách bị. Thành thử ra sự ở chung, vừa khổ cho tôi, vừa khổ cho người tôi yêu...

Lan cười:

- Người ta ai không có lúc nóng. Nếu một người nóng, một người biết tính nhịn đi thì gia đình bao giờ cũng êm thấm. Ngọc coi Ngọc nóng là thế mà mấy giọt nước mắt của Lan làm cho nguội ngắt. Ngọc có nóng gì cho lắm đâu!

Thế là lại một cái kế tuyệt diệu của tôi xoay ra một trò cười.

Cái kế tuyệt diệu thứ ba của tôi, kết quả còn điều đứng hơn nữa.

Lần này tôi tự đến, chứ không đợi ai mời. Tôi gặp bà mẹ ở cửa hàng. Bà mời tôi vào phòng khách rồi ngồi tiếp tôi. Tôi hỏi:

- Thưa bà, cô Lan đâu ạ?
- Em nó cảm nằm ở trong nhà. Để tôi gọi.
- Thưa bà thôi. Để cô ấy nằm nghỉ. Cũng không có việc gì...
- Được ạ. Em nó hơi mệt, không hề chi.

Nói thế rồi bà lên tiếng gọi to:

- Lan đâu? Có cậu Ngọc lại chơi.

Rồi bà ngồi mời tôi uống nước, uống chưa cạn chén nước thì Lan đã đẩy cánh cửa phía bên phòng khách bước vào, mình khoác chiếc áo đoạn thâm, tóc vấn trần, cặp mắt lóng lánh, sắc mặt hồng hồng, trông đủ biết là người đương cơn sốt cảm. Vẻ đẹp của Lan đương cơn sốt tôn thêm lên vì cách ăn vận sơ sài, thật là một vẻ đẹp lộng lẫy. Nhìn Lan, tôi cảm động bồi hồi, cố định thần để khỏi quên mất những câu tôi định nói. Lan chào tôi rồi xo ro ngồi xuống chiếc ghế cạnh bà mẹ. Tôi buồn rầu nói:

- Cô sốt à! Tôi lại làm phiền quá... Nay mai tôi sắp không ở Hà Nội nữa. Bác tôi mới viết giấy bảo cấp tiền cho tôi sang Pháp. Ít ra tôi đi cũng năm, bảy năm mới về được. Vậy lại chào bà và cô...

Trên mặt Lan thoáng qua vẻ thất vọng, nhưng lại tươi tỉnh ngay.

Cất giọng ân cần Lan nói:

- Anh sang Pháp à? Có lẽ tôi cũng nói với mẹ tôi xin mấy nghìn đồng, để đi học với anh nhân thế!

Bà mẹ mỉm một nụ cười mà tôi không dò được nghĩa. Tôi cũng cười tiếp:

- Nhưng người cô yếu lắm, xông pha sao được sóng gió!
- Người ta nếu có chí đi thì đi đâu mà chẳng được! Khỏe mà cũng chán người ngồi xó! Yếu mà cũng nhiều người đi được khắp đó đây!...

Nghe câu Lan nói, tôi tự nhiên thấy thẹn trong lòng. Rồi tôi thấy ngay cái kế của tôi là một cách "nói dối không thông": Nếu có một ông bác sẵn lòng cấp tiền cho tôi sang Pháp, thì sao lại để tôi phải hai năm nay thất học? Tôi thấy mặt tôi ngượng quá, sợ ngồi lâu càng thêm dơ dáy, tôi liền đứng dậy

xin ra, lấy cớ là để Lan về phòng nghỉ và để bà mẹ ra coi hàng. Lan còn dặn với tôi bằng một giọng mà tôi nghe ra mỉa mai:

- Thế hôm nào anh định đi, bảo trước để tôi thu xếp nhé! Tôi đi với anh thật đấy!

1 Cứng cáp.

Tôi về ngẫm nghĩ lại cái kế "giả điều du học" của tôi. Tôi cứ áy náy mãi về chỗ Lan và bà mẹ biết là tôi nói dối. Tôi càng nghĩ càng chắc như thế. Nhưng rồi tôi không áy náy nữa. Tôi đâm khùng mà tự hỏi: Thì họ biết là nói dối nữa đã sao? Tôi lại tự đáp: Thì Lan bảo mày là đứa bạc, và bà mẹ bảo mày là đứa làm bộ! Vì họ biết mày nói thế, thì mày không còn đến nhà họ nữa! Tôi tắc lưỡi: Thôi thì họ cho mình là người thế nào cũng được! Miễn là mình dứt tình được với Lan! Tôi tự cười tôi là đứa ngốc đời: Nếu biết dù sao cũng không giấu kín được bộ mặt thật với Lan, thì thà quyết tuyệt ngay từ khi mới lại gặp! Bây giờ đã tốn thêm bao công trình, chịu thêm bao điều khó chịu, mà chung quy có được việc gì đâu! Tôi tự yên ủi tôi bằng câu của Khổng Khâu: "Ta có lỗi, lỗi ấy người ta tất biết!" Tôi tự thấy trong người nhẹ nhàng trong khi nghĩ đến rằng: Từ nay trở đi, tôi không còn phải đến nhà Lan.

Thế nhưng ngay ngày hôm sau tôi lại nảy ra cái ý định tuyệt tình cùng Hữu nữa!...

Bấy giờ là hồi mười hai giờ trưa. Tôi ngồi trên gác nhà trọ. Thẩn thờ nhìn những hạt mưa bay lặng lẽ tạt vào mặt cửa kính và sa vào các tàu lá xanh bóng của một cây sấu rủ cành vào trước cửa sổ. Trong phòng ấm áp. Tôi chợt thương đến mấy con chim nhỏ đậu xo ro trên một cành cây, hình ảnh đám dân đói rét, trong những ngày gió bắc, mưa dầm. Bỗng nghe có tiếng chân người bước vội dưới cầu thang. Tôi quay lại thì là người xe nhà Lan. Người ấy nói với tôi:

- Thưa cậu, mời cậu lại ngay, cô con mệt nặng lắm!

- Cô vẫn sốt thôi chứ gì?

- Bẩm hôm qua không biết hai bà, con có chuyện gì to tiếng với nhau. Nên hôm nay cô con lại thổ ra huyết. Mấy năm nay cô con cứ thế mãi. Hễ hơi có chuyện bức đến mình thì lại thổ ra huyết. Mà thuốc nào cũng không khỏi dứt.

- Thôi, thế đi!

Nói thế rồi tôi bước theo người xe xuống gác. Trong trí tôi thoáng cảm thấy nỗi khổ sở của một người con gái có óc mới ở giữa một nhà đầy những thành kiến cũ. Tôi thương Lan và tôi tự trách tôi từ trước vẫn cho những lời Lan phàn nàn về nỗi gia đình hắc ám là những câu sáo miệng. Tôi không sao cầm được nước mắt. Tôi hối hận về những việc ít lâu nay tôi đã làm thêm đau đớn cho trái tim đã sẵn vết thương và tấm thân đã sẵn một bệnh căn cay nghiệt của Lan. Hai bên phố xá, người đi lại thưa không. Dưới màn mưa bay, mấy người phu xe nặng nhọc kéo cái xe, lết bệt chạy trên mặt đường mà bụi cát đọng lại thành bùn lầy. Bày ra trước mắt tôi, một quang cảnh thê lương và thảm đạm. Xe đỗ, tôi lật đật bước thẳng vào nhà khách. Không thấy bà mẹ, tôi ngảnh lại hỏi người xe:

- Bà đâu?

Người xe chưa đáp thì thằng nhỏ đứng đấy đã đáp hộ:

- Thưa, bà con đi mua họ ¹. Mời cậu vào, cô con ở trong này.

Tôi theo nó vào buồng nằm của Lan. Trong một cổ màn nửa khép, trên tấm đệm vóc, Lan nằm quay mặt ra, mình mặc bộ quần, áo lót bằng lụa trắng, chiếc chăn gấm vắt ngang từ ngực xuống quá đầu gối. Thấy tôi vào, Lan vịn giường ngồi dậy. Mái tóc dài rũ rượi xuống hai vai. Tôi lại gần hỏi Lan:

- Người Lan bây giờ thế nào?

Lan nhìn tôi bằng cặp mắt mỏi mệt buồn rầu; môi mấp máy toan cất tiếng trả lời, bỗng nét mặt nhăn nhó, hai tay đỡ vội lấy ngực, nằm vật xuống giường, ngoái cổ ra ngoài màn mà thổ ra toàn những máu. Mớ tóc rũ xuống đất, dây vào cả đám máu tươi. Tôi luống cuống vội đỡ Lan. Một tay tôi vén mớ tóc lên giường, một tay tôi lật Lan nằm bằng mặt lại. Tôi cho rằng nằm bằng mặt lại thì máu sẽ không học ra nữa. Lan hai mắt nhắm nghiền, mí dưới long lánh mấy giọt nước mắt mới ứa. Hơi thở hỗn hển. Tay rút chiếc mùi soa lau miệng. Tôi ngồi vào bên giường, một bàn tay đỡ vào ngực Lan, cất tiếng sáng sốt:

- Lan nằm yên! Nằm yên máu nó sẽ cầm lại.

Nói thế, rồi tôi quay ra bảo thằng nhỏ lấy nước cho Lan súc miệng. Tôi đỡ Lan dậy súc miệng, rồi tôi lại đặt Lan nằm như cũ mà hỏi:

- Trong người Lan bây giờ thế nào? Có dễ chịu không?

Lan mở mắt nhìn tôi, nước mắt tràn ra đầm má, sẽ lắc đầu và sẽ nói:

- Trong ngực nó đau như xé!

Tôi thở dài nín lặng, nước mắt tôi sa xuống má Lan. Rút mùi soa, tôi lau má cho Lan, nhưng Lan giữ tay tôi lại. Một lúc yên lặng. Trong lúc ấy, Lan cùng tôi, chưa chắc đã ai đau đớn hơn ai. Sau cùng, Lan thở dài sẽ nói với tôi:

- Ngọc đi Pháp thật à? Bước tiền trình của Ngọc, lẽ nào Lan dám cản. Nhưng nếu có thể được thì hãy chờ Lan chết đã. Lan tự xét mình cũng không thể sống được bao nhiêu ngày nữa. Ngọc chờ đấy! Sống không theo Ngọc đi được, họa ra chết, hồn Lan có theo Ngọc đi được chăng!

Nói thế rồi, Lan quay vào mà nức nở. Tôi mê man, nắm chặt lấy tay Lan mà nói:

- Không! Lan cứ cố mà tỉnh dưỡng, Lan còn yếu, Ngọc không đi đâu hết!... Thôi, ngồi đây mãi không tiện mà cũng vô ích, Ngọc xin về lúc khác lại đến thăm Lan.

Lan không quay lại, lạnh lùng đáp:

- Ừ! Thôi Ngọc về.

Tôi bàng hoàng lui ra. Chợt nhìn xuống hai ống quần, mấy vết máu Lan thổ bấn phải hãy còn chưa ráo hẳn. Tôi rùng mình kinh hãi. Tôi thấy nếu phụ Lan tôi sẽ phạm vào tội giết người! Mà giết một người vô tội! Giết một người chỉ có cái tội là đã quá yêu tôi! Tôi quyết ý không bỏ Lan. Tôi quyết phụ Hữu. Tôi cho rằng tôi phụ Hữu, Hữu chỉ phải chịu một cơn đau đớn qua loa. Nhưng Lan là người yếu ớt hơn. Nếu tôi phụ Lan, Lan tất không khỏi chết. Trong hai tội, tôi chọn mà làm một tội nhẹ hơn...

Hôm sau tôi nhận được một bức thư dài tám trang giấy lớn của Lan. Nét chữ run run mà nhòe nhoẹt những vết lệ. Lan báo tin cho tôi biết bà mẹ

muốn ép gả Lan cho một cậu Tú mới đỗ. Ngoài tin ấy, trong thư đầy những lời thương tâm và tuyệt vọng. Nào là: "Đưa mắt trông ra phương trời, Lan chỉ thấy nặng trĩu những mây sầu, gió thảm!" Nào là: "Dưới gầm trời mưa gió riêng một mình Lan đau đớn!..." Nào là: "Ở trong cái gia đình hắc ám này, giây phút nào Lan cũng như ngồi giữa đám than hồng lửa đỏ! Gọi đất, đất không thừa! Kêu trời, trời chẳng thấu! Mình không chấp cánh cao bay được! Ruột những vò tơ gỡ chẳng ra!..." Mấy câu đó, tôi không rõ tự Lan viết ra hay chép lại ở đâu, nhưng tôi còn nhớ mãi, vì nó tuy là văn sáo, song trong khi tôi đọc, thì mỗi câu chẳng khác gì một nhát dao đâm vào trái tim tôi. Tôi đau đớn tưởng đến phát dại, phát điên! Tay tôi cầm thư đọc run lên lật đật, tôi cố giữ cũng không nổi. Đọc đi rồi lại đọc lại... Chợt trông lên thì thấy thằng nhỏ đưa thư đương nhìn tôi mà cười một cách tinh quái. Tôi khó chịu, hỏi xằng:

- Anh cười gì tôi?

- Thưa cậu, trông thấy cậu bây giờ con lại nhớ đến cậu hôm qua, lúc ở trong buồng cô con. Tự nhiên con bật buồn cười, không sao nhịn được.

- Sao vậy?

- Bẩm, lúc ấy cậu còn mất sắc hơn bây giờ...

- Ủ! Thế sao?

- Thế là cậu cũng như bà con, mắc lừa cô con cả... Chắc cậu tưởng cô con thổ huyết thật...

- Phải! - Tôi ngạc nhiên đáp và hỏi - Thế lại không thật à?

- Bẩm cậu không, tiết lợn đấy ạ! Buối, cô con mới sai con đi mua một xu!

Nghe đến câu ấy, tôi - như người ta nói - ngã ngựa người ra! Tự nhớ lại các điệu bộ luống cuống của mình hôm trước, bất giác cũng phải bật cười. Thằng nhỏ lại nói tiếp:

- Cô con mắc bệnh thổ huyết đã hai năm nay. Chỉ có lần đầu là thổ huyết thật, nhưng uống thuốc đã khỏi rồi. Còn các lần sau, toàn là tiết lợn cả! Hề có việc gì bức mình với bà con, cô con lại ăn một miếng gừng thật to cho

nóng để ho lên sù sụ! Rồi là sai con đi mua tiết lợn. Thế là bà con lại sợ xanh mắt lại như cậu hôm qua! Lại phải hết sức chiều chuộng. Cho nên cô con muốn sao được vậy. Bà con chỉ sợ cô con chết thôi! Cũng có thể, nên trong bụng bà con ghét cậu lắm - cũng có khi bà con nói ra miệng với chúng con - nhưng có mặt cậu, bà con phải làm ra vẻ yêu quý cậu, cho cô con bằng lòng. Cậu thử nghĩ mà coi: Dù yêu quý cậu đến đâu nữa, một nhà khác có con gái lớn trong nhà, ai để cho cậu đi lại tự do như thế?

Tôi cười nhạt hỏi:

- Thế nhưng những lần sau bà không lấy thuốc cho cô ấy uống hay sao?
- Có! Nhưng thuốc đun lên, cô con lại hắt đi và dặn chúng con không được nói cho bà con biết. Thôi, cậu viết thư trả lời cho cô con.
- Anh cứ về. Giờ tôi chưa viết được. Mai tôi viết rồi bỏ nhà dây thép.
- Thế cậu cũng viết cho mấy chữ làm tin. Không có cô con lại tưởng con dối trá thì con chết! Cô con tính nóng lắm. Động một tí, là thanh củi tạt cô con phang luôn! Giá cô con lại không hay cho tiền thì con cũng không sao mà ở được!

Tôi xé một mảnh giấy viết cho nó mấy chữ. Khi nó ra rồi, tôi vừa cười một mình, vừa nghĩ lại câu chuyện vừa được nghe.

¹ Tức là hàng họ.

Mỗi cảm thứ nhất của tôi sau khi nghĩ kỹ lại câu chuyện "thổ huyết lợn" là tức giận. Đó là mỗi cảm thường có cho những kẻ khi biết mình mắc lừa. Tôi tức giận Lan đã bày trò để dối tôi... Nhưng khi tôi tự xét chính mình cũng đã nhiều lần bày trò để dối Lan thì lòng công bằng bắt tôi phải có lòng dong thứ. Lúc đó tôi lại thương Lan, và tôi thương cả đến sự giả dối của Lan nữa... Vì đâu mà Lan phải giả dối? Chẳng qua vì yêu tôi. Yêu tôi, có tội gì? Vậy, đối với tôi, sự giả dối của Lan là vô tội. Cho đến đối với mẹ, sự giả dối của Lan cũng là vô tội nữa! Một nhà luân lý nào ¹ chẳng cho nói dối là cách tự vệ chính đáng của kẻ yếu đó sao? Muốn bênh vực cho ý muốn tự do ² của mình, đối với sự bó buộc, sự áp chế của gia đình, Lan là kẻ yếu, có quyền dùng thứ lợi khí của kẻ yếu! Tuy vậy, những ý tưởng quảng đại ấy chẳng giữ được cho cái ý định của tôi hôm qua khỏi thay đổi. Hôm qua, tôi tưởng bệnh thể của Lan có thể đưa đến cho Lan cái chết, nên tôi định theo Lan mà bỏ Hữu. Nhưng hôm nay tôi đã biết bệnh Lan là bệnh giả, lòng ích kỷ lại viện đủ mọi cớ để xin tôi theo Hữu mà bỏ Lan. Nó lại còn kéo cả bạn thân của nó là gã Tự ái đến kêu nài với tôi rằng: "Ông ơi! Ông ơi! Hôm nọ ông đã chào bà mẹ cô ta để đi xa rồi! Nếu bây giờ ông còn đến nhà cô ta, còn viết thư cho cô ta, nhất là còn mở mồm hỏi bà mẹ xin lấy cô ta, thì... con chết! Ông làm như thế, bà ta có quyền khinh cái nhân cách của ông, có quyền coi ông là một thằng vô lại, một thằng hèn mạt đấy! Làm cho thiên hạ ghét, cái đó được! Nhưng làm cho người ta khinh thì nhục lắm, ông ạ! Cổ nhân dạy: Vua nhục thì tôi chết! Làm tôi ông, nếu ông nhục thì con không sống được đâu!" Tôi nghe lời cả hai gã. Vội vàng cầm bút viết thật nhanh một bức thư cho Lan như thế này:

"Tôi tự xét tôi về mọi phương diện, đều thấy không đủ làm một người chồng có thể mưu được hạnh phúc cho vợ. Tôi rất hối hận từ trước đến nay đã làm cho Lan phải bao phen khổ sở vì tôi. Tôi không muốn và không dám còn đem tấm thân tội lỗi này mà làm khổ sở Lan đến suốt đời. Vậy, xin Lan quên tôi, Lan quên được tôi, thế là Lan thương tôi, là Lan yêu tôi, là Lan

không muốn làm thêm nặng tội cho tôi: đã đắc tội với Lan, còn đắc tội với bà, đắc tội với đời...

Tôi rất tự thẹn rằng trong lúc này Lan đương đau đớn vì tôi mà tôi lại không nhìn đến Lan. Nhưng tôi biết rằng tôi nhìn Lan chỉ làm cho Lan thêm đau đớn. Cho nên tôi mong từ nay tôi không còn bao giờ gặp Lan để hại Lan nữa. Lan hãy can đảm mà sống. Tùy hoàn cảnh mà mưu lấy hạnh phúc, đừng nghĩ gì đến tôi".

Tôi viết xong, bỏ vào phong bì, dán kín lại, rồi chạy như một đứa điên đem bỏ ra thùng thư trước nhà phát vé xe điện ở bờ Hồ. Tôi chỉ sợ không gửi ngay, tôi lại xé thư viết lại, mà viết không bao giờ xong nữa. Quả nhiên khi bỏ thư xong, về đến nhà, tôi đã hối lại lời trong thư khí vô tình quá! Nhưng việc đã dĩ nhiên mất rồi!

Mấy ngày hôm sau, lòng tôi cứ sậm sột³ như có tai vạ gì sắp tới nơi. Nhưng dần dần tôi không thấy động tĩnh gì, tinh thần tôi cũng dần dần khôi phục lại. Bấy giờ thì tôi được yên thân mà sống trong cái hạnh phúc yêu Hữu. Tuy vậy mỗi khi chợt nhìn đến tấm ảnh Lan tặng tôi sau khi lại gặp, tôi cũng không khỏi ngậm ngùi thương Lan. Nhiều khi tôi đã toan đốt tấm ảnh ấy đi, nhưng nó đã trở nên một vật thiêng liêng cho tôi, tôi không dám ra tay hủy hoại.

Hơn một tháng sau, tôi nhận được giấy báo hỷ, đứng tên bà mẹ Lan, mời tôi đến dự lễ thành hôn cho Lan với cậu tú mà trước Lan cho tôi biết. Trong giấy, Lan có viết kèm một dòng chữ: "Thế nào anh cũng đến!" Cố nhiên là tôi không đến, nhưng lòng tôi thì thực mừng rỡ mà cầu nguyện cho hạnh phúc của vợ chồng Lan.

Tôi vẫn định đợi cho Lan lấy chồng, rồi tôi sẽ tính đến việc hôn nhân của tôi. Bấy giờ Lan lấy chồng rồi, nhân dịp về nghỉ Tết, tôi mới chọn ngày tốt lành là ngày mồng một Tết, đem tình riêng mà thưa với mẹ!

Tôi thực không ngờ mẹ tôi vốn nuông tôi mà đối với việc ấy lại tỏ ra nghiêm khắc không kém gì thầy tôi cả...

Mẹ tôi nói:

- Con năm nay đã hai mươi tuổi. Mẹ cũng nghĩ cần phải lấy vợ cho con. Thế nhưng đám nào chứ đám ấy thì mẹ không thể chiều con được! Người ta lấy vợ là cốt hòng sinh con đẻ cái! Nhưng thế nào là "phúc đức tại mẫu": Đứa mẹ có phúc đức thì đứa con mới mong ra giống người. Như con Hữu, kể ra cũng ngoan ngoãn mà người cũng xinh. Nhưng mà chú Hường con thì quá lắm, con ạ! Con xem cách chú ấy xử sự ở làng đấy: Đình, chú ấy bắt dân phá đi làm quán chợ! Chùa, chú ấy bắt dân dỡ đi xây trường học! Một người bạo thiên, ngược địa, khinh thần, mạn thánh như thế, rồi con cháu, phải trả nợ: "Đời cha ăn mặn, đời con mới khát!" "Cha mẹ có hiền lành, mới để được đức cho con!" Nếu con lấy con Hữu, thì cái tội của chú ấy, con, cháu về sau trả đến mấy đời cho xong? Nhà con được bao nhiêu phúc đức?

Tôi giờ hết tài hùng biện ra cũng không sao biện bạch được cho mẹ tôi tin rằng việc phá đình, phá chùa của chú tôi là không có tội. Sau cùng tôi giờ đến giọng dối:

- Nếu mẹ không bằng lòng cho con, thì suốt đời con cũng không lấy ai cả.

Mẹ tôi cười nhạt:

- Cái ấy thì tùy con đấy! Chứ mẹ thì không sao chiều ý con được! Một người nàng dâu trưởng, là một người phải trông nom việc giỗ, tết. Nếu con lấy nó thì rồi có cúng, thầy con cũng không về nữa! Ngày trước thầy cũng đã có nói với mẹ rằng: Thầy không thuận cho con lấy nó. Thầy đã không thuận, thì cỗ bàn nó có làm ra, thầy cũng không thèm ăn đâu! Con bảo mẹ chiều con mà bỏ chõng ăn "cháo thí lá đa" à?

Tôi không còn biết nói cách nào cho chuyển được lòng mẹ tôi. Tôi nằm lăn ra mà khóc cho đến lúc mệt quá ngủ quên đi mất!

¹ Schopenhauer. (Chú thích của tác giả.)

² Nhượng Tống đang nhắc đến khái niệm quan trọng trong triết học của Arthur Schopenhauer, hiện nay được biết đến rộng rãi hơn dưới cái tên "ý chí tự do".

³ Bồn chồn, bứt rứt.

Từ khi lại gặp Hữu, cứ vài tháng tôi lại lên thăm chú, thím tôi một lần. Con đường Hà Nội, Phú Thọ, tôi vốn có thể nhờ xe lửa mà đi chiều thứ Bảy về chiều Chủ nhật được. Ngoài việc đi thăm ấy, tuần nào tôi cũng có thư cho Hữu, dù thư viết bao giờ tôi cũng lấy tư cách người anh họ, chứ không lấy tư cách người tình nhân. Tôi với Hữu đã hẹn nhau: "Miễn chúng mình trông thấy nét chữ nhau là đủ rồi. Có cứ gì phải nói ra miệng, viết ra giấy mới là ân ái!"

Từ khi mẹ tôi không bằng lòng hỏi Hữu cho tôi, tôi không còn dám lên thăm chú, thím tôi và viết thư cho Hữu nữa. Tôi muốn Hữu tưởng tôi đã đi đâu hay đã chết đâu rồi! Tôi mong cho Hữu quên tôi cũng như hồi trước tôi đã mong cho Lan quên tôi. Và cũng như hồi trước tôi đã mong cho Lan, tôi lại mong cho Hữu chóng có chồng, và vợ, chồng Hữu được sống một đời hạnh phúc.

Còn về phần tôi thì suốt ba tháng xuân, tôi vợ vẫn như người ốm đứng. Bao nhiêu giờ rồi tôi đọc những sách khó hiểu và chán phè để khỏi nghĩ đến Hữu. Bao nhiêu thư của Hữu gửi cho, tôi phải đem hết nghị lực ra mà xé đi hay đốt đi ngay khi tiếp được. Trong lúc tôi đốt, tôi xé thư Hữu, cố nhiên là tôi đau đớn lắm. Nhưng tôi tin rằng nếu đọc vào, tôi còn đau đớn hơn nhiều. May sao chỉ mấy tuần sau, tôi đã không còn nhận được thư của Hữu nữa.

Mùa thu năm ấy, tôi nhận được giấy báo hỷ của Hữu gửi vào trong sở tôi làm thuê. Trong giấy Hữu cũng viết kèm một câu như câu của Lan: "Thế nào anh cũng lên đấy!" Cả hai câu của hai người viết, đến nay tôi cũng vẫn chưa hiểu nghĩa sâu của nó là thế nào...

Việc Hữu đi lấy chồng, và việc tôi cố sức đọc các sách triết lý, luân lý dần dần làm cho người tôi lại bình tĩnh. Nỗi đau thương của tôi, trước kia tôi tưởng không bao giờ yên ủi được, vậy mà tôi tìm được cách để tự yên ủi. Tôi cho việc tôi không lấy được Hữu hoặc giả chính là một cái quả báo của sự tôi đã cố tình bỏ Lan. Tôi đã làm cho người khác đau đớn. Nếu tôi có bụng công bằng thì khi người khác làm cho tôi đau đớn, tôi nên mỉm cười

mà chịu lấy. Đau đớn rửa gột cho cái đời tội lỗi của tôi được trong sạch. Một mặt thì thế. Một mặt thì tôi tuy chịu cái đau đớn không được lấy Hữu, song đã được cái hạnh phúc suốt đời giữ mãi được tấm lòng yêu đắm thắm đối với Hữu. Tôi tự nghĩ: Thiên hạ biết bao nhiêu đôi trai gái, khi chưa lấy được nhau thì nồng mặn, mà khi lấy được nhau rồi thì nhạt phai! Sự ăn chung, ở lộn, đã dần dần độc cho tấm lòng yêu thương của loài người. Ai là người không có khuyết điểm? Gần nhau, những khuyết điểm của nhau sẽ ngày một bày ra... Ai là người thật có giá trị? Gần nhau, những giá trị của nhau sẽ ngày một mất dần... Đó là những ý tưởng tôi đã tả trong bốn câu thơ mà tôi vẫn còn nhớ:

Ngọc, nhìn kỹ, sẽ tìm ra vết;

Hoa, để gần, sẽ hết cả hương;

Xa nhau, mong ước mơ màng...

Gần nhau, rẻ rúng, khinh thường biết đâu!

Tôi nghĩ tiếp: Vả chẳng đời là một cuộc đổi thay, muôn sự, muôn vật ở trên đời, nào có cái gì là vĩnh viễn! Người đẹp đến đâu cũng có ngày răn má ⁵ ! Tiệc vui thế nào chả có lúc chia tay! Vậy thì: dừ kỳ ta cùng Hữu được lấy nhau, mà rồi ra có lúc phải cãi vạt nhau, phải hờn mát nhau, phải trông thấy nhau già, phải khóc thương nhau chết, sao bằng không lấy được nhau, không bao giờ nhìn thấy nhau nữa, nhưng trong trí nhớ của nhau, hình ảnh của nhau lúc nào cũng trai trẻ, đức nết của nhau lúc nào cũng hoàn toàn? Ngoài không gian và thời gian, bóng người yêu không hề biến đổi theo đời. Nhân đó mà tấm lòng đối với người yêu, giữ trọn được trước, sau như một. Yêu nhau như thế, chẳng phải là một hạnh phúc đáng mong đáng ước đó sao!

Nghĩ vậy rồi, tôi cho ái tình như thế mới thật là trong sạch, mới thật là cao thượng! - Mà mới thật là ngộ đại! (Lời nói chêm của Tuệ Chiếu ²). Từ khi tôi có được cái quan niệm mới về ái tình như thế, tôi thấy tôi chẳng những yêu được Hữu, mà còn yêu được cả Lan... Tôi liền đi đặt một cái khung ảnh hai mặt kính. Mặt trước tôi để ảnh Hữu, mặt sau tôi để ảnh Lan. Còn bao

nhiều thư từ của họ tôi lót vào giữa. Rồi tôi mua một đôi lọ hoa con, đặt ở trước ảnh. Tôi mua hoa về cắm vào lọ để thờ sống họ. Hễ hoa gần tàn là tôi lại thay hoa mới ngay. Đêm đêm khi sắp đi ngủ tôi lại cầm ảnh mà hôn một cách kính cẩn như người theo Đạo hôn ảnh đức chúa Da-Tô vậy! Do sự thờ phụng thành tâm ấy, không mấy đêm là Lan và Hữu không về thăm tôi. Trong mộng, tôi với họ cùng sống cuộc đời êm ái năm xưa. Trong mộng, nhan sắc của họ càng thêm rực rỡ, câu chuyện của họ càng thêm thơ ngây...

Ròng rã bốn năm trời, tôi có thể nói rằng tôi đã sống ở trong mộng. Vì chỉ trong mộng, tôi mới thấy tôi là có sống...

Nhưng ở đời, những mộng đẹp có còn mãi đâu!

Tôi phải lấy làm lạ rằng: Cuộc tình duyên của tôi với Hữu và Lan, trước bắt đầu vào một ngày lễ Phục sinh, sau đoạn tuyệt cũng lại vào một ngày lễ Phục sinh; trước bắt đầu ở chùa Hương Tích, sau đoạn tuyệt cũng ở chùa Hương Tích. Cái đó ngẫu nhiên hay tiền định?

Năm ấy, nhân ngày lễ Phục sinh, tôi lại vào Hương Tích, định để ôn lại đoạn đời mà tôi cùng hai cô bạn đã cùng sống với nhau ở đấy. Tôi vừa ở đền Yến Vĩ đi vào, thì gặp hai người mỗi người dắt một đứa con nhỏ, đứng nói chuyện với nhau ở cửa chùa Ngoài. Tôi vốn định không bao giờ còn giáp mặt họ ở trong đời. Nhưng tôi vừa toan quay mặt đi thì Hữu đã trông thấy tôi, don đả lên tiếng gọi:

- Kìa anh Ngọc! Anh vào bao giờ thế? Đã mấy năm nay không gặp. Chúng tôi vừa nói chuyện đến anh xong.

Vừa nói, Hữu vừa dắt con chạy lại trước mặt tôi. Lan cũng thế. Tôi không trốn đâu được, đành phải gượng cười đứng lại. Hữu bảo con:

- Con chấp tay chào cậu đi! Cậu con đấy!

Lan cũng cười cầm tay con:

- Con cũng chấp tay lại: "Lạy bác ạ!"

Hai đứa trẻ theo lời mẹ, chấp tay và cất tiếng chào tôi. Tôi đành phải xoa đầu chúng, khen luôn hai lượt hai tiếng "ngoan lắm!" Lan bế con lên tay,

cười bảo tôi:

- Thằng bé này đáng lẽ là con anh đấy! Mấy cháu rồi? Anh thật làm bộ quá! Chị ấy bây giờ thần, thánh thế nào kia không biết!

Tôi cười nhạt:

- Không phải là tôi làm bộ. Tôi là đứa vô phúc, tôi không muốn làm hại người khác. Thế thôi. Nhưng tôi nói thật mà có ai chịu cho là thật đâu! Thì xem đây: các cô có con cả rồi, mà tôi vẫn không có vợ!

Lan ngảnh lại hỏi Hữu:

- Anh ấy vẫn chưa lấy vợ thật à?

- Không biết! - Hữu đáp - Nhưng chắc chưa lấy thật! Nếu có thì đã thấy cậu, mợ tôi nói chuyện.

Hai người cùng nhìn tôi ra vẻ ái ngại, rồi Lan bảo Hữu:

- Thế thì chúng mình thương anh ấy quá nhỉ!

Tôi cười một vẻ chua chát:

- Các cô làm gì có quyền thương tôi!

Tôi nói thế là vì tôi nhìn khuôn mặt đề đạm³, vóc người béo đầy của họ, tôi đoán rằng họ vui chồng, vui con họ, mà quên tôi đã từ lâu rồi. Hữu bảo lại Lan:

- Thôi thì chúng mình xem có món nào xứng đáng, làm mỗi cho anh ấy một món vậy!

Câu nói ấy, càng làm cho tôi chắc họ quên tôi. Tôi lại càng cău:

- Cám ơn! Nhưng tôi không phải là người của các cô, không phải là người của bất cứ ai trong bọn đàn bà các cô!...

Câu tôi nói lúc ấy thật tự trong tâm can mà ra. Tôi giận hai người, tôi đã ghét lây tất cả bọn đàn bà, tôi lại còn chán cả đời nữa. Bọn trẻ chúng ta, mấy ai ghét đàn bà mà lại chẳng chán đời!

Lan đưa đứa con cho tôi:

- Thôi đừng dẫn dỗi nữa! Hôn cho thằng bé này một cái!

Hữu cũng bế con lên:

- Hôn cả cháu đây nữa! Nó không là con cậu, nó là cháu cậu cũng được chứ sao!

Tôi tuy giận hai người thật, song không sao nữa lòng không hôn hai đứa trẻ thơ. Mà lạ thay! Cái hôn in trên má chúng nó bấy giờ tôi thấy đầm thắm chẳng kém gì những cái hôn in trên môi mẹ chúng nó mấy năm về trước! Buông hai đứa trẻ ra, nước mắt tôi đã đầy mặt. Tôi cầm đầu chạy lấy, chạy để, không còn dám quay đầu lại, dù sau lưng vẫn nghe tiếng hai người gọi với tôi.

Thế là tàn tạ cuộc đời êm ái ở trong mộng của tôi. Vì từ đó, nếu khi tôi có chiêm bao thấy họ, thì họ chỉ còn có cái khuôn mặt đề đạm, cái vóc người béo đầy mà tôi gặp ở cửa chùa Ngoài, chứ không còn có những vẻ đẹp rực rỡ, những câu chuyện thơ ngây như trước nữa!

Mấy bài thơ của Nhược Tống

*Dưới bức màn sương chột nhớ em,
Bồi hồi hàng lệ gạt đương đêm.
Lòng thề sắt đá dầu không chuyển,
Mộng cách non sông chữa dễ tìm!
Tả hận từng phen quăng ngọn bút,
Thêu sầu xin chớ mượn đường kim,
Phải chăng giờ trước song thu lạnh,
Em cũng ngồi trông bóng nguyệt chìm.
(Trích H. N. T. V. 12-3-1940)
Ngoài trời ly hận mảnh hồn si*

*Chỉ biết bay cao, chẳng nhớ gì...
Chẳng nhớ đường trần tối như mực,
Mưa lầy bùn lạnh, khắc canh khuya...
Những tiếng gà hoang một xóm nào
Rung hồn lạc khỏi cõi xa, cao.
Trái tim bắt chợt đau như xé:
Một mũi tên bay đã cắm vào!
Vũ trụ tan trong mắt lệ mờ!
Lao đao ngồi tựa gốc cây xưa,
Như trong mây khói, như trong mộng,
Anh ngã, mình sa giữa lưới ngờ...*

(Trích H. N. T. V. 26-3-1940)

¹ Nhấn má.

² Nhượng Tống muốn nhắc đến Lâm Tế.

³ Tương tự với phúc hậu, đây đặn.